

CẢNH ĐỔI ĐỜI CỦA TÔI

CSVSQ ĐỒNG DUY HÙNG



Hôm ấy là ngày 30 tháng Tư năm 1975, một ngày tang tóc, cũng là ngày tử nhục cho cả một Quân lực hùng mạnh đã bị bức tử! Bấy giờ, đơn vị của tôi đang phòng phủ tại căn cứ Vân Đồn, phía Bắc Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5, Lai Khê, khoảng chừng 5 km và là tiền đồn tận cùng ở phía Bắc của Sài Gòn, Thủ Đô nước VNCH. Bởi vì từ An Lộc và xuống đến tận Chợ Thành do Biệt Động Quân thuộc Quân Đoàn 3 trấn giữ, đã hoàn toàn bỏ ngõ trước đó chừng một tháng. Khoảng 11 giờ cùng ngày, nhận lệnh về Bộ Tư Lệnh họp, sau khi Tướng Dương Văn Minh đọc lời đầu hàng. Buổi họp chỉ kéo dài không quá 30 phút, Tướng Lê Nguyên Vỹ ra lệnh cho các đơn vị ở tại vị trí và chờ lệnh. Tôi nghiêm chỉnh thi hành vì đó là kỷ luật Quân Đội. Rồi 12 giờ đi qua, 1 giờ đã đến và lúc này là 3 giờ chiều, kéo dài hơn 3 giờ đồng hồ liên lạc, nào là với Trung Đoàn, với Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn và với một vài đơn vị bạn. Thế mà tôi chẳng nhận được một lần trả lời, trong lúc đó tôi phải xử dụng 4 chiếc Thiết quân vận M 113 ra Quốc lộ 13 để ngăn chặn lũ giặc đang tràn xuống! Trách nhiệm càng lúc càng nặng lên tôi, cả đơn vị với hơn 500 chiến sĩ thuộc quyền, đang hồi họp chờ quyết định của tôi. Bởi vì mỗi quyết định không thích ứng với hoàn cảnh hiện tại, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự sống còn của họ. Không thể chần chờ, tôi phải ra lệnh cho Tiểu đoàn phó về Bộ Tư Lệnh để tìm hiểu tình hình. Ba mươi phút sau đó, anh ấy quay về, tôi mới nắm vững chuyện gì đã xảy ra. Sau khi Tướng Tư Lệnh Tự Sát! Lúc này là 4 giờ

chiều, tôi cho phá hủy toàn bộ lương thực và đạn dược dự trữ trước khi bỏ căn cứ rút về. Cũng có nghĩa là đơn vị của tôi đã vững tay súng cho đến thời điểm đó, của cái ngày đen tối ấy!

Thế nhưng, tất cả đều bị kẻ thù giữ lại tại Bến Cát, dù toàn bộ đã rã ngũ lúc 12 giờ và bỏ rơi đơn vị của tôi. Ở cái giờ thứ 25 ấy, tôi còn lòng dạ nào để oán trách cấp chỉ huy trực tiếp đã bỏ lại chúng tôi phía đằng sau lưng, hầu tìm lối thoát cho mình. Họ nào có nghĩ đến tình nghĩa đồng đội trong lúc lâm nguy! Thản nhiên quên đi những hy sinh to lớn, những mất mát tang thương, những gian nan cùng cực mà đơn vị của tôi đã gánh chịu, điển hình gần nhất là trận tái chiếm căn cứ Rạch Bắp, mà Tiểu Đoàn 3/9 đã bị tổn thất nặng nề để mang lại chiến thắng vinh quang, mà họ thật sự hãnh diện!

Rồi tất cả cũng chung một số phận: Tù đầy! Chỉ kẻ trước người sau không hơn thàng rưỡi. Nguyễn Văn Hải E 21 và tôi, cùng toàn thể chiến sĩ của Sư đoàn, không kể Linh hay Quan đều bị giữ lại. Qua ngày hôm sau, 2 tháng 5, từ Trung úy xuống Binh 2, được bọn chúng thả về. Cấp Đại úy bị đi vào một khu riêng và chúng tôi, tổng cộng 36 người từ Thiếu tá đến Đại tá bị đưa vào một khu khác. Cảnh đọa đầy bắt đầu, cũng là cảnh đời đời của tất cả những ai đã một thời phục vụ cho Chính quyền miền Nam. Tôi chẳng muốn dài dòng, bởi vì trên 30 năm qua, sách vở đã viết quá nhiều, tràng giang đại hải, đủ kiểu đủ cách về các hình thức khổ nhục. Có nhắc lại, thì cũng là chuyện cũ rích mà mỗi người của chúng ta đã cùng trải qua. Nếu có khác, chẳng qua là thời gian ở tù! Riêng cá nhân thì chặn chòi 10 năm. Mười năm lính với 10 năm tù quả là sòng phẳng! Tôi muốn mở đầu ngoặc để nói lên một điều: Lúc ở ngoài chiến trường, chuyện xé máu cho nhau, là chuyện thường xảy ra. Và trong tù, chúng ta đã từng xót xa, ngậm ngùi khi chứng kiến những cảnh tranh giành nhau từng muống com một! Thế mà, chuyện xé com cho nhau cũng là chuyện có thật. Nguyễn Hồng Thành A 21 đã xé com cho tôi, đã tiếp hơi thở cho tôi, bỗng trở thành một dấu ấn thật to trong trái tim của tôi. Tôi vẫn không quên ơn của nó!

Trước năm 1975, tôi có một căn nhà nho nhỏ trong khu Kiến thiết, trên đường Trương Minh Ký. Giống hết thân phận của bao gia đình Sĩ quan đồng cảnh ngộ, với những đe dọa hàng ngày, những đắng cay phải chịu đựng từ chính sách hủy diệt tận gốc của bọn chúng và cuối cùng, gia đình tôi trở thành vô gia cư! Được thả về khoảng tháng 5 năm 1985 từ trại Xuân Lộc Z30A, trong tình trạng không cửa không nhà. Rồi đâu chừng một tháng sau đó, người chị đã mũi lòng trước hoàn cảnh của chúng tôi, đã ra tay giúp đỡ bằng cách cho miếng đất phía trước sân nhà, trên đường Lý Thái Tổ, mỗi cạnh 4 thước để làm nơi tạm trú. Tôi bắt đầu dựng chòi lá ngay trong lòng Thủ Đô thân yêu một thời, bằng sự tiếp tay của quý Niên trưởng và Niên đệ, như NT Đình Trọng Cường K19, NT Lưu Văn Ngọc K20, Giáp Văn Tài K26 và một người anh họ lái C 119. Kéo dài độ 10 ngày, căn chòi lợp bằng lá buông đã cho tôi có mái ấm gia đình. Khổ nổi, chỉ sau đó hơn một năm, cứ mỗi lần mưa đến, thì cả bên ngoài lẫn bên trong đều dầm nước như nhau. Thế mà tôi vẫn vui, vì cũng chính tại căn chòi này, anh em, bè bạn vẫn đến với tôi, nhiều đến nỗi tôi bị Công an phường buộc phải làm kiểm điểm.

Nghỉ ngơi chừng hai tháng, tôi bắt đầu nghĩ đến chuyện áo cơm. Do sự thu xếp của đứa cháu gái, tôi làm tại một hãng nhôm và nhiệm vụ là giữ nhôm phế thải mà họ thu mua được. Thêm 3 người dưới sự kiểm soát của tôi để làm công việc chuẩn bị. Cứ nửa tháng, họ thuê nhóm thợ đến nấu nhôm, biến phế thải thành nhôm phế để đưa vào sản xuất. Quả như “cu li” thứ thiệt, toàn thể thân xác luôn trong tình trạng nhem nhuốc suốt ngày. NT Lý Văn Mẹo thường chạy Honda đến rủ tôi ra quán uống cà phê, vợ chồng Phạm Quang Hậu và nhiều bè bạn cũng đến và đã cùng xót xa cho nhau, dẫu thân phận mỗi người mỗi về đắng cay! Một hôm nọ, tôi ngồi trên xe ba gác chở nhôm từ lò nấu về hãng. Đang chạy trên đường Nguyễn Cư Trinh thì bánh xe bị nổ. Trong lúc anh tài xế lo thay, tôi đứng bên cạnh. bỗng một người to lớn ôm chầm lấy tôi, ngược lên thì đã thấy anh đang rướm

rướm nước mắt! Người lính cũ của tôi, người cận vệ trung thành. Tôi chưa nuốt cạn nỗi xúc động thì lại nghe anh ta nói rằng: “Thầy trò của mình gặp lại nhau sau hơn 10 năm xa cách, em không biết được đây là chuyện vui hay buồn”. Tôi liền đọc được suy nghĩ của anh, qua câu nói có hàm ý chứa đựng một tình tự huynh đệ chi binh. Mà đơn giản thế nào được! Thầy trò chúng tôi gặp lại nhau thì đó là nỗi vui mừng tột cùng, nhưng lại hội ngộ trong cái cảnh Thầy chạy xe ba gác, còn Trò thì đạp xích lô, đó là tột cùng của đau đớn, quả là xé lòng!

Cuộc sống của tôi như thế đó, cho nên tôi luôn chú tâm đến chuyện vượt biên, bằng mọi cách để thoát khỏi địa ngục này. Sau 3 lần thất bại trong Nam, chuyến thứ tư, có vẻ liều lĩnh hơn; tôi ra tận Hòn Gai, Quảng Ninh, nơi đây chính là vịnh Hạ Long, cấu tạo bởi nhiều ngọn núi nhô lên khỏi mặt biển, cảnh trí thiên nhiên trông thật hùng vĩ. Tôi ở đây hai tháng cho đến khi có người hướng dẫn qua Móng Cái, rồi từ trạm biên phòng của bọn Công an tại cầu Ca Long, dĩ nhiên phải hồi lộ, tôi được đưa qua biên giới để vào đất Trung Cộng. Biên giới này chỉ là một con sông rộng chừng 300 mét. Thành phố tôi đến là Đông Hưng thuộc tỉnh Quảng Đông. Cũng hơn hai tháng nữa tại nơi này, chờ họ gom đủ khách để thực hiện chuyến trực chỉ Hồng Kông. Rồi cuối cùng, tôi cũng đặt chân trên bến bờ tự do, đúng theo mong ước.

Tôi đến Hồng Kông vào tháng 12 năm 1987, ở một thời điểm xem như là cuối mùa tị nạn! Bây giờ, tình thương dành cho thuyền nhân Việt Nam gần như cạn kiệt. Trong lúc đó, Hồng Kông phải nai lưng gánh chịu trên 60 ngàn người, mà 80% xuất phát từ miền Bắc. Tại A Châu, hay còn gọi là đảo bò (vì trước đó dùng nuôi bò) là trại tị nạn đầu tiên, có trên 10 ngàn người. Chúng tôi ở trong những căn lều dã chiến to đùng và được cấp thực phẩm mỗi ngày một lần do tàu Cảnh Sát mang đến. Bỗng một đêm, bọn “đầu gấu” miền Bắc đã tấn công vào những người miền Nam hiền hòa, trong đó người Hoa là đa số, cướp giật nữ trang tiền bạc và hiếp dâm

đàn bà con gái. Tôi cũng cùng chung số phận! Ngay sáng hôm sau, Cảnh sát vào can thiệp và toàn bộ người miền Nam được đưa lên tàu chuyên qua trại Shek Ku Châu, còn gọi là đảo cai nghiện. Trại này do một vị Bác Sĩ người Anh thành lập để tập trung chữa trị những người nghiện ngập. Trong lúc đó, Chính phủ Hồng Kông phải xây nhiều trại mới để giải toả số người còn ứ đọng. Sáu tháng sau đó, tôi được đưa về trại High Island, là một trong những trại mới, chia làm hai khu A và B, mỗi khu có sức chứa đến 2000 người. Mỗi phòng có 10 cái quạt trần cho mùa hè và nước nóng 24/24 cho mùa đông, luôn tắm rửa. Thực phẩm đầy đủ, bánh ngọt sữa hộp được cấp phát hằng tuần, đến độ dư thừa. Những ai đã một lần sống ở các trại tị nạn thuộc vùng Đông Nam Á, đã không có những điều kiện sinh hoạt thuận lợi như thế này. Thế nhưng cũng lắm chuyện nhiều khê, khủng khiếp liên tục xảy ra từ tất cả mọi trại, giữa hai loại người Việt mà lại chung một Dân tộc! Và cũng ở nơi này, chúng tôi chờ đến lượt được thanh lọc, để Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc quyết định về tình trạng của từng người: tỵ nạn chính trị hay kinh tế và thành phần thứ hai chính là những người bị cưỡng bách hồi hương.

Trôm trôm 1 năm ở High Island, tôi được công nhận tình trạng tị nạn. Thoát khỏi trại cấm, tôi được chuyển về trại Pillar Point, còn gọi là Open Camp, tại thành phố Twen Mun. Họ cấp cho tôi ID và sống tự do như dân Hồng Kông, được đi làm có lương, được quyền mượn nhà ở ngoài phố. Hồng Kông tuyệt vời, người Hồng Kông lịch sự, văn minh, họ sống cởi mở như người Tây phương. Tất cả những chuyện đã xảy ra tại các trại tị nạn, mà báo chí Việt Nam hải ngoại đã chụp hết lên Chính quyền Hồng Kông, tôi cho đó là không trung thực. Người tị nạn từ miền Bắc đã gây quá nhiều rối loạn, mà Cảnh Sát lại có trách nhiệm bảo vệ an ninh, ít ra cho những người bị đe dọa: Người miền Nam. Tôi không chủ trương chia rẽ Bắc Nam. Nhưng đó là sự thật. Trong vài trang giới hạn này, và lại chẳng phải là chủ đề, nên tôi không muốn dài dòng, gọi lại những cảnh tượng thật tang

thương và khủng khiếp đã xảy ra ngay trong trại, giữa người Việt với nhau. Báo chí Việt Nam đã phủ nhận tính nhân hậu của nhân dân và Chính phủ Hồng Kông đã cứu mang trên 100 ngàn người Việt! Trước khi rời Hồng Kông, tôi đến thăm một người mới, làm tại JVA của Mỹ. Anh ta yêu cầu tôi khi đến Mỹ, hãy viết ra những điều trung thực nhất tại nơi này, mà tôi là chứng nhân. Tôi đã hứa, nhưng tôi không làm. Dầu gì chẳng nữa, tôi đâu đành lòng ngoảnh mặt quay lưng với những người, ít ra cũng đã có một năm cùng chung cảnh ngộ. Và tôi đã im lặng cho đến ngày hôm nay.

Trước khi vào Mỹ, tôi phải trải qua 8 tháng tại Phi Luật Tân. Đây là nơi hội tụ tất cả các trại tị nạn, cho nên tôi có cơ hội tìm hiểu. Sau khi làm những sự so sánh, kết luận của riêng tôi là: Hồng Kông chính là Thiên Đường của người Việt tị nạn. Mấy chục năm qua rồi, chuyện tị nạn đã chìm lắng trong dĩ vãng. Nhưng báo chí Việt Nam hải ngoại hãy còn nợ Chính quyền Hồng Kông: “một lời xin lỗi”.

Rời qua Mỹ vào tháng 11 năm 1990 và bắt đầu làm lại cuộc đời ở tuổi gần 50, cũng khởi sự như những người HO đồng cảnh. Không còn một sự lựa chọn nào khác, khi kiến thức của tôi chỉ thuần túy là quân sự. Tôi đã cố gắng để mong sớm được ổn định. Bây giờ đang bước vào tuổi 70, thế mà nợ áo cơm vẫn còn dai dẳng. Thôi thì thân phận của mình đã như thế đó! Hãy cố gắng mà trả hết nợ đời! Hạnh phúc cuối cùng của con người xưa nay vẫn là tình yêu cuộc sống, khi cảm nhận được cuộc sống này có ý nghĩa. Ít ra, tôi cũng tìm được một điều nho nhỏ, mà tôi mãi nguyện đó là sự gắn bó của tôi với sinh hoạt của Khóa 21, từ vật chất cho đến tinh thần, kể từ ngày tôi hiện diện trên đất Mỹ và bằng cả tấm lòng.

Cám ơn đất nước và nhân dân Hồng Kông, là nơi chôn đầu tiên mà tôi có được không khí tự do sau 15 năm trong địa ngục và Hoa Kỳ, nơi đã cứu mang tôi và gia đình, bạn bè và đồng hương của tôi.

CSVSQ ĐỒNG DUY HÙNG

KHÓA 21 VỚI KHÔNG QUÂN



Nguyễn Thái Dũng C/21

Cuối năm 1966, Khóa 21 mãn khóa và 235 “cùi 21” được tung ra đơn vị, trong đó có 24+1 “cùi 21” trình diện Bộ Tư Lệnh Không Quân. Sau 3 khóa 18, 19, 20 BTL/KQ không gửi người đến tuyển mộ, Khóa 21 là khóa đầu tiên BTL/Không Quân gửi người trở lại.

Con số tổng cộng là 25, nhưng được viết là 24+1 vì đặc biệt là cùi Đinh Gia Rững E-21 được sự vụ lệnh trình diện thẳng BTL/KQ sau khi ra trường sớm hơn vài ngày với cấp bậc Chuẩn Úy, còn lại 24 cùi trong số 80 người được gọi về Tân Sơn Nhứt khám sức khỏe, đạt đủ điều kiện sơ khởi cho ngành phi hành gồm như sau:

- ĐD A:** Đỗ Văn Chân, Nguyễn Côn, Lê Đình Lay.
Tổng cộng 3 người.
- ĐD B:** Trần Đăng Khôi, Cao Thành Răng, Trần Xuân.
Tổng cộng 3 người.
- ĐD C:** Phạm Công Cẩn, Nguyễn Thái Dũng, Nguyễn Văn Đông, Trần Công Tường.
Tổng cộng 4 người.
- ĐD D:** Hoàng Ngọc Hải, Võ Minh Hòa, Trần Đức Việt
Tổng cộng 3 người.

ĐD E: Lê Văn Sang, Nguyễn Văn Yên.

Tổng cộng 2 người.

ĐD F: Ngô Văn Chộ, Hồ Văn Cường, Hồ Tấn Đạt, Phan Xuân Lễ.

Tổng cộng 4 người.

ĐD G: Trần Gia Bảo, Lê Hữu Khiêm, Hà Tôn.

Tổng cộng 3 người.

ĐD H: Nguyễn Huy Hoàng, Trần Văn Răng.

Tổng cộng 2 người.

Sau khi tái khám lần hai, đầu năm 1967, 24 “cùi 21” được đưa ra Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân Nha Trang (Căn Cứ 12) để chờ “clear” thủ tục an ninh và học Anh văn chờ ngày đi Hoa Kỳ huấn luyện phi hành. 24 Tân Thiểu Úy Đà Lạt ra trình diện Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân lúc bấy giờ là Trung Tá Ông Lợi Hồng và được chia ra làm 3 nhóm, nhóm làm Sĩ Quan Cán Bộ cho các SVSQ Không Quân phụ tá Đại Úy Nguyễn Văn Phú Hiệp, sau Đ/U Trần Văn Hai thay thế, nhóm làm Sĩ Quan Cán Bộ Khóa Sinh phụ tá Đại Úy Tôn Thất Lăng khóa 16 Đà Lạt, và nhóm về Khối Huấn Luyện của Đại Úy Lê Trọng Hiệp. Đ/U Hiệp khóa 12 Đà Lạt có Tr/U Duy khóa 17 và Tr/U Trung khóa 18 và Ch/U Rừng khóa 21 phụ tá.

Trong khi các bạn cùng khóa đã bắt đầu ra đơn vị, và tin đầu tiên cho biết chỉ gần 2 tháng sau ngày mãn khóa, đã có “cùi 21” đầu tiên hy sinh vì tổ quốc là Th/U Trương Văn Chính C-21, 24 “cùi 21” qua KQ vẫn còn ở trong tình trạng nửa vời, vừa là khóa sinh, vừa là cán bộ, làm khó xử cho cả Bộ Tham Mưu của Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân và các đương sự. Ngoài ra còn có sự ganh ghét của các SVSQ/KQ thâm niên chờ ngày lên đường đi Mỹ, họ tự cho mình có đặc quyền không cần tuân kỷ luật quân trường nhất là những người mà họ cho là “con nuôi” của quân chủng ở ngoài đến bắt họ vào khuôn khổ, họ lôi kéo các Sĩ Quan Phi Hành bên Không Đoàn 62 làm vây cánh gây áp lực. Nhưng các “cùi 21” đã vượt qua những khó khăn tế nhị này một cách đường hoàng đúng phong cách của một SQ/VBDL: Khi

thi hành nhiệm vụ cán bộ, các “cùi 21” thực thi phương pháp lãnh đạo học trong trường và đã chinh đốn được kỷ luật lỏng lẻo của Liên Đoàn SVSQ cũng như Liên Đoàn Tân Bình. Đối với áp lực bên ngoài, các “cùi 21” cũng kín đáo cho họ biết là “nếu cần thì dent pour dent, oeil pour oeil”, và vài tháng sau, áp lực giảm thiểu và tan biến dần đi.

Khi mới tới trình diện, các “cùi 21” được chỉ định về căn biệt thự bỏ hoang ở số 16 Bis Lê Văn Duyệt Nha Trang. Đây là căn biệt thự khá lớn, ngày trước dành cho Sĩ Quan Cao Cấp Không Đoàn 62 cư ngụ, vị trí ngay đầu đường đi vào cư xá của các Sĩ Quan có chức vụ của cả Không Đoàn 62 và Trung Tâm Huấn Luyện/KQ. Lý do mà căn biệt thự này bị bỏ hoang là vì một vị phu nhân của một cựu Chỉ Huy Trường đã bị hung thủ là một tài xế hầu cận giết vì tình, ông CHT xin rời đi đơn vị khác. Các CHT kể đến đó ở, bị hồn ma áo trắng mà người ta cho đó là vị phu nhân bị giết oan hiện lên, nên các bà phu nhân của các CHT kể sợ quá không dám ở, thành ra căn biệt thự bị bỏ hoang. Các “cùi 21” được cho trọn căn nhà hai tầng có 6 phòng rộng ở nhà chánh và 4 căn nhỏ phía sau ngày trước dùng cho các hạ sĩ quan và binh sĩ hầu cận. Không hiểu vụ ma áo trắng có thật hay không, nhưng khi các “cùi 21” dọn vào, cả thấy 25 người vì có thêm Đinh Gia Rững rời cư xá vắng lại về ở chung với các bạn đồng khóa, thì sinh khí bùng bùng tăng lên, chẳng còn thấy ma áo trắng nào hiện lên cả, họa may chỉ còn có bà xã của Nguyễn Côn lâu lâu bận áo trắng đi tới đi lui ở vườn sau vì Nguyễn Côn mang theo vợ, nên chiếm một phòng khu nhà dưới.

Ở yên chỗ rồi, Trần Gia Bảo với ngón đàn guitar là lướt đệm cho Ngô Văn Chộ, Phạm Công Cận hát các bản nhạc tình lính Boléro của Nhật Trường như Bầy Ngày Đợi Mong, Tuyết Trắng, Lâu Đài Tình Ái giữa đêm trăng nghe thật mùi rệu, làm các nàng trong cư xá để ý tới nhóm “Thiếu Úy Đà Lạt trẻ tuổi” này. Chả mấy chốc đã có mấy bóng hồng đến thăm giao hữu. Và không biết danh từ “Lâu Đài Tình Ái” xuất hiện tự bao giờ, nhưng đến nay 40 năm sau, người còn kẻ mất, danh từ này đối với các “cùi 21” KQ luôn luôn

nhắc nhớ đến một kỷ niệm đẹp khó quên, của một thời hàn vi, no đói có nhau. Không những thế, các “cùi 21” Lực Lượng Đặc Biệt như Lê Văn Ngôn A-21, Chiêm Thanh Hoàng A-21, Nguyễn Ngọc Tùng A-21, Liên Khi Gia D-21, Nguyễn Quốc Định D-21, Nguyễn Đăng Lâu G-21 và Phạm Thanh Liêm F-21 mỗi khi đến trình diện Bộ Tư Lệnh LLDB đều ghé chơi và dẫn anh đi ăn nhậu nên cũng có nhiều kỷ niệm với “Lâu Đài Tình Ái”.

Cái lần cần thứ hai là vụ ăn. Mấy tháng đầu phòng tài chánh không biết có ý gì không, cứ tà tà không chịu điều chỉnh thế lương nên các “cùi 21” lãnh lương Trung Sĩ đều chi, khi đó người lãnh lương cao nhất là Đinh Gia Rững, vì ra trình diện sớm hơn đã được ăn lương Chuẩn Ủy rồi. Cái khó nó bó cái “sang”, 25 cùi (vì cùi Rững cũng đâu bỏ được anh em) đành ra quán cơm bình dân của chị Năm đầu cồng Long Vân ngày hai bữa vỗ bụng bình bịch đầy rau và món cá ngừ “kho măng” múc ra từ một nồi đầy nước lợng bông vài con cá tanh ơi là tanh. Mấy tuần đầu còn ăn được, mấy tuần sau, nhắm mũi nhắm mắt nuốt chửng cho xong bữa. Cái vụ này sau được giải quyết nhờ “cùi 21” Lê Hồng Điều, lúc đó làm tùy viên cho Tướng Đoàn Văn Quang, Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt, đã xin được cho anh em “cùi 21” KQ vào ăn ở Câu Lạc Bộ Sĩ Quan ở Bộ Tư Lệnh LLDB, ở ngay đối diện với “Lâu Đài Tình Ái”, nhờ vậy anh em đỡ ngồi lệp xệp ở quán đầu đường.

Anh em dọn dẹp nơi ăn chốn ở khang trang rồi thì có kẻ thấy ở được như vậy bèn dòm ngó manh tâm chiếm lại, Khối Kiến Tạo Không Đoàn 62 lấy cớ căn biệt thự là cơ hữu của Không Đoàn bèn cho người mang giấy đến đòi và cho người khác đến ở. Tội nghiệp cho anh chàng nào đó lóc cóc dọn lại bị rượt chạy te. Anh ta về mách, Khối Kiến Tạo cho người tới cũng chạy te luôn, họ bèn đi mách lại CHT/TTHLKQ, cũng không đi đến đâu. Sau đó họ đưa TR/U Cao Thanh Quang phi công khu trục Skyraider, Phi Đoàn Thiên Lôi, mang gia đình tới, khi hỏi ra các “cùi 21” mới biết đó là cùi đàn anh khóa 17, bèn xắn tay áo phụ dọn dẹp mang đồ vào. Các “cùi 21” dọn lên 3 phòng trên lầu nhường lại 3 phòng

căn dưới. Anh Quang sau này đi xuyên huấn A-37, ở chung với các “cùi 21” ở San Antonio một thời gian rất thân thiết. Nhưng Anh đã bỏ thân nơi xứ người khi máy bay A-37 anh lái bị “spin” rơi xuống đất tan tành.

Sau đó ít lâu, các “cùi 21” vừa làm xong “baptême de l’air” được gắn nửa cánh bay và ăn thêm nửa phụ cấp phi hành cộng thêm tiền “rappel” mấy tháng lương sai biệt giữa thiếu úy và trung sĩ nên rủng rỉnh quá sức. Hai tuần đầu mỗi tháng là có quyền ra “Phở Gà Số 1” chơi một tô phở lòng gà, trứng non, xong xuôi bèn chơi thêm một ly cà phê sữa đá nữa thì thật là sướng nứt trứng. Buổi tối đám “dân chơi” căn phòng “playboys” rủ nhau đi Dancing Đồng Khánh trên bãi biển uống bia nhẩy đêm, chả bù hồi trước đứng ngoài hàng rào, ngóng cổ qua hàng rào nghe nam ca sĩ Hoàng Cầm hát Gọi Giác Mơ Xưa, khi nào ghiền “sốt” quá, mấy tên rủ nhau vào kêu một chai bia chia nhau uống lấy chỗ ngồi, xong rồi Hồ Tấn Đạt bèn cử Đinh Gia Rững và Nguyễn Thái Dũng ra mời “tài phán” nhẩy Tango, Bebop để ra về không phải dân “mậu lúi”.

Thời gian thắm thoát trôi, 24 “cùi 21” vừa học xong khóa “Vỡ Lòng Cessna” với 40 giờ bay, đánh ECL (test Anh ngữ) đã đủ điểm, Hoàng Ngọc Hải dẫn đầu với trên 70 ECL, cao điểm hơn mức đòi hỏi đi trường bay, thành phải “slow down” chứ không khi qua Mỹ không được cho học Anh văn mà gửi thẳng đi trường bay thì lỗ quá. Rồi giấy gọi đi về Sài Gòn tái khám và “clear” an ninh bắt đầu được gửi tới theo nhịp đều đặn 2 tới 4 tuần một toán 2 hay 4 người. Đi đầu tiên là Cường, Yên rồi Cảnh, Côn rồi Lễ, Bảo, Khiêm. Kế tiếp là Hoàng, Trần Văn Rãng, Tường, Khôi, Hải, Xuân rồi tới Dũng, Viêt, Chấn, Lay. Sau hết là Sang, Tôn, Đông, Đạt, Hòa, Cao Thành Rãng, còn lại duy nhất là Ngô Văn Chộ sau khi tái khám mấy lần vẫn có “problem” với Tâm Động Đồ (EKG hay Electro Kinetic Graph) có mấy chỗ tim bị nhẩy mất nhịp nên “inapt” phi hành, ở lại TTHL/KQ, sau này Chộ trở thành Sĩ Quan Cán Bộ Liên Lạc giữa TTHL/KQ và các khóa Võ Bị từ 24 trở xuống chọn sang Không Quân, anh bay

đi bay về Đà Lạt-Nha Trang một nghỉ. Chộ bị kẹt lại và mất sau 1975 trong hoàn cảnh cơ cực sau khi đi tù cải tạo về.

Ngoài ra một số “cùi 21” vì lý do này hay lý do khác đã không hoàn tất chương trình phi huấn. Nguyễn Huy Hoàng H-21 khi đang bay huấn luyện khu trục ở Hoa Kỳ, khi tái khám bị “inapt” về gan, về nước trở lại làm việc tại TTHL/KQ tại Nha Trang cho đến tháng 4/1975. Sau 75 đi cải tạo được về, hiện tại ở Sài Gòn mỗi lần nghe tin anh em họp khóa đều muốn bay qua tham dự, nhưng chưa thực hiện được.

TRẦN VĂN RẰNG H-21 học khu trục cùng với HOÀNG, bay xuất sắc, nhưng không thích nghiệp bay nên xin chuyển được sang nghề “nhãn khoa phi hành” (optometrist), sau 75 hành nghề “bác sĩ mắt” ở Sài Gòn rất có tiếng, những năm đầu là gạch nối giữa các anh em ở hải ngoại và các anh em đi tù cải tạo về.

TRẦN XUÂN B-21 học khu trục không đậu, về làm Sĩ Quan An Ninh Phòng Thủ Phi Trường, đã qua Mỹ sau khi đi tù cải tạo về.

TRẦN ĐĂNG KHÔI B-21 đi học khu trục không đậu, được chuyển ngành, sau làm Phó Giám Đốc Trung Tâm Huấn Luyện Tân Bình Không Quân tại Tân Sơn Nhứt, qua Mỹ năm 1975, làm Đại Diện Khóa nhiệm kỳ 1992-1994, hiện tại ở Baldwin Park, CA, không bao giờ vắng mặt bất kỳ buổi họp khóa nào.

ĐINH GIA RŨNG E-21 sau khi rời Nha Trang về Sài Gòn về Tân Sơn Nhứt làm An Ninh Vòng Đai Tân Sơn Nhứt trước khi qua Trường Huấn Luyện làm Sĩ Quan Điều Hành cùng chỗ với Trần Đăng Khôi. Ngày 30/4/1975 tuy có phương tiện ra đi, Rững ở lại và những giây phút chót là Sĩ Quan cấp cao nhất của Căn Cứ vẫn không rời nhiệm sở. Đòi lại Rững đi tù cải tạo một thời gian khá lâu, ruột gan nát báy, sau theo diện HO qua Mỹ, lúc đầu ở Santa Ana, sau về Houston, sau bao nhiêu năm gặp lại vẫn như cũ, lúc nào cũng nhe đủ 32 cái răng.

Hai tay khu trục khác là TRẦN CÔNG TUỜNG và HOÀNG NGỌC HẢI hoàn tất xong chương trình phi huấn tại Mỹ về nước bay khu trục phản lực A-37.

TRẦN CÔNG TUỜNG C-21 tử nạn sau khi hoàn tất phi vụ oanh tạc yểm trợ quân bạn ở mặt trận Miên. Trên đường về phi cơ anh mất tích không tìm được dấu vết.

HOÀNG NGỌC HẢI D-21 bay khu trục phản lực A-37 tại Nha Trang. Anh là một phi công xuất sắc được các phi công khác vị nể trong vai trò Sĩ Quan Huấn Luyện. Anh qua Mỹ sau khi đi tù cải tạo. Hiện nay anh cư ngụ tại Houston.

Người đặc biệt nhất trong nhóm là LÊ ĐÌNH LAY A-21 CỤU LIÊN ĐOÀN TRƯỞNG /LĐSVSQ/K21 ĐỢT 1. Anh là người duy nhất trong nhóm được đi học bay vận tải, từ C-47, đến C-123 và là một trong những phi công VN bay đầu tiên trên Hercule C-130. C-47 và C-130 là hai phi cơ vận tải tốt nhất trong số các phi cơ vận tải mà Mỹ đã từng chế tạo, thời gian phục vụ của hai phi cơ này dài mấy chục năm gấp ba bốn lần các kiểu phi cơ khác. Lay là phi công xuất sắc của ngành vận tải, anh là người tình nguyện thả dù tiếp tế theo sự hướng dẫn radar vào Đồn Tổng Lê Chân, nơi mà một người bạn chí thân cùng Đại Đội A-21 là Lê Văn Ngôn đang bị địch vây kín mít. Không ai có thể phủ nhận tài lãnh đạo chỉ huy của Ngôn, khi anh đã giữ vững được căn cứ trong một thời gian 3 năm, kỷ lục trong quân sử thế giới. Nhưng nếu vũ khí, đạn dược và nhất là lương thực không được tiếp tế đủ thì liệu Ngôn sẽ có thể kéo dài cuộc cầm cự như thế không? Đồn Tổng Lê Chân từ cao độ 10 ngàn bộ trông như một đồng các nhỏ bé giữa thảm xanh bao la của rừng rậm. Dù tiếp tế thả từ trên cao 10 ngàn bộ (khoảng 3 cây số hay 2 miles chiều cao), dù có radar hướng dẫn chỉ cần một con lóc nhỏ là bay ra khỏi hàng rào phòng thủ, kể như mất vào tay địch, trung bình thả cả chục cái mới có một cái vào chu vi Đồn. Tinh thần trách nhiệm được tăng cường thêm vào với tình bạn cùng khóa đã tạo nên sự kiên nhẫn tiếp tục tình nguyện đi thả dù Tổng Lê Chân của Lay, nhờ vậy ngày nay Khóa 21 có một kỳ tích Lê Văn Ngôn trong Quân Sử.

Sau 9 cùi kẻ trên, còn lại 16 người còn lại đều trở thành phi công trực thăng. Cao Thành Răng là một trong những người đi sau chót lại là một người tử nạn sớm nhất. Anh bị tử nạn trong thời gian đầu tiên trên phi cơ trực thăng huấn luyện hai chỗ ngồi TH-55 tại Fort Wolters, Texas.

Người bị tử nạn đầu tiên sau khi ra trường cũng là người đầu tiên đi học bay là Hồ Văn Cường F-21. Sau khi tốt nghiệp, về nước anh về phục vụ Phi Đoàn 217 tại Cần Thơ. Anh bị tử nạn trong một phi vụ bay đêm ở Vùng IV.

Sau này NGUYỄN VĂN ĐÔNG C-21 cũng về cùng Phi Đoàn 217 tại Cần Thơ. Anh di tản qua Mỹ năm 1975. Hiện nay anh trở thành một chức sắc tu hành của Đạo Cao Đài vùng New Orleans. Kỳ họp khóa vừa rồi 2002 tại Houston, anh về họp với anh em, trong những ngày đó anh tạm quên vai trò hiện tại để trở về quá khứ vui đùa với anh em.

Vùng II có PHẠM CÔNG CÂN & VÕ MINH HÒA, sau khi ra trường về phục vụ tại Phi Đoàn Thần Tượng 215. Hòa D-21 ở Phi Đoàn này một thời gian, sau đó anh về bay cho Phủ Tổng Thống, căn cứ là Dinh Độc Lập. Ngày 30 tháng 4 năm 1975, Anh được lệnh tùy nghi di tản từ vị Tổng Thống cuối cùng Dương Văn Minh, anh đã cất cánh rời Dinh Độc Lập trước khi xe tăng Bắc quân húc đổ cổng Dinh. Anh đáp xuống mầu hạm Hancock, và được đưa về trại tỵ nạn ở Arkansas gặp gia đình, mấy năm sau anh rời Fort Smith và định cư tại Houston, Texas cho đến ngày nay. Võ Minh Hòa là một người dễ thương nhất trong nhóm, có tài viết lách rất dí dỏm, và nhất là thiện chí đầy mình, sau lưng lại có bà xã giỏi yểm trợ, nên anh không ngại gánh vác công việc của khóa, không bao giờ không đi họp khóa, anh là Đại Diện Khóa hai nhiệm kỳ liên tiếp 1998--2002.

PHẠM CÔNG CÂN C-21 là một trong những người đi trường bay sớm nhất. Về nước anh phục vụ tại Phi Đoàn Thần Tượng 215. Với chí tiến thủ, và lòng gan dạ, anh đã tình nguyện lên PleiKu khi các phi đoàn mới được thành lập với chức Trưởng Phòng Hành Quân Phi Đoàn 229. Mặt Trận Cao Nguyên là nơi chứng tỏ tài năng của anh. Mùa Hè Đỏ Lửa với các tử địa như những căn cứ Dakpek, Daksut, Ben

Het, Đồi Delta, Đồi Charlie, Dakto và Tận Cảnh nơi các bạn cùng khóa thuộc Trung Đoàn Biệt Lập 42 trấn đóng là chứng nhân cho sự khôn khéo, gan dạ của anh khi bay trong vòng lửa đạn. Anh là người nắm chức vụ cao nhất trong các “cùi 21”, anh nắm quyền Phi Đoàn Trưởng PĐ229 trong giai đoạn khó khăn nhất, rút PĐ từ PleiKu về Vùng IV những ngày cuối tháng 4 năm 1975. Anh qua Mỹ năm 1975, sau một thời gian cư ngụ tại thành phố Altoona, tiểu bang Pennsylvania, anh lên đường xuôi Nam giả biệt miền Bắc, nơi định cư đầu tiên, ghé Houston, trước khi về Reseda, CA định cư cho tới ngày nay. Anh đã làm Đại Diện Khóa 2 nhiệm kỳ liên tiếp 1994-1998.

Hai cùi về Vùng I địa đầu hỏa tuyến là Trần Gia Bảo và Hồ Tấn Đạt, sau khi tốt nghiệp về phục vụ tại Phi Đoàn Song Chùy 213 tại Đà Nẵng. Khi Mỹ rút quân năm 1971, ngành trực thăng của Không Quân Việt Nam phát triển từ 5 phi đoàn lên gấp 500% thành 24 Phi Đoàn, 7 Phi Đội Tản Thương.

HỒ TẤN ĐẠT F-21 sau thời gian ngắn phục vụ ở Vùng I Chiến Thuật, tình nguyện về Phi Đoàn tân lập ở Vùng IV. Chỉ cần một thời gian ngắn sau, anh nắm chức Trưởng Phòng Hành Quân, tham gia mặt trận vùng IV. Các “cùi 21” ở Sư Đoàn 21, Sư Đoàn 9 chắc đều có dịp liên lạc vô tuyến với “Charlie Delta” (hay C&C Hồ Tấn Đạt). Sau 75 anh di tản qua Mỹ lập nghiệp tại Chicago, nhưng thời tiết lạnh giá của “Windy City” không thích hợp với bệnh suyễn của anh, nên sau đó anh rời về miền Houston nắng ấm và định cư cho tới ngày nay. Anh là Đại Diện Khóa đầu tiên nhiệm kỳ 1988-1990

TRẦN GIA BẢO G-21 là anh hùng phi công vùng III Chiến Thuật. Anh rời Phi Đoàn 213 Đà Nẵng về làm Trưởng Phòng Hành Quân Phi Đoàn 223 tại Biên Hòa. Tính tình điềm đạm, nhưng khi đụng trận người ta mới thấy sự gan dạ cùng mình của anh. Mặt Trận Bình Long “hot” nhất trong 3 mặt trận của Mùa Hè Đỏ Lửa 1972. Thị trấn An Lộc là thành phố xa nhất nằm trên trục lộ 13 trước khi rẽ vào tỉnh lộ 33 lên Lộc Ninh sát biên giới Miền Việt. Bắc quân dùng ưu thế quân số tràn ngập Lộc Ninh, xuôi xuống vây chặt An Lộc và

trái quân dọc theo phía Nam An Lộc trên trục lộ 13. Họ đặt các chốt cứng tại Xa Cam, Xa Cát và Suối Tàu Ô để đá viện. Với địa thế bằng phẳng và rừng rậm nhiệt đới dày đặc, Bắc quân có thể bố trí một hệ thống phòng không để khóa chặt bầu trời An Lộc, ngoài ra họ còn sử dụng một vũ khí cực kỳ lợi hại là hỏa tiễn tầm nhiệt SA-7, khắc tinh của trực thăng. Suối Tàu Ô là con suối cạn về mùa khô nằm song song với Quốc Lộ 13. Chốt đóng quân của ta và địch ở Suối Tàu Ô là hai bên đường, phân chia bởi con lộ 13. Hai bên bố trí hai bên đường, khi cần chửi nhau không cần máy phóng thanh. Hai bên ghim chặt nhau cả mấy tuần rồi, quân ta cần tiếp tế tải thương, nhưng không một phi cơ lọt vào đây vì hỏa lực phòng không quá mãnh liệt, bay vào tử địa đó kể như cầm chắc 99% bị bắn hạ. Bảo với chức vụ chỉ huy, nếu như những người khác chỉ bay ở trên cao ra lệnh cho các phi cơ trong hợp đoàn vào, nhưng Bảo đã không làm vậy, anh không ra lệnh cho người khác những cái gì mình không làm, anh ra lệnh cho hợp đoàn stand-by chờ, một mình một chiếc, anh bay sát đất tránh phòng không, chấp nhận lưới đạn của súng cá nhân nhỏ của địch bay vào Suối Tàu Ô, đáp xuống giao thông hào sát bên mặt lộ 13, tuyến chia đôi hai bên địch bạn, chỉ để cánh quạt lòi trên mặt đất, nên cơn mưa đạn của địch không làm gì được anh. Khi hoàn tất “unload” tiếp tế lương thực và đạn dược, và “load” thương binh lên, quân bạn trả lễ địch phía bên kia mặt lộ bằng cơn mưa đạn để Bảo bốc lên, bay sát mặt đất ra vùng. Về đến căn cứ Biên Hòa, anh được mọi người tiếp đón và ngả mũ kính chào hành động oai hùng có một không hai. Nhưng không phải chỉ có một lần như thế, anh đã một mình một chiếc trực thăng bay đáp trong Tiên Điền Tổng Lê Chân để mang ra một số thương binh cho Lê Văn Ngôn và Phi Hành Đoàn bị bắn hạ từ mấy ngày trước. Tháng 4 năm 75 anh đang theo học Khóa Chỉ Huy Tham Mưu Trung Cấp tại Sài Gòn nên bị kẹt lại không di chuyển theo đơn vị, chiếc trực thăng anh bay bị hết xăng phải hạ cánh xuống căn cứ Đồng Tâm. Anh đi tù cải tạo ở miền Bắc một thời gian dài. Hiện nay định cư tại Santa Ana, CA, uống rượu quên đời.

Còn lại 9 người cuối cùng trong danh sách của các “cùi 21” KQ về chung một phi đoàn theo tự gồm có Nguyễn Văn Yên E-21, Nguyễn Côn A-21, Phan Xuân Lê F-21, Lê Hữu Khiêm G-21, Nguyễn Thái Dũng, C-21, Đỗ Văn Chấn A-21, Trần Đức Việt D-21, Hà Tôn G-21 và Lê Văn Sang E-21.

Trước khi Lực Lượng Hoa Kỳ rút về và sự phát triển nổi bật của Không Quân VN, mỗi vùng chiến thuật chỉ có một phi đoàn trực thăng để yểm trợ chiến trường; PĐ217 Vùng IV, PĐ211 Vùng III, PĐ215 Vùng II, PĐ213 Vùng I, còn lại PĐ219 được thành lập theo nhu cầu đặc biệt là chiến trường ngoại biên bao gồm các mục tiêu là các vùng như bắc vĩ tuyến 17, dọc theo Đường Mòn Hồ Chí Minh từ Đèo Mụ Già nằm trên biên giới Quảng Bình Đông Hới và Lào, qua các mật khu 619 trên đường 9 Nam Lào, 701 vùng Ba Biên Giới phía bên kia Tiền Đồn Ben Hét, dọc xuống đất Miên qua Modol Kiri, Kratié, Snoul, để xâm nhập miền Nam theo ngã Bù Gia Mập. Đây là chiến trường chiến lược, được Hoa Kỳ bảo mật tối đa vì Lào quốc được Hoa Kỳ vận động thành một nước trung lập, nên họ không thể nào tự nhận có tham chiến ở đây. Phía bên này biên giới, Hoa Kỳ thành lập “Vòng Đai Xanh” (The Green Belt) để ngăn chặn. Vòng Đai Xanh này là hệ thống tiền đồn do một A-Team Hoa Kỳ và một A-Team Lực Lượng Đặc Biệt Việt Nam đảm trách tuyển mộ người Thượng thành lập một Tiểu Đoàn Dân Sự Chiến Đấu (CIDG =Civil Indigene Degense Group) để đóng tại những vị trí then chốt ngăn đường xâm nhập của Bắc quân từ bên Lào, như Khe Sanh, A Shau, A Lưới, Khâm Đức, Dakpek, Daksang, Daksut, Ben Het, Plei Djereng, Tieu Atar, Bandon, Đức Lập, BuPrang, Sông Bé, Lộc Ninh, Quảng Lợi, Tổng Lê Chân, v.v... (A-Team là một toán theo tổ chức của Lực Lượng Đặc Biệt quân số chỉ có 13 người tương đương với một tiểu đội của quân chính quy, nhưng quyền hành rất rộng rãi vì hoạt động biệt lập, và được ưu tiên yểm trợ về phi pháo). Lính Dân Sự Chiến Đấu (hay thường được gọi là Biệt Kích Mỹ) ở vùng Cao Nguyên là người Thượng, họ thường không hiểu những có ý niệm phức tạp rắc rối về chính trị, họ rất dạn dĩ, khi nào “ông Mỹ trả lương” thì theo ông Mỹ, khi nào ông Mỹ không

trả lương thì bản máy bay ông Mỹ, tháng tháng sắp hàng “bắt cái lương” rồi đi kiếm chỗ “bắt cái nước”.

Các cuộc hành quân vượt biên được điều hành dưới OPLAN 35 được chỉ huy trực tiếp từ Ngũ Giác Đài và thi hành bởi các cơ quan tình báo Hoa Kỳ phối hợp với Nha Kỹ Thuật của Việt Nam. Nha Kỹ Thuật gồm một số Sở như Sở Liên Lạc (hay Sở Nam hay Lôi Hồ xâm nhập Đường Mòn HCM), Sở Phòng Vệ Duyên Hải (hay Sở Bắc gồm nhiều toán người nhái xâm nhập biên Bắc), Sở Không Yểm điều hợp không yểm v.v... Sau này Nha Kỹ Thuật được đặt dưới sự điều động của Phòng 7 Tổng Tham Mưu. Về phía Hoa Kỳ các cơ quan tình báo như CIA, Naval Intelligence, DIA (Defense Intelligence Agency, và các toán Special Forces thuộc Nhóm V (The Fifth Special Forces Group) đặt Tổng Hành Dinh ở Okinawa.

Năm 1964 Không Quân Việt Nam thành lập Biệt Đoàn Thần Phong 83 gồm 3 Biệt Đội, Vận Tải, Khu Trục và Trục Thăng. Biệt Đội Vận Tải nối tiếp các phi vụ “Cò Trắng” thả biệt kích ra Bắc từ thời 1961. Biệt Đội Khu Trục một thời vang danh Bắc Phạt với các phi công bị bắn hạ trên đất địch như Vũ Khắc Huê (anh rể Đinh Gia Rừng), Phạm Phú Quốc v.v... nhưng một thời gian ngắn sau bị áp lực Hoa Kỳ nên giải tán. Chỉ còn Biệt Đội Trục Thăng với nhu cầu tăng gia vì Bắc quân ồ ạt đưa tiếp liệu và quân bổ xung đi B – chiến trường miền Nam, nên năm 1968 được tái tổ chức thành Phi Đoàn Long Mã 219.

Vì chiến trường đặc biệt cần phi cơ chịu đạn được nên trực thăng H-34 được xử dụng thay vì UH-1 đang được Mỹ xử dụng và trang bị cho các phi đoàn trực thăng VN khác. Do đó 9 “cùi 21” được huấn luyện trên H-34 tại Hoa Kỳ nên được (hay bị) bổ xung theo nhu cầu đặc biệt này về PD219. “Được (hay Bị)” hay là cả hai vì lý do sau đây: Mỗi lần vượt biên giới, mỗi nhân viên phi hành được lãnh 3 ngàn đồng “công tác phí vượt biên” (cross border fee), mỗi lần đi biệt phái 2 tuần trung bình làm từ 15 đến 25 phi vụ vượt biên, công thêm tiền “per diem” (công tác phí biệt phái xa đơn vị gốc 650 đồng một ngày), thành ra tổng cộng sau hai tuần mỗi

nhân viên phi hành lãnh khoảng 50 chục tới 100 ngàn đồng đi nghỉ phép hai tuần, đó là chưa kể các tay đánh bài thần sầu quý khố như Trần Đức Viêt, Hà Tôn thì có khi mang túi bong về, có khi mang hai ba trăm ngàn về ăn chơi. Còn “Bị” là vì sau thời gian hai năm, chỉ còn lại 1/3 còn bay bổng, 2/3 bị bắn hạ hay bắn bị thương không tiếp tục đi bay nữa, như sẽ thấy chuyện 9 “cùi 21” của PĐ219 kể dưới đây.

Hai người về cuối cùng lại là 2 người đã hy sinh cho tổ quốc trong số 9 “cùi 21” của Phi Đoàn 219. LÊ VĂN SANG E-21 về phi đoàn được mấy tháng, mượn nhà mang vợ ra ngoài phố Đà Nẵng ở chưa ấm căn nhà đã tử nạn trong một phi vụ hành quân ở vùng II như được kể trong bài đính kèm dưới đây trích từ truyện ngắn “Bay Trong Lửa Đạn” đăng tải trên Nguyệt San Nghệ Thuật - Montréal, Canada) và Tuyển Tập Không Quân phát hành ở Houston, Texas.

HÀ TÔN G-21 cựu Liên Đoàn Trường LÐSVSQ Khóa 21 về PĐ219 cùng với Lê Văn Sang. Anh là một phi công anh hùng, gan dạ, chỉ một thời gian ngắn anh trở thành IP (Instructor Pilot) và giữ chức vụ Phi Đội Phó trong Phi Đội của cùi đồng khóa Nguyễn Thái Dũng. Nhưng anh không may mắn đã tử nạn trong một phi vụ huấn luyện khi đưa con đầu lòng của anh sắp ra đời. Cháu Hà Giao không biết mặt Bố, hiện nay cư ngụ tại Dallas, Texas đã tìm cách liên lạc với các bạn cùng khóa với Bố để được nghe chuyện về Bố.

NGUYỄN VĂN YÊN E-21 với bộ râu quai nón xanh rì, da trắng mũi cao như tây, là người về PĐ219 sớm nhất, anh bay bổng xuất sắc, thoát chết nhiều lần trong đường tơ kẽ tóc, nên năm 1972 anh đảm nhận chức Chỉ Huy Căn Cứ Tiền Phương Không Quân ở Phú Bài, điều hợp không yểm của Sư Đoàn I KQ trong Mặt Trận Quảng Trị. Năm 1975 khi Quân Đoàn I thất thủ, anh em bật tin anh tới ngày nay.

NGUYỄN CÔN A-21 về PĐ219 cùng một lượt với Nguyễn Văn Yên. Anh là một phi công xuất sắc, có tài lãnh đạo chỉ huy có chí tiến thủ. Khi phi cơ trực thăng vận tải hạng nặng Chinook được trang bị cho KQVN, anh tình nguyện đi học, khi về anh đảm nhận chức Sĩ Quan Huấn Luyện Phi Đoàn 241 ở Phù Cát, sau đó trở thành Phi Đoàn

Phó của một Phi Đoàn Chinook mới thành lập ở Cần Thơ. Qua Mỹ năm 1975, nghe đâu có một thời gian anh lên Alaska làm việc, nhưng cho đến nay chưa ai gặp lại anh.

PHAN XUÂN LỄ F-21 người cao to, nên cái gì cũng to, anh hay đàn, hay hát, vào sinh ra tử ở PĐ 219 nhiều phen, khi PĐ rời Đà Nẵng về Nha Trang, anh xin ở lại vì lý do gia đình anh ở Huế. Anh là con nhà văn Phan Du tác giả cuốn truyện Hai Chậu Lan Tô Tâm. Tháng 3 năm 1975, khi Quân Đoàn I mất, các phi công di tản về Vùng II nghe tiếng anh trên tần số “guard” cho biết anh đang bay dọc theo bờ biển, nhưng hết xăng rồi, có lẽ anh sẽ đâm tàu xuống biển. Cả chục năm trôi qua, ai cũng tưởng đã mất anh rồi, nhưng khi chương trình HO được thi hành, có tin anh đã tới Mỹ và cư ngụ tại Bắc California, nhưng chưa ai được gặp hay liên lạc gì với anh cả.

LÊ HỮU KHIÊM G-21 là em ruột của là niên trưởng Lê Hữu Khái Khóa 15, Sĩ Quan ĐĐT/ĐĐ B-21. Niên Trưởng Khái là người ưu ái với Khóa 21 giống như Niên Trưởng Lý Văn Mẹo của ĐĐ C-21. NT Khái đã lên Bản Tin K 21 kêu gọi anh em khóa 21 và đặc biệt là B-21 về Washington, DC họp khóa 21. Khiêm bay bổng gần hai năm trong các cuộc hành quân vượt biên trước khi bị thương ở chân. Anh bị rất nặng, nằm nhà thương khá lâu, nhưng bị thương về xương mà được thăm hỏi quá ân cần nên kết quả là anh bị tật hai chân dài ngắn khác nhau, nên phải từ giã bay bổng về làm Phòng Hành Quân Tác Chiến TOCC kiểm soát các phi vụ tác chiến trên toàn cõi VN. Năm 1975 anh tỵ nạn qua Mỹ và định cư tại thành phố Cleveland, Ohio cho đến nay.

TRẦN ĐỨC VIẾT D-21 với hàm râu Trương Phi, to lớn, là cựu thành viên Hội Đồng Danh Dự LĐSVSQ, nhưng khi ra trường, anh lại là một tay phé cừ khô. Những ngày còn học Anh ngữ tại Căn Cứ Lackland, San Antonio, anh và Trần Gia Bảo đã nhiều phen thẩu cáy các cùi đàn anh như Trần Văn Hợp 19, Nguyễn Văn Nghiêm 20 thuộc TQLC được gởi đến đây học Anh ngữ trước khi đi huấn luyện tại căn cứ Quantico của US Marine Corps. Qua trường bay ở Fort Wolters, anh cho các SQ Mỹ ở Officer’s Club tại Fort

Wolters cười đau khóc hận với môn thả xúc xắc crab-table mà anh mới được họ chỉ dẫn. Về bay tại PĐ219 anh cũng lầy lùng với môn “bài cào tịch tụ đầu, làm cái tụ sau”. Năm 1971, trong cuộc hành quân vùng Ba Biên Giới, anh ngồi ghế copilot, khi tới LZ đáp xuống, cò tranh bị sức gió thổi bật ra, cả một trung đội địch nhất tề đứng lên nhả đạn như mưa vào phi cơ. Anh bị trúng đạn ở ngực, gục xuống, Trưởng Phi Cơ nhanh tay kéo phi bốc lên, bay thẳng về Bệnh Xá Kontum. Anh ngất xỉu và bị mất cả hai lít máu, nhưng nhờ được đưa thẳng vào phòng cấp cứu tiếp máu nên anh đã tỉnh dậy sau nhiều tuần hôn mê. Sau đó anh được đưa về làm ở Sở Không Yểm. Năm 1975, anh vượt thoát qua Mỹ và đi học lại trở thành Kỹ Sư Dầu Hỏa, lập nghiệp tại Houston, Texas. Sau này anh có thay đổi và bị bệnh thận nặng và chuyển cư về Santa Ana, California.

ĐỖ VĂN CHÂN A-21, về nước cùng một lượt với Việt. Anh là người sau chót của 9 “cùi 21” rời PĐ219. Năm 1973 anh về PĐ251 tại Biên Hòa đảm trách chức vụ Trưởng Phòng Hành Quân. Năm 1975 anh tỵ nạn ở Mỹ và cư ngụ tại thành phố San José. Anh khởi sự viết và cho ra mắt tác phẩm đầu tay “Nửa Đường Gãy Cánh” cuối thập niên 80. Sau đó anh còn xuất bản thêm vài tác phẩm nữa.

Và cuối cùng là NGUYỄN THÁI DŨNG C-21, là người viết bài này. Dũng bay bổng cũng tạm được, nhưng phải cái ngang dạ, nên khi các “cùi 21” KQ lần lượt kê trước người sau đeo mai bạc thì anh lại được nghị định từ Bộ Tư Lệnh Không Quân phạt theo đề nghị của Tổng Tham Mưu, nhưng nhân nhượng không lột lon mà chỉ giam lon 5 năm mà thôi. Năm 75 anh qua Mỹ ở trại tỵ nạn Camp Pendleton, CA, được hai tháng thì xin đi Canada, hiện nay “semi retired” hàng tuần ngồi tán dóc với anh em văn nghệ ở Mộng Lệ An (Montréal), lâu lâu làm tài xế lãng du đưa vợ đi “rong ca”. Về mặt viết lách, là người sáng lập ra nhóm văn chương “Miệt Dưới” cổ động cho trường phái văn chương “mặn”. Tác phẩm đầu tay là “Ngồi Quán Cóc Tán Dóc Chuyện Đời”.

Trong vài trang giấy người viết chỉ có thể tóm lược được một ít những gì còn nhớ trong quãng đường 40 năm qua về một nhóm nhỏ của toàn khóa 21, để nhắc lại những kỷ niệm vui buồn trong ngày họp khóa. Nếu có gì sai lạc xin “quí dzi thông cảm mà niệm tình tha thứ”.

TỔNG KẾT LẠI HIỆN NAY CÓ:

- 15/25 “cùi 21” KQ sống ở hải ngoại: Đỗ Văn Chấn, Nguyễn Côn, Lê Đình Lay A-21, Trần Đăng Khôi, Trần Xuân B-21, Phạm Công Cẩn, Nguyễn Thái Dũng, Nguyễn Văn Đông C-21, Hoàng Ngọc Hải, Võ Minh Hòa, Trần Đức Việt D-21, Hồ Tấn Đạt, Phan Xuân Lễ F-21, Trần Gia Bảo, Lê Hữu Khiêm G-21.

- 3/25 “cùi 21” KQ còn ở tại quốc nội: Nguyễn Huy Hoàng, Trần Văn Răng H-21, Nguyễn Văn Yên E-21.

- 7/25 “cùi 21” KQ đã mất: Cao Thành Răng B-21, Trần Công Tường C-21, Lê Văn Sang E-21, Ngô Văn Chộ, Hồ Văn Cường F-21, Hà Tôn.

NGUYỄN THÁI DŨNG C-21



CHUYỆN KỂ CỦA MỘT THẪNG CƯ I

Trần Ngọc Linh E/21

CHUYỆN KHÔNG ĐI TÙ CỘNG SẢN.

Không như hầu hết quân cán chính trung, cao cấp của chính phủ VNCH, hay điển hình toàn thể Cùì Khóa 21 sau cái ngày bi thảm 30 tháng 4 năm 1975, một số có cơ may vượt thoát khỏi miền Nam trước giờ phút tang thương đó, đa phần còn kẹt lại đều phải “đăng ký” để được “ở tù”. Riêng phần tôi, một Cùì Ủ Li chính gốc nhờ số phần đưa đẩy đến một quyết định khá đặc biệt: Không trình diện để đi tù, cải dạng, đổi tên và tạm di chuyển đến một nơi yên thân trong thời gian Quý đỏ lộng hành này.

Nhờ nghiệp quả, may mắn liên tục bên tôi suốt trong tám năm len lỏi sống lang thang trong lòng bầy Quý dữ tôi đều thoát khỏi mọi trở ngại xảy đến cho tôi.

Các bạn ở tù ư, khổ sở cùng cực qua các nhà tù CS, thời gian đầu còn căng thẳng, sau rồi những cùng khổ cũng quen dần. Còn phần tôi với 8 năm đời chỗ gần 10 nơi từ Phước Tỉnh, Long Thành, Phụng Hiệp, Sóc Trăng, Hồ Nai, Thốt Nốt, Phương Lâm, Bến Đình, Bãi Trước..., năm 1984 vượt biên đến Indonesia (đảo Galang).

Với thời gian 8 năm này nếu có một cái rủi nhỏ do hành động hay lời nói là giờ này không có cơ hội ngồi đây để viết đến các bạn.

Cái may thứ nhất của tôi là lần thoát chết khi vào mặt khu “Phụng Thiên” của Ủy Ban Liên Tôn Chống Cộng Đông Dương do Cha Vàng (Linh Mục Nguyễn Văn Vàng quản nhiệm nhà thờ Ba Chuông đường Trương Minh Giảng) lãnh đạo. Chuyến này mạng sống của tôi vượt thoát trong đường tơ kẽ tóc, còn Cha Vàng bị bắt sau 3 tháng trốn tránh, đi tù và chết ở ngoài Bắc. Còn phần tôi lại tiếp tục cuộc sống cút bắt với bọn quỷ đỏ.

Cái may thứ hai là thành công hoàn toàn trong việc đứng ra tổ chức vượt biên mà bên bãi ngay tại Bãi Trước Vũng Tàu. Kế hoạch tổ chức rất công phu, chu đáo và may mắn đặc biệt vượt qua tất cả mọi kiểm soát gắt gao của Công an CS. Nhờ kinh nghiệm sống gần 3 năm nghề biển ở Vũng Tàu nên chuyến vượt biên như là một cuộc hải hành 5 ngày 4 đêm trên biển Thái Bình Dương rất là êm sóng gió. Còn chưa kể đêm đầu tiên bỏ neo ngủ tại chỗ khi tàu vừa ra đến hải phận quốc tế. Tôi còn nhớ rõ đường dây neo dài 177 xải tay (vì đây là ghe làm đáy ở biển nên có dây neo dài như vậy).

NHỮNG KỶ NIỆM LÂM CẨM THỜI SVSQ.

Vào thăm Trường Mẹ xem các cùi 21 bị phạt trước khi vào trường nạp mạng cho K20:

Nhớ những ngày cuối 1964, tất cả các chuẩn Cùi K21 lần lượt đến Biệt Khu Thủ Đô hay các Quân Khu để lấy phương tiện ra Đà Lạt trình diện nhập khóa. Riêng phần tôi lại cũng may mắn có thằng bạn thân tên Lê Tấn Đức đang là TSI Quân cảnh của Trường VB. (Sau này Đức học khóa SQĐB là Trưởng Ban Ba của TĐQC/SĐ Dù); nên thay vì đi theo phương tiện của QK4 (Cần Thơ), tôi và một thằng bạn tên Đỗ Văn Phước (DDH/21 đã chết tại CT năm 1972) dùng phương tiện tự túc lên thẳng SG rồi ĐL và ở nhà TS I Đức trước khi vào trình diện. Hai đứa dạo cảnh ĐL mấy hôm, sau đó lại có cơ hội theo xe QC tuần tiễu chạy vòng vào Trường và được chứng kiến cảnh “Lột Xác” của TKS /K21. Sau

cùng chỉ còn ba ngày khai giảng Khóa mới vào Trường nạp mạng.

VƯỢT THOÁT QUA TRẠM KIỂM SOÁT CỦA CS.

Trong thời gian SVSQ năm thứ hai tôi phải về TYVCH để chữa bệnh, khi ra trở lại ĐL thay vì đi máy bay, chờ mãi không có, vì quá lo sợ trễ việc học ở Trường nên đành phải đi đường bộ qua xe đò. Cũng vì vậy tôi đã chứng kiến một cuộc kiểm soát, chặn bắt rất lớn lao của bộ đội CSBV khoảng khu Rừng Lá qua một pha rất là căng thẳng ngoạn mục, và tôi đã vượt qua khỏi các trạm kiểm soát của CS dù trong mình tôi đang giữ thẻ SVSQ... Đúng là hay không bằng hên phải không các Bạn.

NHỮNG GIỜ PHÚT CHÓT VỚI LÊ VĂN NGÔN.

Vì nhà Ngôn ở trên lầu 3 của một căn chung cư thuộc Phường tôi đang làm việc, khoảng 1/75 hằng ngày chúng tôi thường gặp nhau ở văn phòng Phường nói dóc, rồi đi uống cà phê... Được biết thời gian này, sau khi Ngôn mở đường máu dẫn hơn 100 lính còn lại của TĐ/BĐQ ở trong trại TLC về đến vùng an toàn, thì các lực lượng CSBV tràn vào đồn trống làm mồi cho pháo binh và máy bay ta... Một mặt báo chí tung tin VC xâm phạm lệnh ngưng bắn và tràn ngập đồn TLC (vì lúc này đồn TLC rất có tiếng tăm với Quốc Tế do Ngôn đã chỉ huy và tử thủ hơn 2 năm trời). Cũng vì vậy Ngôn bàn với tôi đừng cho ai biết anh từ TLC về vì sợ bọn phản chiến làm um xùm lên. Lúc bây giờ Ngôn thuộc quân số thặng dư BTTM sau khi học khóa BBCC ở Long Thành về. Sau ngày 30/4 tôi có gặp Ngôn, anh cho biết sẽ về Cà Mau trình diện ở quê nhà Anh, nhưng rồi...

SÓNG 4 THÁNG TRÊN CÁI CHÒI Ở GIỮA BIỂN VÙNG TÀU.

Sau ngày đứt phim, sau mấy năm cút bắt với đám “bò vàng”, cuối 1984 tôi có dịp sóng gần 4 tháng trời trên một cái chòi giữa biển khơi. Đây là cái chòi khoảng 3x4m làm giữa biển để điều hành giàn đáy “Sông Cầu”. Trong thời gian

này có lần tôi đã chứng kiến hằng trăm xác chết của những người vượt biên bị tàu chìm sau ba ngày nổi lên trôi dọc theo dòng nước biển... Cảnh này làm cho tôi rất thương cảm cho tình cảnh người dân Việt sống dưới sự cai trị bạo tàn của bè lũ CS vô thần phải ra đi tìm tự do trong trăm lần chết một lần sống.

GẶP LẠI ĐỨC - TRUNG Ở VŨNG TÀU.

Khoảng cuối 1982, sau thời gian ở chòi giữa biển tôi vào đất liền, len lỏi làm nghề đưa đò và “Đáy Sáo”. Trong lần đi chợ cho ghe đáy, gặp Nguyễn văn Trung ĐĐ. E (Trước 75 cùng SĐ 5, về TCQH/BTTM, rồi ra làm P.T.... đang ở FL). Trung đến nhìn tôi nhưng vì làm thân trốn chạy nên tôi chối dài và thoát nạn. Rồi lần thứ hai gặp Dương Minh Đức cũng ĐĐ. E (11/74 khi tu nghiệp PT ở TTHL/Vạn kiếp, gặp Đức và có đến nhà chơi, hiện Đức đang bị bệnh ở San Jose). Đức chạy xe đạp theo vợ chồng tôi hoài, chúng tôi cố tình phớt lờ, cuối cùng Đức bỏ đi... Cũng nhờ vậy tôi yên tâm ở Vũng Tàu đến ngày vượt biên. Sau này gặp lại Trung, Đức bảo chắc chắn là tôi nhưng quá thắc mắc tại sao tôi không nhìn các bạn. Xin lỗi hai bạn nhé, đó là hoàn cảnh thôi. Vì nếu tôi nhìn hai bạn chắc là gia đình tôi lại phải rời bỏ VT để đi nơi khác nữa...

LÁI XE CHẠY RONG XỨ MỸ NÀY NHIỀU LẮM:

Vì nghỉ hưu sớm (vừa đủ 62 tuổi), con cái hiếu thảo và may mắn trong việc làm nên vợ chồng tôi có nhiều thời gian và cơ hội đi du lịch đó đây với các Tour vòng quanh thế giới, rồi chúng tôi lái xe đi xuyên suốt nước Mỹ. Đây nhé:

Lái từ FL đi MN hai lần.

Lái từ MN đi Toronto/Canada.

Lái từ MN đi Rush Mt. đi Yellow Stone Park đi Las Vegas, đi Little SG (Hw 80-94-15).

Lái từ MN đi Denver, Nevada, đi CA (Hw 90-80-70-15).

Lái từ MN đi Little SG qua Grand Canyon (Hw 40-15).

Lái từ CA đi FL (Orlando), (Hw 10-95-75)...

Đặc San Những Năm Tháng Không Quên

Cuộc chạy rông của vợ chồng tôi vậy là đủ phải không các Bạn...

Đó là những kỷ niệm to to của đời tôi, một ù li hạng bét trong ĐĐ. E nho nhỏ nhưng rất nhiệt tình của khóa 21 to to mà phen này chúng ta sẽ làm một Đặc San để đời có thể vừa to vừa nhỏ... Hoan hô tất cả các Bạn Ủ LÌ của tôi vừa to vừa nhỏ.

CHÚC Bác đồng hương khắp mọi nhà.
MỪNG mảy thập tuổi chóng qua.
ĐẶC tài chia bớt Anh Em hưởng.
SAN sẽ diễn đàn của chúng ta
ĐỀ Cùi giải hết bao sầu muộn.
ĐỜI sẽ vươn lên hưởng tuổi già.
Ủ ù cạc cạc nhưng tao nhã.
LÌ lợm dễ thương đúng Yamaha.

Thái Lan, 17 tháng 1 năm 2010.

LT/PT/CV.



Con RỒNG

Cháu TIÊN

Hoài Quốc LVD

Gửi Trung, Bồn và quý phu nhân



Đâu phải bạn thành rồng khi ở biển
Còn ta non cao đâu dễ tu tiên
Chúng mình vốn là hậu duệ Rồng Tiên
Nên biển hay non vẫn chung nói giống
Từ vùng cao ta về biển tìm bạn
Gặp nhau say vui vẫn nhớ Lâm Viên
Nhớ xưa trường mẹ rèn văn luyện võ
Chí trai hun đúc cho thép vững bền
Chiều Tampa rủ nhau thăm sóng biển
Sóng bạc đầu. Bạn và ta bạc đầu
Thấy chuyện nổi trôi vô thường hơn sóng
Buồn đâu chợt đến, buồn rất sâu!
Đâu cũng thế, ta mang thân viễn khách
Quê hương mình thăm thăm đến nghìn trùng
Dòng đời phiêu bạt xoi mòn yó ngựa
Tiếng hí não nề theo ngọn Bắc phong (*)
Về đâu – về đâu ta tìm ra bạn?
Hai chữ vong quốc đau kiếp phiêu bồng
Có bạn có ta mấy ngày gần biển
Chút tri âm tri kỷ cũng vui lòng
Chừ chưa phải rồng mà tiên chẳng phải
Nhưng đừng quên thờ Mẹ Tiên Cha Rồng
Còn chung trường mẹ thời xưa luyện thép
Thì nhắc thêm chuyện hồ thi tang bồng...

* Bắc phong: “Hò mã té bắc phong”, ngựa Hồ quê miền Bắc, đi chinh chiến phương Nam. Mỗi khi nghe gió Bắc thổi về, cất tiếng hí não nề...

NGƯỜI BẠN CÙNG PHÒNG



CSVSQ Nguyễn Văn Đông C-21.

Thành ơi!

Đêm nay, trong lúc gia đình tao và các cháu đang đoàn tụ đón giao thừa tại tha hương. Trời se lạnh, mới ngày hôm qua mưa tuyết phủ trùm cả vùng Plano như một tấm thảm trắng. Bên ly sâm banh mừng và chúc Tết của các con, tự nhiên tao nhớ tới cảnh xưa, nơi mái trường mẹ thân yêu, tao và mày ngồi trong phòng đêm giao thừa trừ tịch mà nghe lòng băng khuâng nuôi tiếc. Bây giờ chúng mình đã trên sáu bó rồi Thành hả, những ý tưởng thoáng gọi nhớ những kỷ niệm đẹp của mình nơi bắt đầu vào đời Lính, cũng xem như mới hôm qua đây.

Tao nhớ lại một mùa hè vào đầu thiên niên kỷ này, trong chuyến du hành vùng Đông Bắc Mỹ như New England, Massachusetts, New Hampshire, Rhode Island... vì những nơi này có những người bạn thân từ hồi trong Tent Camp (Trại Ty Nạn Florida), và mày là người tao thăm với thời gian lâu dài hơn hết.

Trong chuyến đi này với mục đích là nhằm vào biển cô 1492, kể từ khi đoàn tàu của Christopher Columbus tìm ra

Châu Mỹ, họ đã thay đổi lịch sử của cả thế giới, vì cái nổi đầu tiên cho nền văn hóa nước Mỹ là New England.

Khi đến Boston thăm con gái Ngân của tao và gặp luôn Luân (con trai tao) tại đó. Không ngờ cháu nó rủ tao đi xuống miền Virginia chơi, có xe của bạn nó là Trâm (sau này mới biết là con gái của mày). Thoạt nhìn cháu, tao liên tưởng giống một người bạn rất thân. Vì chúng nó có một quy ước trước là không cho tao biết đi đến gia đình mày. Không chú ý đến những tiểu tiết đó, tao và Luân ngồi băng sau và ngủ thoải mái.

Lúc tỉnh dậy, trời còn mờ sương sương. Chúng nó xuống xe trước và mở cửa nhà. Sau một lúc lâu thì Trâm gọi: “Bác Đông vào đây nghỉ chơi một chút”.

Mắt nhắm mắt mở, tao ngạc nhiên khi thấy vợ chồng mày và không ngờ cuộc gặp gỡ nơi xứ xa lạ quê người sau hơn 30 năm xa cách. Làm sao tao quên được mày Thành. Dầu gặp khổ cảnh nào, mày đã dạy cho tao phải cười thì mọi việc đều xong ngay. Từ đó cái mỹ danh “Thành hề hề” của mày do tao đặt và đó là truyền thống thời son trẻ trong mái trường than yêu.

Gặp nhau tâm sự trùng phùng, ba ngày làm sao trút hết của hơn nửa đời người: vui buồn đời Lính.

Khi chia tay, vợ chồng mày còn nói với theo: “Mày còn nợ tao nghe Đông, vì sao mày chọn con đường tu sĩ?”.

Thành à, nếu là tu sĩ thì không đúng lắm, vì tao còn đi làm có vợ nuôi con. Tao ở vào trường hợp “đời đạo song tu” để một ngày nào đó mà “phế đời hành Đạo để cứu giúp chúng sanh. Đây là chuyện đầu tiên tới Mỹ, tao xin tóm gọn vì trong lòng còn bồi bồi những dĩ vãng xa xưa. Dầu Thánh Giáo có nói là gạt bỏ tất cả.

Tao đến New Orleans vào một mùa đông lạnh buốt và tao sống ở đây hơn một phần tư thế kỷ, để cố gắng xây dựng thế hệ thứ hai có một tương lai tươi sáng hơn.

Vùng New Orleans là một thị trấn nổi tiếng của miền Nam nước Mỹ thuộc Tiểu bang Louisiana. Trước kia vùng này khởi đầu có nhiều bộ lạc da đỏ sinh sống và sau đó bị tiêu

diệt bởi người Pháp tới định cư lập nghiệp từ thế kỷ 17, 18. và sau đó được bán cho nước Mỹ qua hiệp ước Louisiana Purchase vào năm 1805 với số tiền là 15 triệu US Dollars.

Khi đưa con gái lớn tên Linh mới vào đại học Loyola, đưa thứ hai là Ngân được học bổng Tulane, và con trai út Luân mới vào học lớp 10, thì bà xã tao bị một bạo bệnh qua đời. Trong tinh thần xây dựng tao không nản chí, nhớ đến trách nhiệm làm cha. Mình đã tạo lập nên chúng thì phải đi cho đến kỳ cùng. Vì thế, để giữ vững niềm tin ấy, tao xoay qua hoạt động tôn giáo mà mình tôn thờ là đạo Cao Đài. Ở tại New Orleans này, ban đầu chỉ có 5, 7 gia đình hội họp lại liên gia hàng tuần để ôn giáo lý của Đại Đạo. Bước kế tiếp là lập Hội tín hữu. Có thể nói đây là Hội tín hữu đầu tiên tại nước Mỹ.

Một sáng mùa Thu đẹp trời, chúng tôi có ý kiến là chơi hụi và dành dụm một số tiền để mua đất xây cất Thánh Thất tạm.

Thánh Thất vừa xây xong, đến ngày khánh thành thì duyên may Ông Tiếp dẫn Đạo nhân của Tòa Thánh Tây Ninh đi thăm con ở Canada. Sự xui khiến của Bề Trên, ông ấy đến thăm người con trai trong nhóm chúng tôi tại New Orleans. Đây là một việc phấn khởi tinh thần của các tín hữu nơi đây. Và ông đã đứng ra làm lễ Khánh Thành Thánh Thất đầu tiên cho một nhóm nhỏ tại New Orleans xây dựng. Sau đó, ý kiến của ông là muốn phát triển Đạo ở ngoại quốc, thì ít ra phải lập nền tảng Hội Thánh Em, tức là lập Hành chánh đạo tại địa phương này. Trong lúc đầu có tất cả vào khoảng 30 đồng đạo lớn nhỏ. Dưới sự chủ tọa của ông Tiếp dẫn Đạo nhân, mà Thánh Thất New Orleans đã có được quyền Đầu Tộc và các chức việc Ban Trị sự. Mục đích là để phát triển và mở mang cơ đạo ra ngoại quốc như trong Thánh giáo của chúng tôi có đề cập với Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế:

“Từ đây nòi giống chẳng chia ba
Thầy hiệp các con lại một nhà
Nam Bắc rồi cùng ra ngoại quốc
Chủ quyền chơn Đạo một mình ta”

Đề đến mục đích:

*“Phụng gái non Nam, Đạo trở mời
Trở mời nhân vật bốn phương trời
Trời Âu, biển Á chờ thay sắc
Sắc trắng mây lành phủ khắp nơi”.*

Vì ý thức được lẽ Đạo, là tạo nên bởi những người vút bỏ được sự ham muốn, biết hy sinh cho chân lý cao thượng, khi ấy nếu từ bỏ được sự mong cầu mới đi vào cửa giải thoát. Nhiều đêm trần trọc, thì chân lý hy sinh được hiện bày và con người mới phát triển được tình thương rộng lớn, một thứ tình thương cao cả, không phân biệt, chỉ cho ra chứ không cần nhận vào. Và cũng biết rằng, chính cái tình thương cao cả này là năng lực chánh của sự phát triển tâm thức siêu đẳng hay Bồ Đề của mình.

Với ý phát triển Đạo trên xứ người, chúng tôi cùng bàn luận với nhau: “Chúng ta sẽ cùng chung nhau xây dựng một ngôi Thánh Thất ở Hải ngoại này giống như ở Tòa Thánh Tây Ninh để thu hút tất cả cơ duyên cho những ai muốn trở về” như Đức Đại Từ Phụ Thiên Khải với các con cái của Ngài: “Các con chỉ có hai con đường: Con đường ra đi và con đường trở về”. Ra đi đây là nơi chúng ta xuất phát đi vào cõi hồng trần để học hỏi, tiến hóa và trở về với vinh quang, chiến thắng của những người đạt được mối chân truyền của Đại Đạo (Đắc Đạo).

Công việc đầu tiên hơi khó khăn bởi khi xây cất thì có bản vẽ. Chúng tôi thao thức trong miệt mài với bản vẽ tạm của hệ thống xây cất Thánh Thất tại quốc nội. Chúng tôi kêu gọi tất cả vì Thầy vì Đạo nên chúng ta phải hy sinh. Vì đây là một hạnh quý báu vô cùng của mọi tôn giáo trên thế giới. Xuyên qua dòng sử giáo, thì Phật Giáo có hạnh bố thí (hay Hy sinh) đứng đầu. Kinh Vệ Đà của Ấn Giáo có nói: “Hãy ban rải và cho ra tất cả, dù chết cũng cho ra vì các con chỉ hy sinh một nhục thể vô thường mà hưởng cả một kho tàng vô giá về sau”. Trong Đạo Đức Kinh thì Đức Lão Tử có nói: “Bậc Thánh Nhân không tích trữ, vì lo cho con người mà mình giàu”. Đó chẳng phải là luật hy sinh sao?

Lời Thánh Giáo của Đức Chí Tôn Thượng Đế có dạy: “Cho tất cả để được tất cả”, và chính câu châm ngôn của mái trường Võ Bị Việt Nam “Tự Thắng để Chỉ Huy”. Đó chẳng phải là sự hy sinh vô bờ để đưa đến vinh quang cả quân đội, cả dân tộc sao? Vì thế chúng tôi đồng thanh thực hiện câu “Muốn phát triển Đại Đạo nơi xứ người, chúng ta phải là những chiến sĩ tình thương, phải hy sinh tất cả để xây dựng Thánh Thất”.

Và sau cùng ý nguyện của chúng tôi đã trở thành sự thật trong một hoài bão phát triển Cơ Đạo Việt Nam nơi Hải Ngoại.

Sống tha hương nơi xứ người: Bỏ đời qua Đạo là ý hăng của chúng tôi trong con đường xây dựng và niềm tin thương yêu nhau, một xã hội thuần túy đạo đức, một xã hội siêu việt hơn nếu tiến tới đại đồng. Và tại sao chúng ta bỏ lỡ cơ hội quý báu này.

Nhớ mà nhiều.

Võ Đông Sơ
CSVSQ Nguyễn Văn Đông
Đại đội C/21



Thánh Thất Cao Đài – Tây Ninh



Hoài niệm một Ca Khúc

(bút ký sinh hoạt khóa 21)

HOÀI QUỐC LVD

Đọc bản tin. **Đ**ọc đặc san. Mà phải là bản tin hay đặc san của khóa, thì mới bắt được niềm cảm thức như bạn bè bỗng đến gần gũi quanh mình, đôi khi lại thấy chính mình cứ quẩn quanh trong đó...

Đọc để cảm nhận, thì ra trong cuộc sống này vẫn còn tình nghĩa đong đầy, vẫn còn nhiều thứ để thương tưởng. Nếu không muốn nói vẫn còn một gạch nối giữa người và người, giữa những con người đã một thời được hun đúc cùng một lý tưởng để thực hiện, để nâng niu, để trân quý, để ôm ấp suốt cả một đời kể từ thuở cất cao lời thề trước hồn thiêng Sông Núi.

Sau ngày hội ngộ K21, tháng 09-2002 tại Houston, ngoài chuyện mấy ngày sum họp với bạn bè cứ quẩn quẩn chập chờn gần xa, bóng chiều xanh theo áo. Chờ hoài. Rồi Bản Tin cũng đến. Đọc ngẫu nhiên như chưa bao giờ được đọc. Lời của Tân Đại Diện, Thư Chủ nhiệm, Lời Ngọc Virginia, bài tường thuật những giờ phút có nhau tại Houston... để hình dung lại:

“Houston mang nhiều nhân dáng,
Hò hẹn lâu rồi em có anh...”

Các bạn ở Virginia mới vung bút thăm dò, mà sao thấy nội lực thâm hậu khiến người đời phấn khởi và cảm phục các anh chị trên đó vô cùng. Tân chương môn Trần Quang Duật viết cho vị tiền nhiệm họ Võ: “đã thấy hồi hận chưa, khi tiền bối đề bạt ta làm người kế nhiệm?” Thiết nghĩ đó là lời trần tình đầy khiêm nhường rất dễ thương của những con người tài hoa. Đành rằng cứ gì phải đem Washington D.C. mà so với Houston, hoặc so Virginia với Bắc hay Nam Cali? Nhưng qua sơ giao tiếng đàn dạo (Introduction) của DC, đã nghe lòng rộn ràng như khi ví von theo ý người xưa:

“Virginia cốt cách, Houston tinh thần,
Mỗi nơi mỗi vẻ mùi phân vẹn mùi...”

Đọc Bản Tin, ban đầu hơi ngạc nhiên bởi lẽ không hiểu tại sao trong bài tường thuật đêm hội ngộ K21 tại Houston, lại không thấy Tiên Sinh Bùi Văn Trọng G21 nhắc đến bài ca Tình Cha Mẹ (TCM) của cháu Nguyễn Hoàng Dũng, thứ nam của anh chị Nguyễn Tri Phúc. Thiển nghĩ, đã không tường thuật cho đành, còn như đã kể chuyện ngày họp mặt, ít nhiều cũng nên nhắc lại ca khúc TCM, dù chỉ một thoáng. Bởi lẽ đối với mọi người hiện diện đều dễ dàng chấp nhận tiết mục này vừa có ý nghĩa vừa có giá trị cả hai mặt nội dung và kỹ thuật...Về sau, Bùi tiên sinh cho hay, có nhã ý nhường phần viết này cho tôi. Rất cảm ơn Trọng nhưng cũng thầm nghĩ, phải chi Bùi văn nhân thuận tay, luôn thể vung bút thần vốn sẵn, viết thêm phần nhắc lại và nhận định về ca khúc Tình Cha Mẹ thì hay biết mấy. Lúc đó, hẳn anh chị Phúc, tác giả NHD, cùng tất cả độc giả gia đình 21 hẳn sẽ hài lòng hơn...

Hôm đó, sau khi tiếng hát của Dũng vừa ngưng, không gian bỗng im lặng lạ thường, hầu như các chị đã không ngăn giòng lệ theo xúc cảm của lời ca và giòng nhạc. Không những thân mẫu của tác giả, chị Nguyễn Tri Phúc, đã khóc mà giòng cảm xúc đã lan tỏa khá nhanh và mạnh sau khi chính tác giả trình bày ca khúc một cách thăng hoa... Mẹ

Dũng đã khóc. Các Di đã khóc. Vâng, những bà mẹ Việt Nam đã khóc. Quý ông thường cứng rắn bình tĩnh hơn, nhưng ai ngăn được những con mắt nóng hừng lên và đã đỏ hoe, mà chính họ không biết...

Nay có dịp nhắc lại những hoài niệm về một lần hội ngộ tại Houston, không thể không nhắc lại sự cảm phục tài hoa của tác giả NHD, như một tài năng xuất hiện bất ngờ với một dòng nhạc Việt khá đặc biệt... Nhưng điều đáng ngợi ca là tấm lòng hiếu thảo của người con đối với Cha Mẹ, một NHD đầy hiếu hạnh với anh chị Nguyễn Tri Phúc.

Thi ca và âm nhạc VN vốn có nhiều tác phẩm tôn vinh các đấng sinh thành dưỡng dục, nhưng đa phần bị giới hạn trong phạm vi tình mẫu tử, riêng về ca khúc có Lòng Mẹ của Y Vân, Mẹ Tôi... Mẹ Yêu của Nguyễn Phương Uyên, Uống Nước Nhớ Nguồn của Dương Thiệu Tước v.v... Những ca khúc đó đã đi vào đại chúng nhưng phần nhiều nói về tình mẫu tử, ít khi nhắc đến tình cha. Nên khi nghe Tình Cha Mẹ của NHD, chúng ta có thể ghi nhận ngay chuyện khéo léo đầy bản lĩnh ở mức độ cao để trái lòng cùng lúc với cả Mặt Trăng và Mặt Trời. Trái lòng trọn vẹn như vậy, chắc không riêng anh chị Phúc cảm động trong hạnh phúc và hành diện, mà tất cả quý vị đã từng làm cha mẹ cũng được chia xẻ, cũng cảm thấy vinh dự và cảm động trước tấm lòng hiếu thảo hiếm quý qua những lời giới thiệu và phần trình diễn của hai anh em Trí và Dũng. Dù với chương trình văn nghệ tự do, với thơ và nhạc không bị ràng buộc bởi chủ đề gì cả nhưng các tiết mục bỗng nhiên rất phù hợp với chương trình khiến những người liên hệ nhớ quay quắt những ngày rèn văn luyện võ nơi Trường Mẹ:

“... Ôi nhạc! Ôi thơ! Ôi màu áo!
Gợi nhớ thề xưa nơi vũ đình
Đồng khóa nhìn nhau con xúc động
Dem cả tâm linh đón bạn hiền...”

Không những thế, lại còn làm cho mọi người nhớ thiết tha về đấng sinh thành dưỡng dục. Đây là nét độc đáo của đêm hạnh ngộ. Bởi vậy dù có nhắc đi nhắc lại nhiều lần lòng

ngưỡng mộ đối với ca khúc TCM và sự trình bày thành công của chính tác giả, thì cũng không thừa. Trái lại, còn làm chông chất thêm ý nghĩa sâu sắc hiếm quý. Bởi vì, khi nhắc đến tác phẩm, tức nhắc đến Tình Cha Mẹ. Nhắc đến TCM, là nhắc đến NHD. Mà nhắc đến NHD chiều hôm đó, là nói đến tấm lòng hiếu hạnh đã trải rộng, ít ra bằng lời ca tiếng hát đi vào lòng cha mẹ và lòng nhân thế. Giai do, hai chữ cha mẹ là tâm thức, là niềm cảm thức, là nỗi nhớ khôn nguôi! Đến giữa đời, ai mà chẳng có Cha Mẹ trong hơi thở. Ai mà chẳng có những kỷ niệm ngọt ngào hay xao xuyến về Cha Mẹ.

Người xưa nói: “Làm người, nếu không hiếu thảo với Cha Mẹ, thì khó đối tốt với ai được. Kẻ bất hiếu nếu khéo che đậy lòng dạ bằng những hành vi cử chỉ giả tạo với người thì cũng chỉ dối trá, hoặc nhằm mưu cầu quyền lợi riêng tư gì đó cho bản thân mà thôi.”

Lại còn chuyện hai vai công Cha Mẹ đi giáp vòng núi Tu Di suốt trăm ngàn kiếp, vẫn chưa đủ đền đáp tròn ơn cha mẹ. Do vậy mà chuyện từ kinh điển Phật giáo, đã mở cho Đức Mục Kiều Liên một con đường có thể về thăm Mẹ ở đáy sâu địa ngục. Ngài đã đau lòng chứng kiến khổ hình mà Mẹ đang chịu đựng quần quai, đau đớn phải trả cho những việc làm bất thiện khi còn tạm trú nơi cõi trần. Khó khăn biết mấy, theo lời dạy của Phật, Đức Mục Kiều Liên đã dùng công đức của mình cộng với công đức cao dày của vô số chư Tăng trong mùa kiết hạ, mới cứu được Mẹ, và trả được phần nào chữ hiếu đối với Mẹ... Chuyện trong kinh có tác dụng tuyệt vời trong việc nhắc nhở người đời noi gương hiếu hạnh. Đồng thời nhắc nhở con người hướng thiện, xa lánh mọi tham sân si... Có thương hiếu Cha Mẹ, thì mới mong nhớ ơn tiền nhân dựng nước và giữ nước. Mới mong biết ơn những anh hùng tử sĩ đã chiến đấu cho lý tưởng dân chủ tự do. Mới mong biết ơn những người đã nằm xuống cho tổ quốc và dân tộc được trường tồn...

Không riêng Phật giáo và Khổng giáo lấy hiếu làm căn bản. Và tiếng chuông nong nân của ngày Vu Lan ngân vang không phải chỉ để cầu siêu giải thoát cho Tổ Tiên mà còn để nhắc nhở mọi người phải nhớ ơn tiền nhân.

Các tôn giáo khác cũng đều có những giáo điều khơi động lương tri con người đối với việc tôn kính và đền ơn cha mẹ. Thiên Chúa Giáo, trong 10 điều răn của Chúa, 4 chữ “Thảo Kính Cha Mẹ” đứng hàng thứ tư. Đức Jesus lúc tại thế, theo cùng bước chân Ngài, nhiều lần Ngài đã nhắc nhở đến bổn phận làm con đối với Cha Mẹ...

Đến khi Nguyễn Hoàng Dũng trải hết lòng mình với Cha Mẹ qua ca khúc mang tên TÌNH CHA MẸ:



Tình Mẹ như Mặt Trăng
Tình Cha như Mặt Trời
Lòng Mẹ như biển khơi
Lòng Cha như núi ngàn
Mặt trời, Cha rạng soi
Dù con trong ngày dài
Chiều về trăng lặng thình
Mẹ ru con giấc nồng...

Chính ca khúc và tác giả đã được đón nhận, không những với sự nồng nhiệt thường tình, mà nồng nhiệt bằng cảm xúc cao độ. Điều này cũng dễ lý giải thôi. Vì khi Dũng nói “tình Mẹ như mặt Trăng”, thì thế nhân đã từng ví von “Mẹ như bầu trời cao, như giòng suối ngọt và như đại dương bao la... Nhưng còn biết bao điều ví von về ơn cao dày của Mẹ. Áo con đẹp trong mùa xuân mới. Nắng lên rồi lo mũ lo giày. Mùa khai trường mẹ còn lo nhiều thứ, sách vở bút viết áo quần. Mẹ sợ rằng con không theo kịp bạn bè, rồi thiếu đi năm ba chữ của Thánh Hiền. Mẹ lại chuẩn bị giữ gìn áo ấm, nào thuốc nào dầu khi mùa đông trở lại. Mẹ không quên mua quà khi buổi chợ tan, đi chợ luôn mãi nhớ ra, quên gì thì được chẳng quên bánh quà cho con...”. Con nhớ Mẹ, không bằng lần roi, không bằng tiếng cha ngăm. Con sợ Mẹ buồn nên phải gắng học hành. Cuộc đời luôn biến động đổi thay, cho con làm người không chỉ bằng thân xác, mà bằng tất cả điều hay lẽ phải.

Ai đã từng nhắc nhở con điều răn kia? Tất chỉ có Mẹ hiền. Diễm phúc thay cho ai còn Mẹ. Mẹ mất rồi, bông hồng con không được cài áo. Và còn loài hoa nào mãi ngát hương cho

Mẹ! Lòng Mẹ mãi dạt dào như Hải Triều Âm vô tận, mệnh mang tháng bảy Vu Lan hay cả 360 ngày niên lịch, con luôn nhớ Mẹ, khóc Mẹ, không còn nước mắt mà lòng đau như cắt, tựa ngày xưa Mẹ đã cắt rốn khai sinh chúng con. Từ lòng Mẹ, trong côi u môn mơ hồ con đã nghe từng nhịp thở qua hình hài thai nhi, là điệu nhạc lòng ru con khôn lớn... Hình ảnh mẹ là tấm gương hiền mẫu, hiếu hạnh, chung thủy, chung tình mà đàn con được noi theo. Mất Mẹ! Ôi bầu trời sụp đổ. Không gian tối màu. Nước ngầm đã kiệt! Đại dương sóng gập! Chuối Ba hương không còn ngọt nữa, mía lau cũng hết vị đường! Mẹ trong tận cùng nỗi nhớ, ôi thấm đậm lời ru muôn thuở:

“Mẹ già như chuối Ba hương,
Như xôi nếp một như đường mía lau”.

Còn như khi Dũng hát Tình cha như mặt trời, cũng dễ dàng đón nhận, vì người đời đã từng đón nhận những lời ví von về cha. Cha như bầu trời cao, như núi Thái Sơn hùng vĩ, như nhà có nóc đôn. Và còn biết bao điều ví von về ơn cao dày của cha. Hạnh phúc thay cho ai còn cha. Con gió nào làm cha khó ngủ! Trận mưa nào làm cha âu lo! Nắng chói mưa chan thì cha lo nhà lo cửa. nắng lên đẹp thì cha lo cho con cái học hành. Thương con cháu, chẳng quản nhọc nhằn. Rạng gia đình bởi có từ nghiêm. Rạng nhân rằng quả, trăm năm chớp mắt coi như mộng. Ấy phúc ấy đức, ngàn côi thoảng tai nghe tựa kể. Nuôi con dạy cái làm người, không những hiếu hạnh với cha mẹ mà phải tận trung với tổ quốc và cội nguồn dân tộc. Ai đã từng nhắc nhở con điều hay kia?

- Chính là phụ thân.

Giữ được chữ Hiếu thì mới cơ hồ thực hiện được chữ Trung. Có hành xử được hiếu hạnh, mới mong trở thành người con yêu của tổ quốc. Vì vậy, chúng ta có quyền kỳ vọng tác giả Tình Cha Mẹ sẽ là một trong những người trẻ mang đầy nhiệt huyết kiên hùng của cha anh. Hiếu trung vẹn toàn, lo gì không thành đạt khi đem chí nam nhi góp phần vào đại cuộc, xoay lại thế cờ cho Tổ quốc và dân tộc. Mong thay!

Ông thầy

Tri Vũ Trần Quang Duật

Gia đình Thiếu tá Duy tị nạn tại Hoa kỳ vào cuối thập niên 80, sau khi ông trải qua những năm tháng khổ sai trong các trại tù của VC.

Nay gia đình ổn định, con cái thành đạt, thành danh, còn mình sắp về hưu, với một kỳ nghỉ phép dài, do dự không biết đi đâu. Một vài người bạn gợi ý thử về VN một chuyến xem sao, bây giờ VC nó thế này, thế kia, dễ lắm. Nó không làm khó dễ gì cả. Chịu khó chi tí tiền còm cho bọn chó vàng là xong ngay. Thoải mái vô cùng, cái gì cũng có, cũng rẻ cả, hưởng tí tuổi già cho vui v.v...

Thêm vào đó, các con ông nói phụ vào Ba nên về xây lại mộ cho Má, thấp cho Má một nén hương, Má đi thăm nuôi Ba trong tù, xe lửa lật, chết dọc đường. Tội cho Bà già quá, cả đời chả được hưởng gì cả. Ông nhìn lên bàn thờ vợ, hình như bà cũng đang nhìn ông mỉm cười tán đồng với ý kiến của các con. Do đó, ông đã nhờ những người bạn, những chuyên viên về VN giúp ông làm thủ tục và dặn dò làm thế nào để qua hải quan tại Tân Sơn Nhất một cách lẹ làng, không bị gây rắc rối cũng như cách đối đáp với Công an VC tại đây.

Đón ông tại phi trường có một số bạn bè, một số thuộc cấp ngày xưa và họ hàng thân thuộc. Mọi người ai cũng khen ông tốt tướng khác rất nhiều với lúc ra đi. Ông chỉ cười mà không nói gì cả.

Một bữa tiệc linh đình được tổ chức ngay tại trung tâm Sài Gòn để gọi là mừng ngày “Tái Ngô”. Bàn nhậu đang ồn

ào, náo nhiệt, cô chiêu đãi viên trẻ đẹp đang gấp thức ăn vào đĩa cho ông thiếu tá, chột ngưng lại, một người bán vé số bị tàn phế trên 70% nặng nhọc với hai chiếc nạng gỗ, đèn bên cạnh ông thiếu tá, mời mua vé số đựng trong cái nón “bo” đi rừng.



Ông nhìn thấy dòng chữ “Tổ Quốc - Danh Dự - Trách Nhiệm” mới viết bằng bút chì bi màu đỏ, đậm trên vành nón. Ông ngược nhìn người bán vé số một lúc, rồi buột miệng hỏi:

“Em có phải là trung sĩ Thắng không?”

Làm như không nghe ông nói. Người bán vé số tiếp tục nói:

“Ông vui lòng mua dùm tôi vài tấm vé số”.

Móc túi lấy tờ giấy 50 dollars đưa cho người bán vé số:

“Tôi không mua vé số, tôi tặng em”, ông Thiếu Tá nói.

“Thưa ông, tôi bán vé số để nuôi gia đình, tôi không đi ăn mày. Xin ông giữ lấy số tiền này, chút nữa cho mấy anh em ăn xin, họ đang đến...”

Nói xong người bán vé số, nặng nề bước ra khỏi bàn tiệc.

Ngày hôm sau, ông thiếu tá nhờ một người lính quen biết tìm đến nhà Trung sĩ Thắng, nói là nhà, thực ra chỉ là sự lắp ghép những mảnh gỗ tạp nham, vài tấm tôn sét, vài tàu lá dừa tạm che cho qua ngày, thấy mấy em nhỏ đang chơi đùa trước nhà. Ông hỏi:

“Ông Thắng có nhà không, các cháu?”

“Ông ngoại đi bán vé số rồi”. Một trong các em bé trả lời.

“Chùng nào ông ngoại về, con?”

“Dạ, con không biết”.

Nghe lao xao trước nhà, một thiếu phụ gầy guộc từ trong nhà bước ra:

“Mời Thiếu tá dzô nhà”.

“Chị Thắng còn nhận ra tôi sao?”.

Khách chưa kịp ngồi trên chiếc ghế đầu. Vợ Trung Sĩ Thăng nói:

“Dạ thưa, nếu gặp thiếu tá ở ngoài đường, chắc là không, vì ông khác quá, nhưng đêm qua ông nhà tôi về kể có gặp ông tại bàn tiệc và nói ông không còn là Thiếu Tá Duy của anh em nữa, Ông không còn là người sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, ông đã đánh mất căn cước tị nạn của mình, Ông cũng giống như những tên Việt kiều khác, theo chính sách khùc ruột ngàn dặm của VC, cũng một loại áo gấm về làng... Mang dollars phung phí trên những châu nhậu, chơi bời trác táng trên sự đau khổ của đồng bào.

Ông biết không, ông thiếu tá, trong lúc ông ngồi nhậu, thì những người hành khất, người bán vé số, những người mất một phần thân thể đó, ông có biết họ là ai không?. Chắc ông không đoán ra đâu, họ là những người đã nghe lời các ông đi vào chỗ chết để các ông có thêm huy chương, có thêm cấp bậc, nếu họ biết ông là sĩ quan mà hành xử như vậy, họ sẽ khinh tởm, ghê sợ các ông còn hơn bọn cùi hủi VC nữa. Ông quên hết rồi, hết rồi, ông thiếu tá ơi. Ông thiếu tá còn nhớ hai cô gái xinh đẹp tiếp đồ ăn cho ông đêm qua không? Đó là cháu ngoại của ông Đại đội trưởng Đại đội Chỉ huy của Tiểu đoàn mình, Trung úy Trần Minh Đức. ông bị đui sau trận đánh đặc công năm nào, các cháu sau khi tốt nghiệp lớp 12 phải ở nhà vì cả dòng họ là Ngụy quân, ngụy quyền, xin đi làm không nơi nào nhận cả, phải đi làm chiêu đãi viên cho mấy ông Việt kiều yêu nước bốc hốt, ôm hôn sờ soạng. Còn đau khổ nào bằng, cho những người ở lại mà lại mang nhãn hiệu ngụy quân, ngụy quyền...

Tôi nhắc để ông nhớ, ngày xưa, lúc chưa mất nước, sau mỗi lần hành quân về, hàng Quân Tiếp Vụ còn dư, ông cho chở ra phát không cho những gia đình đông con, những gia đình gặp khó khăn tại trại gia binh. Ông mở câu lạc bộ, tiền lời ông mang giúp các quả phụ mà chồng họ vừa mới hy sinh, mua sách vở bàn ghế tặng các con em hiếu học trong đơn vị. Ông là một tấm gương sáng để cả Tiểu đoàn noi theo. Nhưng hình ảnh đẹp đó bây giờ ở đâu? Ông nở đánh mắt rồi sao!

Ngày bà xã ông đi thăm nuôi, tại trại Tân Lập, Vĩnh Phú, xe lửa lật, chết, chúng tôi lo chôn cất cho bà xong, và những người lính của ông vẫn gom góp mua chi phiếu với giá chợ đen để gửi quà cho ông, hằng đêm cầu Trời khấn Phật cho ông được tai qua nạn khỏi, để như ông vẫn nói phải làm một cái gì cho Quân đội, cho đất nước...

Khi chính phủ Mỹ đồng ý cho các Sĩ quan VNCH ở tù trên ba năm được đi tị nạn tại Mỹ, Một lần nữa, chính chúng tôi lại gom góp kẻ ít người nhiều, để cho ông có đủ tiền đóng lệ phí làm hồ sơ tị nạn. Rồi ngày anh em chúng tôi tiễn gia đình ông lên máy bay, bao nhiêu hy vọng mong chờ nơi ông. Thế nhưng, bây giờ thì ông đã giết chết niềm hy vọng của chúng tôi. Những gì ông đã nói, những gì ông đã hứa... trôi sông, trôi biển cả rồi!”.

Thiếu tá Duy, ngồi chết lặng, chợt mấy đứa nhỏ la lớn đã giúp ông thoát khỏi những lời đay nghiến của bà Trung sĩ Thăng:

“Ông ngoại dia nè, bà ngoại ơi”.

Không một chút do dự, ông Thiếu tá Duy chạy lại ôm Trung sĩ Thăng và nói:

“Anh xin lỗi em”.

Những ngày sau đó, khi Honda, khi xe đồ, Trung sĩ Thăng đã dẫn ông đi tìm lại những thuốc cấp và những quả phụ của đơn vị để thăm hỏi và trợ giúp. Ông đến nhà Trung úy Đức và hứa khi về lại Hoa Kỳ sẽ về xin anh em trong binh chủng trợ giúp đặc biệt cho người thuộc cấp của mình. Ông gọi điện thoại sang Mỹ, cô con gái Út của ông nhận đỡ đầu cho gia đình này. Trung úy Đức ôm lấy ông và nói:

“Mặc dầu bị mù, nhưng em thấy đàn anh vẫn trong sáng như ngày nào”.

Ngày trở lại Hoa Kỳ, sau khi bắt tay tạm biệt những người tiễn đưa mình, Ông đến chỗ Trung sĩ Thăng. Trung sĩ Thăng gượng đứng dậy, ôm ông và nói:

“Ông Thầy, ông Thầy đi bình an, giữ sức khỏe, anh em chờ ông Thầy”.

Thiếu tá Duy nhìn người Tiểu đội trưởng biệt kích của mình, chính vì cứu ông trong một trận tấn công của bọn đặc

công Việt cộng, nên anh mới bị thương tật như vậy. Bây giờ, được nghe lại hai chữ “**Ông Thầy**” từ người đệ tử của mình, cách đây gần hai mươi năm, khi tiễn ông và gia đình đi tị nạn tại Hoa Kỳ, ông chậm nhẹ những giọt mắt và bước nhanh vào phòng chờ đợi.

Trên đường về nhà, Trung sĩ Thắng nói vừa đủ cho bà vợ nghe:

“Nếu các cấp chỉ huy của QLVNCH ai cũng hành xử như ông Thầy của mình, thì ngày tàn của VC sẽ không xa, dân mình sớm có được những gì mà Thượng đế ban cho, đâu đến nỗi khổ sở như thế này”.

Bà vợ ông nói nhỏ:

“Ông nói lớn quá, tụi bò vàng nó nghe được, lại khổ thân”.

Trung sĩ Thắng, ngược lên nhìn đàn chim đang bay lượn trên bầu trời xanh biếc. Chúng như muốn được chung với niềm vui của Trung sĩ Thắng tìm lại được Ông Thầy, tìm lại được cấp chỉ huy của mình. Buột miệng Trung sĩ Thắng hát: “Thủy Quân Lục Chiến quyết chiến, Thủy Quân Lục Chiến quyết thắng”.

“Thôi đủ rồi nhe ông, đất nước của chúng nó chứ không phải của mình đâu, mà chiến với thắng”.

Trung sĩ Thắng nhìn vợ, trên môi nở một nụ cười mãn nguyện.

DC - Mùa Từ Thiện - 2009

TU TÌNH KHÚC

NGUYỄN VĂN HẢO E/21

*Tôi đã sống khoảnh đời hạnh phúc,
Trong ngôi trường võ bị lừng danh.
Ngày vui chân bước nhịp quân hành
Đêm gác súng mơ thành đại tướng.*

*Tôi cũng có mối tình để nhớ,
Một người yêu lẽ chuyện trăm năm,
Một người nay ở chốn xa xăm,
Đời bạc phận nên lần chuỗi hạt!*

*Rồi cuộc chiến bùng lên khốc liệt.
Tôi ra trường trấn biệt miền xa.
Non hai năm mới được thăm nhà,
Nhờ mảnh pháo cắm vào đoạn ruột!*

*Tôi đã ước cuộc đời sẽ đẹp.
Xá gì đâu một vết thương đau?
Có ai ngờ chiến cuộc tàn mau?
Tôi ở phía những người bại trận.*

*Tôi phải sống những ngày lặn đạn.
Chịu tù đầy, lao động khổ sai.
Chiến tranh qua mấy chục năm dài,
Tôi cứ mãi nghĩ về quá khứ.*

*Tôi đã sống bôn chồn lạc lõng.
Nảo lòng như cô gái sang sông
Đợi người về hết Hạ sang Đông,
Nỗi khắc khoải còn hơn nỗi nhớ!*

*Tôi vẫn sống bên đời lặng lẽ
Nợ tang bồng đã trả chưa xong.
Nợ non sông một vết thương lòng
Tôi hổ thẹn mình vô tích sự!*

*Tôi chỉ muốn làm người lính tốt
Trời không cho cuộc sống như mơ,
Khiến tôi thành gã thích vu vơ,
Thỉnh thoảng viết bài thơ lỡ vận!!!*

LÍNH TỐT

Viết Thay...

Mai văn Tân

Trong nỗi cơ cực, lâm than, quân cán chính của chính quyền miền nam VN phải gánh chịu ở ngã rẽ cực kỳ đen tối của lịch sử dân tộc, nếu không nhắc đến sức chịu đựng mãnh liệt và bền bỉ của người phụ nữ nói chung hay người vợ của tù cải tạo nói riêng là một thiếu sót to lớn.

Thật vậy “Trải qua một cuộc bể dâu”, nhìn lại đoạn đường đau khổ mà các bà đã đi không những cơ cực vật chất mà về tinh thần phải chịu sức ép của CS tìm mọi cách để trả thù mặc dầu miệng nói “người nào làm người ấy nấy chịu”. Chúng ta chịu đựng những gì gọi là đau khổ nhất thì chúng ta càng thông cảm nỗi niềm của quý phu nhân. Chúng ta chết khi không nhận kịp mình còn quá trẻ. Chúng ta không bao giờ quên người vợ đau khổ không còn thời gian rảnh rỗi, cho đến khi nhìn lại mái tóc huyền ngày nào giờ đã bạc phơ. Số mệnh người vợ đã gắn với định mạng chồng theo sự thăng trầm của vận nước.

Nhưng những gì đã vượt qua, những khó khăn gian khổ phải chịu đựng, bây giờ chỉ còn là những kỷ niệm đáng quý, một quá khứ hào hùng của một thuở nào... Mỗi lần tăng thêm một tuổi thọ, chúng ta hãy hãnh diện và thỏa mãn những điều chúng ta đã làm. Không còn cảm thấy đau khổ, uất ức mà trong lòng cảm thấy thanh thản khi kể lại những câu chuyện đầy máu và nước mắt.

Người VN ảnh hưởng nhiều đến tư tưởng Khổng Mạnh để áp đặt trật tự xã hội. Những nguyên tắc về “tam tông, tứ đức” theo đà văn minh của nhân loại không còn tính chất tuyệt đối. Nhưng trong chừng mực nào đó, cũng còn ảnh hưởng đến người phụ nữ VN.

Như hình với bóng bên cạnh chồng để an ủi, chia xẻ ngọt bùi trong cuộc sống thăng trầm theo vận nước. Đặc biệt trong cuộc chiến vừa qua, người phụ nữ VN đã nổi bật trong vai trò người vợ, người mẹ, đôi khi đóng vai trò của một người cha để sống còn trong hoàn cảnh hết sức khó khăn và gian nan này:

... “Ngọt bùi thiếp đã hiểu nam,
Dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân,
Nay một thân nuôi già dạy trẻ,
Nói quan hoài quạnh quẽ biết bao...”
(Chinh phụ ngâm)

Hay hình ảnh của người vợ, người tình luôn luôn quán quít theo bước người đi :

“Em đến bên ta như sợi tơ mong manh
Trong chiều thu xa vắng,
Em đến bên ta như giọt mưa
Sáng Sài Gòn, chiều Đà Nẵng, trưa Nha Trang...”

Trong cuộc chiến 1954-1975 nhiều thế hệ thanh niên đã “xếp bút nghiên theo việc đao cung” bước vào đời quân ngũ khi tuổi đời còn rất trẻ. Người người đi lính, nhà nào cũng có ít nhất một người trong quân ngũ. Những người con gái thuở ấy nếu không lấy lính thì lấy ai? Không lẽ cứ chờ cuộc chiến không biết bao giờ chấm dứt mới lập gia đình hoặc vào “chợ Quán” để kiếm người yêu hay sao? Thế nên người con gái khi bước vào đời luôn phải bận tâm lo lắng theo bước quân hành của người chồng lính. Những địa danh tuy xa lạ với người thị thành nhưng rất quen thuộc với những yêu của lính.

“Nếu em không là người yêu của lính,
Ai thương nhớ em chiều rừng hành quân...”

Tin tức chiến sự ngày càng ác liệt thì tâm sự của người vợ lính ngày càng trầm trở. Họ luôn luôn theo dõi và lo lắng sự an nguy của đức phu quân. Đêm đêm nhìn ánh sáng hỏa châu, họ lo lắng cho người chồng của mình đang đối đầu với làn tên mũi đạn. Trong đầu lúc nào cũng vang lên khúc ca sâu thẳm “ngày mai đi nhận xác chồng”. Biết bao người vợ phải để tang chồng khi còn quá trẻ. Người chinh phụ nhìn vào đó mà đau buồn, khắc khoải không biết đến bao giờ là phiên mình. Những người con gái trẻ thì lắc đầu ngao ngán.

*“Mùi hương cứ ngỡ hơi chồng,
Ôm mả cứ tưởng ôm vòng người yêu!”*



Sự xâm nhập của quân CSBV ngày càng ồ ạt, cuộc chiến bảo vệ miền nam càng khốc liệt, làm cho sự lo lắng của người vợ lính ngày càng tăng. Người ta lo sợ khi nhìn những người cùng đơn vị với chồng mình xuất hiện trước cánh cửa nhà một cách bất ngờ. Báo tin buồn cho những người vợ lính là một nhiệm vụ khó khăn nhất của những người lính ở Hậu cứ. Khi đơn vị đang tham dự những cuộc hành quân ác liệt với CSBV, càng có nhiều người hy sinh, trại gia binh, hậu cứ càng nhiều vành khăn sô. Đơn vị trưởng nhiều khi phải tránh đi không can đảm nhìn vào những cảnh tượng đó. Người lính chịu nhiều mất mát đau thương, sống nay chết mai, người vợ lính cũng đau khổ và buồn phiền không kém. Nhìn cảnh người bạn mất chồng mà đau lòng thâm nghĩ không biết bao giờ đến phiên mình. Mặc dầu chấp nhận làm vợ lính là đương nhiên chấp nhận đau thương và mất mát. Bên ngoài sự hào hùng anh dũng thì mặt trái là đau buồn, lo âu nhưng họ không còn chọn cách nào khác hơn vì vận nước:

*Em đến bên ta, nhớ lời ta khẽ nói,
Khép lại giùm ta, đời lính trận hôm qua”.*

Một câu chuyện vô cùng thương tâm ở một Tiểu đoàn TQLC, vị Thiếu tá Tiểu đoàn phó đã hy sinh trong một trận đánh ở vùng giới tuyến không lấy được xác. Đơn vị phải báo cáo mất tích. Sau ngày ngưng bắn 27/1/73, Tiểu đoàn đã trở lại chỗ cũ và tìm được xác anh, sau đó được chuyển về Sài Gòn để gia đình lo việc mai táng. Hậu cứ biệt phái cho vợ anh một chiếc xe jeep để xử dụng trong thời gia tang lễ. Nhưng một tai nạn bất ngờ đã xảy ra ở xa lộ Biên Hòa trên đường trở về nhà từ Nghĩa trang, chị đã chết theo anh bỏ lại một mẹ già và 4 con nhỏ không ai chăm sóc. Ấy là một câu chuyện điển hình trong muôn ngàn đau thương mất mát trong suốt cuộc chiến.

Rồi những người hy sinh một phần thân thể thì cũng là một gánh nặng với lo âu và buồn phiền cho người vợ lính. Suốt đời phải chăm sóc cho một ông chồng tật nguyền với đàn con nhỏ dại. Đôi vai gầy guộc phải gánh nặng suốt đời chỉ được nghỉ ngơi khi xuôi tay nhắm mắt.

Năm 1975, miền Nam đã bị cưỡng chiếm, CS đã chủ trương bản cùng hóa nhân dân miền Nam cho bằng miền Bắc để cùng “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên XHCN” và hơn 34 năm sau vẫn còn nghèo đói, lạc hậu, mất tự do và đau khổ triền miên.

Hơn một trăm ngàn Quân Cán Chính của miền Nam bị đẩy vào các trại tù CS. Những người phụ nữ bây giờ bước vào thời kỳ đen tối nhất, bị đẩy vào đường cùng không lối thoát. Trong khi chồng bị đày ải đến những vùng thâm sơn cùng cốc, lam sơn chướng khí thì họ và các con bị đưa vào những vùng khô cằn sỏi đá mà chúng gọi là “khu kinh tế mới”. Sau ngày 30/4/75 tất cả đều thay đổi. Tất cả đều trắng tay. Họ phải làm sao đây với chính bản thân họ, với đàn con nhỏ dại. Những thành phần có nghề nghiệp chuyên môn chúng còn giữ lại làm việc tuy đồng lương thấp nhưng cũng đỡ phần nào. Đa số chưa sẵn sàng một cái nghề thì phải xoay trở bằng mọi cách cho sự sống còn của gia đình. Còn ở vùng kinh tế mới thì không thể sống được, họ phải dẫn con trở về... ngôi nhà cũ đã bị chiếm mất rồi, nên đành phải lang

thang đầu đường xó chợ, gầm cầu hay nhà ga xe lửa... Phải làm đủ nghề từ buôn thúng bán bưng, kể cả giúp việc cho người khác. Biết bao người bắt đầu dĩ bước thêm bước nữa mà trong lòng rất đau thương và phiền muộn.

Ngoài việc lo cho các con, mỗi bận tâm nhất là phải lo cho chồng. Hết thời gian của cái gọi là Ủy ban quân quản ấn định, họ mong ngóng tin chồng. Lúc nào cũng bồn chồn lo lắng, không biết chồng mình sống chết ra sao. Có những người chết trong thời gian ở tù, VC không bao giờ báo tin cho gia đình hay biết. Khoảng gần một năm bắt đầu cho gửi thư, một tháng một thư bay về gia đình với hòm thư (từ ngữ VC) nhưng không được báo đang ở đâu. Gia đình nhận thư chỉ biết là còn sống và mạnh theo trong thư chứ không biết gì hơn. Tất cả thư trước khi được gửi đi bao giờ cũng bị kiểm duyệt. Sau đó thông báo về cho gia đình gửi quà 3kg ba tháng một lần. Nhiều bà đã quá nôn nóng đã bôn ba bằng mọi cách để biết được tin tức chồng. Sau đó tất cả được di chuyển ra miền bắc và được gửi quà 5 kg/ba tháng một lần.

Cuối năm 1978, tình hình an ninh phía bắc, Trung cộng đòi dạy cho VC một bài học về tội lừa thầy phản bạn, tù nhân được chuyển dần về phía nam và từ quân đội chuyển qua cho công an quản lý. Đây là thời gian te tua nhất trong tù. Không còn khoai sắn để mà ăn. Phạm Văn Đồng phải qua Ấn Độ xin viện trợ. Và đây là lúc tù trong và dân ngoài đều được thưởng thức một loại “cao lương” gọi là BOBO, một loại thực phẩm dành cho ngựa mà dân “cà ri” có nhã ý tặng cho “người VN ngàn lần anh hùng”. Ăn vào bao nhiêu thì cho ra bấy nhiêu, chẳng còn một chút bổ dưỡng nào được giữ lại trong cơ thể. Sức khỏe tù nhân vô cùng tệ hại. Cơ thể suy nhược

Và nhiều người đã chết. “Mô đất lạ chôn vùi thân bách chiến”. VC phải cho gia đình tiếp trợ thăm viếng để giảm bớt số người chết. Mục đích thăm nuôi là cho tù nhân có được thực phẩm và thuốc men để sống còn. Thật không có chế độ nào mà bắt nhốt người mà gia đình phải đi nuôi. Chắc chỉ có độc nhất ở cái “xã hội ưu việt” này mà thôi. Nuôi chồng không phải gia đình nào cũng có tiền của sau khi đã bị CS

trấn lột bằng cách đổi tiền nhiều lần, ngoại trừ những người có thân nhân ở nước ngoài.

Thăm nuôi chồng con cũng không có gì đơn giản dưới chế độ “không có gì quý hơn độc lập tự do”. Các bà phải đến phường, khóm, xã để làm đơn xin thăm nuôi. Trước khi thị thực vào đơn, bọn sâu bọ lên làm người bèn lên tiếng phán dạy: “Chồng chị nợ máu với nhân dân, nay được cách mạng khoan hồng cho học tập cải tạo để trở thành con người mới trong XHCN. Chị phải động viên chồng chị phải học tập tốt, lao động tốt để CM sớm cho về sum họp với gia đình”. Sau khi được giấy rồi, bắt đầu lo mua sắm thực phẩm, thuốc men cần thiết. Cũng nên nhắc lại sau các đợt đổi tiền để cướp giật tài sản của người dân miền Nam, các bà đi mua sắm phải nhịn ăn nhịn mặc để có một số tiền sắm sửa cho chồng. Đến khi mua vé xe lửa để ra Hà nội thì không mua được. Vì nóng lòng không thể chờ đợi nên các bà đi bằng cách “nhảy tàu”, có nghĩa là đi tàu không có vé, nếu gặp phải người kiểm soát thì đóng tiền phạt. Không có chỗ thì ngồi trên sàn, chỗ nào ngồi được thì ngồi. Mỗi lần đi các con phải từng đưa để gặp cha. Tôi nhớ có một lần đưa con sinh năm 1973 đã đòi mẹ cho đi thăm trước. Mẹ cho con đi thăm Ba vì từ hồi sinh ra đến giờ chưa biết mặt ba. Xuống sân ga gần nhất để vào trại cải tạo, theo lời hướng dẫn trong thư hoặc đi theo người trước. Các bà phải dùng mọi phương tiện như xe bò, xe trâu... nếu không thì phải gánh gồng đi bộ vài ba chục cây số dưới ánh nắng mặt trời gay gắt mùa hè hay cái lạnh se thất của mùa đông ở miền bắc. Đến trại, trước khi được gặp chồng, các bà lại bị đám cán bộ lên lớp: “Các chị phải động viên các anh lao động tốt, học tập tốt để được sớm cho về đoàn tụ gia đình. Thời gian lâu hay nhanh là do sự học tập của các anh ấy”. Sau đó được gặp chồng khoảng 10 hay 15 phút trên một chiếc bàn dài, một bên là tù, một bên là thân nhân, đầu bàn là một cán bộ ngồi kiểm soát. Sau đó được mang quà vào trại và để lại sự ngậm ngùi của vợ con vượt hàng ngàn cây số để được gặp chồng trong vòng 15 phút mà những giây phút đầu tiên còn ngỡ ngàng và đầy nước mắt.

Như thế là còn may mắn, có những bà đến thăm lúc chồng đang bị kỷ luật thì bị lên lớp với những danh từ đao to búa lớn lê thê dài dòng mà vô nghĩa như con vẹt học nói tiếng người. Quyết định không cho gặp cũng như không cho nhận quà. Các bà vì thương chồng khóc lóc xin xỏ thế nào cũng không được. Các bà phải giải quyết làm sao với với gánh thực phẩm và thuốc men này đây. Nhiều khi các bà gặm thét, văng tục để bớt đi nỗi uất nghẹn trong lòng. Nhưng khi nghĩ đến thân phận của chồng nên đành ngậm miệng với bao uất hận và đắng cay. Còn có những bà bất hạnh hơn, thăm chồng nhưng chồng đã chết đi từ lâu. Cán bộ nói quanh chứ không bao giờ dám nói ra sự thật. Chỉ đường qua liên trại rồi đến trại khác để hỏi. Mỗi lần như thế các bà phải đi hàng chục cây số... Rồi cuối cùng vì quá uất ức, các bà phản ứng dữ dội, khi đó cán bộ mới thú thật. Các bà đau khổ quá sức chịu đựng, cũng phải hàng ngàn dặm để trở lại nơi thâm sơn cùng cốc để bốc mộ chồng với những nắm mồ không có mộ bia thể theo lời chỉ dẫn của cán bộ hoặc anh em tù khi đi chôn cất họ còn nhớ được.

Đến năm 1980 về sau, CS còn âm mưu cứu xét những người tù gọi là lao động tốt, chấp hành nội quy tốt để được thăm 24 tiếng. Thật là một sự dã man, bóc lột đến tận xương tuỷ người tù. Tôi ở tù gần 13 năm tôi chẳng hiểu thế nào là lao động tốt hay chấp hành nội quy tốt là gì. Đó là âm mưu của CS bóc lột và gây chia rẽ trong hàng ngũ Quân Cán Chính VNCH mà thôi. Chúng còn dùng miếng ăn để sai khiến những người tù nhẹ dạ làm những chuyện trái lương tâm và phản lại anh em mà thôi. Nhiều người kiệt sức và ngã quỵ vì nghe theo CS cũng như khó nhìn mặt lại anh em sau khi được thả về.

Về phần các bà thật là si nhục và khó khăn để chịu chồng trong hoàn cảnh thật man rợ do bọn CS gây nên. Sự việc đó có thể gây ra đổ vỡ hạnh phúc bao gia đình vì nghi ngờ sự chung tình của người đầu ấp tay gối.

Thảm cảnh miền Nam bây giờ cũng không bút mực nào diễn tả hết. Mọi người sống chán ngấy với bọn sâu bọ lên làm người. Lúc nào cũng huênh hoang, đất nước ta từ nay đã

độc lập, thống nhất và sạch bóng quân thù, cả nước đang tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên XHCN, nào là khó khăn chỉ là tạm thời, nào là tàn dư Mỹ nguy... Ai cũng nghĩ cách để làm sao không còn thấy những cảnh đói trá, xảo quyết, dã man của bọn người ngợm... nên mọi người tìm cách vượt biên, đem sanh mạng đổi lấy tự do như nhà thơ Tô thùy Yên đã viết:

*Làng mạc giờ đây đã trống trơn,
Con dê, con chó cũng không còn.
Người đi bỏ xác nơi bờ bụi,
Miếu xác thần hoàng rũ héo hon...*

Vi vậy đã gây nên thảm cảnh thức tỉnh lương tâm của nhân loại cả thế giới. Nào nạn hải tặc Thái lan, nào làm môi cho cá, nào chết trong rừng sâu... Trong cuốn “Con hồng thủy biển đông” của Cao Thế Dung, tổng kết dựa theo Cao ủy Liên hiệp quốc con số hơn 600.000 người đã thiệt mạng trên đường đi tìm Tự do. Thật là cái tang lớn và đau xót, chưa từng xảy ra cho dân tộc VN. Chính quyền CS còn dự định tổ chức một vùng kinh tế mới tại Thanh Hóa để di chuyển tập trung tất cả tù cải tạo với hình thức chỉ định cư trú và bắt buộc phải mang gia đình ra đó sinh sống cho đến chết. Rõ ràng CS muốn tiêu diệt các thế hệ của quân cán chính VNCH để trả thù. Nhưng mà “muru sự tại nhân, thành sự tại thiên”, CS phải chống đỡ Miền cộng do Trung cộng xúi giục đánh phá vùng tây nam. Đến đầu năm 1979, Trung cộng đã xua quân tấn công hàng loạt các tỉnh phía bắc để dạy cho VC một bài học. Công cuộc chỉ định cư trú của tù cải tạo phải tạm ngưng lại để di chuyển các trại tù vùng biên giới xuôi nam. Chính quyền CS đang ở trong tình trạng “tiến thoái lưỡng nan”. Để chúng ta ở lại thì lại nghịch lòng dân miền Nam và là thành phần chống đối lại CS. Ngược lại cho chúng ta sang Mỹ thì “thả cọp về rừng”. Hơn nữa sự ra đi ào ạt sẽ gây xáo trộn cho các nước Đông Nam Á và bị chết quá nhiều qua các thảm cảnh trên biển đông đã đánh thức lương tâm thế giới.

Nhờ chính những người như bà Khúc Minh Thơ, tướng Vessey, thứ trưởng ngoại giao Robert Funseth và Tổng thống Ronald Reagan cùng nhiều vị ân nhân khác đã kiên nhẫn quyết làm cho bằng được để cứu vớt chúng ta, nếu không chúng ta khó mà có ngày nay:

*Còn trời còn đất, còn non nước,
Chẳng lẽ ta đâu mãi thế này.*

Để tránh sự xáo trộn trật tự tại các nước Đông Nam Á như Thái lan, Mã lai, Nam dương... cũng như chấm dứt thảm cảnh cho người vượt biên đưa đến chương trình ra đi có trật tự (O.D.P). Chương trình gồm có số lượng Quân Cán Chính của chính quyền VNCH thời gian ở tù từ ba năm trở lên. Các gia đình đã có người vượt biên đã định cư tại các nước như Canada, Mỹ, Anh, Úc... bảo lãnh để đoàn tụ. Các gia đình có con lai Mỹ cũng được ra đi.

Sau năm 1984, CS từ từ thả các tù nhân cải tạo cho đến mùa Xuân năm 1988 đại đa số được ra khỏi trại cải tạo về sum họp với gia đình. Từ đó chuẩn bị giấy tờ cần thiết để nộp hồ sơ xin xuất cảnh. Một số ít gồm cán bộ tình báo cấp Phủ đặc ủy, các đơn vị 101... cũng được thả ra sau vài năm. Đến ngày nay khoảng 3 triệu người sống rải rác trên khắp thế giới, đông nhất là Hoa kỳ. Thời gian đầu được sự trợ cấp của nước tạm dung, với sự cố gắng vượt bực của các gia đình tị nạn từ từ được ổn định đời sống thoải mái và tự do. Con cái sau thời gian chịu đựng âm thầm ở các khuôn viên đại học đã đạt được ước mơ. Nhiều người ở thế hệ thứ hai là những bác sĩ, kỹ sư, khoa học gia, những chuyên viên xuất sắc đã đóng góp cho các quốc gia mà họ định cư không ít.

Trong sự gian nan và khổ cực, tất cả nhân dân miền Nam gánh chịu một mất mát to lớn, nhưng cũng có may mắn là có khoảng 3 triệu người sống khắp thế giới, thật sự là thành phần tai mắt cho nhân dân quốc nội. Lực lượng này cũng là lực lượng yểm trợ hữu hiệu trong công cuộc giải trừ chế độ CS.

Trải qua thời gian dài chịu đựng quá nhiều đau khổ theo vận nước, nhiều lúc những khó khăn gian khổ tưởng chừng

không vượt qua nổi, nhưng cuối cùng đều được hanh thông. Những người chết chưa kịp nghĩ ra mình còn rất trẻ. Những người phụ nữ đã phải chịu quá nhiều gian truân đau khổ, quên mất đi thời thanh xuân của mình. Đến hôm nay bỗng nhìn lại thì mái tóc huyền ngày xưa đã điểm sương, tuổi đời đã cao, nhưng tất cả đều ổn định, sống hạnh phúc với những gì mà mình đã tạo dựng, với các con cháu thành đạt nên người.

Các phu quân ngày nay thân đã yên, gia đình hạnh phúc, nhạc sĩ sáng tác nhạc, văn sĩ viết văn, thi sĩ làm thơ... đều ca tụng và vinh danh các Bà. Các Bà rất xứng đáng được hưởng những gì mà các Ông trân trọng dành cho. Tuy nhiên khi chúng ta đã yên thân, hạnh phúc, chúng ta không quên hơn 80 triệu đồng bào ta còn đang đau khổ. Tuy tuổi đã già, sức đã kiệt nhưng chúng ta quyết tâm tranh đấu và khuyến khích con cháu quyết tâm tranh đấu đến thắng lợi cuối cùng là quê hương VN Tự Do - Hạnh Phúc - No Ấm và không CS.

Những lời trân trọng sự thủy chung của người đàn bà VN suốt đời hy sinh cho chồng con bất cứ ở hoàn cảnh nào và đã được đền bù cuộc sống còn lại thanh thoi, hạnh phúc, con cái thành đạt và hằng ngày vui cùng đàn cháu ngoan.

Nếu chúng ta biết được ân sủng của ơn trên đã dành cho ta, cũng như thấu hiểu được sự may mắn hiếm hoi ta nên chia xẻ ơn phước ta đã hưởng cho nhưng ai kém hơn. Đó là cách tạo sự hạnh phúc lâu dài, trải rộng tình thương đến mọi người, mãi mãi nhớ câu dùng tình thương hóa giải hận thù để mở rộng lòng thương yêu đến mọi người. Một cách tạo hạnh phúc cho ta và cho tha nhân vậy.

Viết những lời thơ thiên để ghi lại sự hy sinh thật cao cả của quý bà, một sự thật không thể chối cãi trong khúc quanh lịch sử đau thương và mất mát. Mãi mãi vẫn là tấm gương sáng chói trong chiều dài lịch sử của dân tộc VN, mãi mãi vẫn là chân dung thật tuyệt đẹp của người phụ nữ VN.

Mai văn Tấn.

* * *

TRẬN ĐÁNH *PHƯỢNG HOÀNG*

Ngày 9 tháng 4 năm 1972

Tại Quảng Trị

Người viết: Bài này được viết theo yêu cầu của một người bạn học Chu Văn An, cũng là một chiến hữu Thủy Quân Lục Chiến Bác Sĩ Phạm Vũ Bằng tự Bằng Chém.

Kính tặng: Chương môn Lý Văn Mèo, một cấp chỉ huy “mát tay”. Cả khóa có 20 người được chọn về binh chủng TQLC. Đại đội C, 5 được chọn còn nguyên vẹn 5 người, và bốn người vẫn còn trực chiến với VC đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 đó là Bùi Bồn, Nguyễn Trung Việt, Nguyễn Kim Thân và tôi.

Viết: Để tưởng nhớ Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Tâm, Phạm Ngọc Điệp và Nguyễn Dzuong Dzuong, và tất cả các anh em binh sĩ Đại đội 2/Tiểu đoàn I/Sư đoàn TQLC.



Vài hàng về Đại đội II của tôi

Vừa ăn Tết xong được vài ngày, cả tiểu đoàn tập trung ở Hội trường để nghe Đại tá Tham mưu trưởng Sư đoàn nói chuyện. Khi ông bước vào hội trường, theo sau là một phái đoàn báo chí, truyền thanh và truyền hình Quân đội. Sở dĩ tôi

biết được điều này là vì tôi thấy có bóng dáng phóng viên chiến trường Quân đội Dương Phục.

Thiếu tá Nguyễn Đăng Tổng K.16/Tiểu đoàn trưởng trình diện Tiểu đoàn lên Đại tá Tham Muu Trường. Đại tá Bùi Thế Lân chúc Tết tiểu đoàn và hỏi:

“Trong sư đoàn TQLC, có đại đội nào trong sư đoàn TQLC mà hai năm không có lính đào ngũ không?”

Cả hội trường vang lên “Không”.

Ông mỉm cười và nói:

“Có” Thiếu tá Tổng kêu Trung sĩ I Phan Nghê kế toán hậu cứ Đại đội 2 và tôi lên trình diện. Sau phần trình diện, Trung sĩ Nghê báo cáo như sau:

“Kính thưa Đại tá Tham mưu trưởng, trong hai năm 70 và 71, Đại đội 2 không có binh sĩ đào ngũ. Quân số tham chiến của đại đội là 145 người từ binh nhất đến Đại úy, đơn vị không có binh nhì. Sau phần báo cáo của Trung sĩ I Phan Nghê, Đại tá Tham Muu Trường đi đến trước mặt tôi và nói:

“Đại diện Trung tướng Tư lệnh, tôi trao Đại úy bằng Tường lục cấp Sư đoàn vì hai năm đơn vị không có binh sĩ đào ngũ”.

Tôi chào Ông khi nhận bằng Tường lục.

Anh em phóng viên Quân đội đến phỏng vấn tôi.

Tôi nói:

“Tôi không có gì để trả lời quý vị, bây giờ sắp tới giờ ăn trưa của anh em binh sĩ, quý vị xuống hỏi họ, chắc quý vị sẽ có câu trả lời đùng nhất”.

Bây giờ, qua bao thăng trầm của cuộc chiến, của thời gian như tôi đã viết trong DVD kỷ yếu của khóa như sau:

“Về huy chương, đối với anh em trong khóa, **ai có gì, tôi có cái nấy**”, và bây giờ cho tôi thêm như sau “Bằng Tường lục cấp Sư đoàn, hai năm không có lính đào ngũ thì có ai có không nhì?”

Bước vào cuộc chiến.

Một Ông Tiểu đoàn trưởng Thủy Quân Lục Chiến có viết trong Đặc San Sóng Thần của binh chủng Mũ Xanh như sau:

“Nếu được chỉ huy một tiểu đoàn tác chiến TQLC mà trong đó có ba ông Đại Úy thâm niên làm Đại đội trưởng là Sĩ quan Đà Lạt thì Tiểu Đoàn Trưởng chỉ việc ngồi hút thuốc và đếm chiến lợi phẩm mà thôi, không cần điều động...”



Ngày 21 tháng 3 năm 72, Đại đội tôi đi hành quân với 165 binh sĩ, vì được bổ sung thêm 20 tân binh mới tốt nghiệp từ Trung tâm huấn luyện TQLC Sóng Thần.

Chiếc C130 đáp xuống phi trường Ái Tử, 8 chiếc xe GMC chở đại đội vào đóng quân tại căn cứ Phụng Hoàng. Tôi giao cho Dzung K24 chỉ vị trí đóng quân cho các trung đội cùng tung các toán tiền đồn. Còn tôi cùng vị Sĩ quan tiền sát viên chăm hỏa tập yểm trợ pháo binh khi hữu sự...

Năm ngày đóng quân trôi qua một cách bình yên, tôi bàn giao căn cứ lại cho Đại úy Thêm, Đại đội trưởng đại đội IV, để vào phối trí trong căn cứ Ái Tử; và cứ thế hết 5 ngày ở trong căn cứ Ái Tử xong lại ra căn cứ Phụng Hoàng và lần này, trước khi bàn giao căn cứ lại cho một đại đội của tiểu đoàn VI, Đại tá Ngô Văn Định, Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 258, giao cho tôi 100 mìn chống chiến xa để thiết lập bãi mìn để ngăn chặn chiến xa của VC.

Đêm 8 tháng 4 năm 1972, tôi nghe súng nổ ở phía căn cứ Phụng Hoàng. Khoảng 2 giờ sáng, Tiểu đoàn cho biết chịu không nổi áp lực của địch, đại đội của tiểu đoàn VI đã được lệnh phân tán mỏng để bảo toàn lực lượng và ngày mai, ngày 9 tháng 4 năm 1972 đến phiên đại đội tôi phải ra tiếp ứng đơn vị bạn và đơn vị được lệnh xuất phát lúc 4 giờ sáng.

Sau khi họp các Trung đội trưởng xong, đúng 4 giờ đơn vị tôi thay vì đi về phía Tây, tôi quyết định đi hướng Bắc để còn đón một trung đội tiền đồn đóng ở phía Bắc xa tôi hơn 1 km. Khi gặp Tâm, trung đội trưởng tiền đồn, Tâm nói đêm

qua căn cứ Phụng Hoàng chắc đụng lớn, nghe có cả tiếng xe tăng của VC nữa.

Tôi sắp lại đội hình cho hai trung đội 2 và 3 đi đầu và M.72 phải sẵn sàng đối diện với chiến xa địch. Trung đội 2 đang đi bỗng dừng lại, Thiếu úy Tâm báo “Có tiếng thiết giáp địch rất gần, Dầu Tiếng cho lệnh”. Di chuyển lên trên, lần đầu tiên tôi thấy 3 chiếc T.54, một chiếc máy còn đang nổ, hai chiếc kia nằm yên và tất cả súng đại bác đều đang hướng về phía căn cứ Phụng Hoàng.

Tôi cho lệnh trung đội 2, tập trung M.72 và nhắm vào chiếc T.54 gần nhất đang nổ máy và ra lệnh sau khi M.72 khai hỏa cả đại đội dàn hàng ngang xung phong.

M.72 khai hỏa, chiếc T.54 bốc cháy cả đại đội xung phong qua chiếc T.54 đang bốc cháy, Tôi gọi Dzuong cùng trung đội súng nặng leo lên chiếm hai chiếc T.54 nằm yên. Dzuong báo cáo trong xe không có người súng đạn còn nguyên. Bung rộng các trung đội ra lục soát, cho pháo binh bắn chặn những điểm nghi ngờ địch tập trung, tôi và ban chỉ huy đại đội vào căn cứ Phụng Hoàng gặp Thiếu úy Tài, một trung đội trưởng của Tiểu đoàn 6 đang ở trong cộng sự phòng thủ tôi gọi Tài ra và cho biết tình hình đã được kiểm soát, mau gom con cái thất lạc lại để báo về tiểu đoàn 6; còn tôi báo cáo về Tiểu đoàn là phía Tây Bắc căn cứ có nhiều nguy trang di chuyển có thể là bộ binh và thiết giáp của VC. Đại tá Ngô Văn Định vào tần số tiểu đoàn và cho biết khoảng 15 phút nữa sẽ có Fighter A.37 của VN lên tiếp tay với tôi. Ông bảo tôi cho tọa độ nghi ngờ có VC và ông cho tôi tần số của A.37 để liên lạc và hướng dẫn A.37.

Tôi mở tần số để liên lạc với A.37. A.37 cho tôi biết hướng đánh bom là từ Đông sang Tây. Tôi nói nếu đánh vậy thì rất nguy hiểm vì phòng không hướng tây rất mạnh, nó nằm trong núi. nếu đánh theo hướng Đông Bắc xuống Tây Nam thì an toàn hơn. A.37 trả lời không kịp vì phi cơ dzô vùng rồi. Lúc đó là 11:00 am. Một trái hỏa tiễn SAM phóng lên và chiếc A.37 bị cắt làm đôi. Lữ đoàn ra lệnh cố gắng tìm xác viên phi công, nhưng không có kết quả. Sau này nghe đài

phát thanh Quân Đội được biết đó là một anh hùng diệt tăng địch của Không quân Đại Úy Trần Thế Vinh.

Tiểu đoàn cho lệnh tôi về lại căn cứ Ái Tử. Như có linh tính báo trước tôi gọi Dzuong và trung đội trưởng lại nói “Coi chừng trên đường về bị phục kích.

Dẫn trung đội 1 đi sau cẩn thận và các trung đội đi đầu phải tuyệt đối giữ im lặng. Di chuyển được 2 cây số, Thiếu úy Diệc, trung đội 3 báo cáo có tiếng nói chuyện phía trước, tôi ra lệnh cho hai trung đội 2 và 3 dàn hàng ngang, tôi lên quan sát thấy tất cả các hướng súng của địch đều hướng vào căn cứ Ái Tử. Một ý nghĩ thoáng trong đầu tôi: **Đúng là chiến thuật công đồn dã viện của VC đây**, nếu sáng nay tôi đi ra hướng Tây chắc là không còn mạng nào cả, vì VC ở trên đồi, còn chúng tôi từ dưới đồng bằng đi lên thì!!!

Lập tức tôi cho M.60, M72 khai hoả, đại đội dàn hàng ngang từ phía sau đánh tới, có lẽ đây là một tiểu đoàn (-) của VC. Chúng hoảng hốt bỏ chạy, nồi cơm còn đang nấu dở trên bếp, máy truyền tin còn đang đếm số v.v... tôi bóp chiếc ống liên hợp và nói: Hàng đi, không kịp đâu”. Bên kia đáp lại: “Anh ơi, xin vui lòng cho em ‘niên nạc’ chút”. Với tính hay phá phách, tôi cứ lúc bóp lúc thả ống liên hợp của máy liên lạc của VC, lúc đó Đại đội phó Nguyễn Dzuong Dzuong và các trung đội toả rộng đi lục soát thanh toán chiến trường.

Kết quả hơn 70 xác cộng quân bỏ xác tại chỗ, tịch thu hơn một trăm vũ khí đủ loại, và ba máy truyền tin do Trung Cộng chế tạo. Tôi báo cáo chiến lợi phẩm về tiểu đoàn. Thiếu tá Tổng hỏi tôi:

“Chỉ nghe Dầu Tiếng báo cáo về địch còn ta thì sao?”

“Trình Tây Sơn ,ta vô sự”.

“Dầu Tiếng **Cool Hand** lắm”.

“Tây Sơn không nhớ ư, tôi là đàn em của Đại ca Lý Văn Mẹo mà”.

Tiểu đoàn báo cho biết “Đúng 4:00 pm Trung tướng Hoàng Xuân Lãm Tư lệnh Quân đoàn I sẽ tới thăm đại đội”.

Khi Ông bước xuống xe Jeep, Thiếu tá Tổng dẫn tôi lại trình diện, sau khi bắt tay tôi, Trung tướng Lãm gọi người sĩ quan tùy viên và nói:

“Cho Đại úy 40.000 đồng về việc bắt sống 2 chiếc T.54 của VC”.

“Thưa Trung tướng cho tôi hay cho đơn vị”, tôi hỏi.

Ông nhìn tôi và nói:

“Cho Đại úy hay cho đơn vị có khác nhau không?”

“Thưa có”, Tôi đáp: “Cho tôi thì tôi quyết định mua cho đơn vị, binh sĩ không được quyền thắc mắc. Còn cho đơn vị thì anh em binh sĩ mua gì tôi ăn nấy, tôi không có quyền khiếu nại”.

Ông nhìn tôi cười và nói:

“TQLC khó hi, thôi thì 40.000\$ cho đơn vị và cho thêm Đại úy 20.000\$”.

Tôi chào và nhận tiền, xong đưa cả 60.000 đồng cho Thượng sĩ Ngôn đi chợ làm tiệc cho anh em trong đơn vị.

Tôi nghe Ông nói với Thiếu tá Tổng: “Đề nghị cho Đại úy Đại đội trưởng này Đề nghị đăng Bảo Quốc Huân Chương”, và huy chương này tôi đã được Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu gấn ngày 28 tháng 5 năm 1972 tại Huế khi ông phát động chiến dịch **Trị Thiên Vùng Dậy** và cho lệnh 3 tháng phải tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị.

Thủy Quân Lục Chiến cùng quân dân Quảng Trị đã chiếm lại Cổ thành trước hạn định 3 ngày.

Chiến trận đã qua, nhưng hình ảnh anh em binh sĩ Đại đội 2 của tôi vẫn như ẩn như hiện trong tôi mỗi khi có ai nhắc đến bốn chữ Thủy Quân Lục Chiến. Cũng chẳng có gì là đặc biệt cả vì chúng ta là những người đã chọn binh nghiệp làm lý tưởng của mình.

Dầu Tiếng Trần Quang Duật

thơ



Tặng Huỳnh duy Thiện F/21

em hãy đợi đưa anh về quê nhé
mảnh vườn xưa hoa vẫn nở xinh tươi
nghe âu ơ, lời ru nào của mẹ
và ngoài sân vắng vắng tiếng em cười

quê ta đó bên bờ sông Vàm Cỏ
lúa héo hon khi nước chẳng kịp về
may sao vẫn còn tay em áp ủ
nâng niu đời trong nỗi nhớ, tình quê

ngày tháng vẫn trải dài theo sóng nước
nắng hay mưa là chuyện của đất trời
anh sẽ theo về quê em Cần Đước
những con kinh rộn rã tiếng cười vui

mời em hãy cùng anh câu trò chuyện
gió xôn xao trên những đọt cây dừa
anh xôn xao vì mắt em quyến luyến
và hoài công ngồi với nỗi bơ vơ

con thuyền mãi xuôi theo giòng nước chảy
những năm xưa chiến trận đã qua rồi
người nằm xuống, mùa xuân còn đâu đấy
nước mắt rơi che khuất những nụ cười

mai đưa anh về con đường xưa cũ
đắt tay nhau trên lối bước thênh thang
lòng thôi đã trôi theo ngày mưa lũ
em sang sông làm bao kẻ ngỡ ngàng

qua Tân Trụ, Thủ Thừa hay Bến Lức
dù loanh quanh cũng chỉ một giòng sông
con nước lên hay là con nước xuống
đợi anh về xuôi mái Vàm Cỏ Đông.

Trần Như Xuyên

Viết cho

LÊ HỮU KHIÊM

MỘT NGƯỜI

VỪA NĂM XUỐNG



KHIEM HUU LE, 66, died Friday, Jan. 15, surrounded by family after a heroic fight with lung cancer. He graduated from Dalat Vietnamese National Military Academy in 1966 and served honorably in the Vietnam War as a pilot. He was an avid golfer, husband, brother, father, and grandfather. He is survived by his wife of 40 years, Danielle D. Tran; children, Cathy, Pierre, and Yvonne; grandchildren, Hunter, Sierra, and Joel. Memorial services will be held at NICOL.

----- * * * -----

Trong khi nền khoa học đang hồi hả chạy đua với thời gian, nhằm mục đích phục vụ con người. Thì ngược lại, dường như có một cái gì đó cứ mãi âm ỉ, khiến tâm tư của tôi luôn quay cuồng với dĩ vãng, đặc biệt là một quãng đời thật ngắn ngủi tại thành phố sương mù, nơi đó có Trường Mẹ của tôi. Tôi hiểu được rằng chính kiến cũng hết như một sự chọn lựa cho mình một hướng đi. Tôi đã tìm được cho mình một lối sống, một lập trường, tôi không muốn dễ dàng bị nghiêng

ngã theo chiều gió hoặc sóng kiêu cơ hội. chủ nghĩa Tôi đã chọn Võ Bị, tức là tôi đã khẳng định con đường dẫn thân phục vụ Tổ Quốc. Khiêm và tôi vẫn luôn đồng thuận về tinh thần đó, cùng với vài lãnh vực khác nữa. Cả hai đều không hiểu tại vì sao mà mình vẫn ngẩng mặt và hãnh diện rằng mình là những người xuất thân từ Võ Bị. Chúng tôi cũng có cùng một trăn trở, một nỗi đau của người bị mất Nước, chung một nhịp thôn thức và chạnh lòng trước thân phận của kẻ lưu vong! TVBQGVN đã đào tạo chúng tôi thành những con người sống có lý tưởng, những cán bộ nòng cốt của Quốc Gia. Dù đang phải sống cách xa Đà Lạt hơn nữa vòng quả đất, thế mà từ trong tâm tưởng, Trường Mẹ vẫn hiển hiện trong chúng tôi và thật gần! Bởi vậy mà Tro Cốt của Khiêm được chia làm 4 phần, Chị Khiêm sẽ mang về rải ở Việt Nam, trong đó có 1 phần dành cho Đà Lạt, TVBQGVN!

Ranh giới giữa sự sống và cái chết ngoài chiến trường, đôi lúc nhanh hơn một lần trở bàn tay. Thật vậy, Huỳnh Trung Trọng G.21 và tôi, trong đêm mừng 3 rạng mừng 4 Tết Mậu Thân, hai người chỉ vừa hút xong điếu thuốc Lucky, thì Trọng đã vĩnh viễn nằm xuống, không kịp trở trăn một lời! Trọng đã hy sinh cho sự đứng vững của Kontum. Địa danh này là điểm hội tụ của ngã ba biên giới Việt - Miên - Lào, là tên của một tỉnh lỵ và cũng là tên của một thành phố thật nhỏ, thuộc vùng cao nguyên, nhưng lại không có đất đỏ. Hầu như mọi thương vụ của Kontum được tập trung trên một con đường chính: đường Lê Thánh Tôn... Người Kontum hiền hòa, hiếu khách, thị xã Kontum có khu cũng nổi tiếng, đó là khu hàng cây keo, nằm dựa lưng vào sân vận động, nơi đây có quán cà phê, quán ăn, quán nhậu v.v... mà những anh lính trận thường tụ tập ở đây sau những lần rời khỏi vùng hành quân. Kontum có nhiều địa danh đi vào chiến sử và thành phố thân yêu này cũng đã hứng chịu nhiều nỗi oan nghiệt của chiến tranh! Bấy giờ, khoảng năm 1968, Tiểu đoàn 2, thuộc Trung đoàn 42 Biệt lập, được tăng phái cho Bộ Tư Lệnh Biệt Khu 24 tại đồn trú tại thị xã này. Ở đó, tôi gặp lại Khiêm vào những lúc Phi đoàn 219, căn cứ đóng tại Đà

Nặng, được tặng phái cho trại B 15, để thả những toán Lôi Hồ qua bên kia biên giới Trại B 15 nằm bên kia cầu Dakla, trên quốc lộ 14 chạy về Pleiku. Chính tại nơi này, một số bọn tôi, bên Bộ Binh gồm Phạm Quang Hậu C, Huỳnh Văn Thảo H và tôi, còn bên Không Quân, lúc thì gặp Nguyễn Thái Dũng, Hà Tôn, Trần Đức Viêt v.v... khi thì gặp Lê Hữu Khiêm, Lê Ngọc Yên v.v... bởi vì Phi đoàn này luôn thay đổi toán. Tuy nhiên, trong những lần như thế, cứ mỗi buổi chiều xong nhiệm vụ, nhóm Không Quân và Bộ Binh K.21 lại cùng nhau vui vẻ, cùng nhau đi uống, cà phê, hay lai rai vài ba chai bia hoặc ăn uống ở nhà hàng v.v... Thịnh thoảng, chúng tôi đã vào đơn vị của tôi chè chén lai rai. Khi mà nhóm Không quân chứng kiến cảnh đệ tử lo lắng cho tôi một cách tận tình, họ cũng trầm trở về sự “oai phong” của một Trung úy Đại đội trưởng Bộ binh. Đó là những kỷ niệm thật đẹp mà tôi không bao giờ quên.

Lúc chúng tôi còn là SVSQ, Khiêm thuộc Đại Đội G, lại là một Sinh viên gương mẫu, SVSQ Cán bộ Tiểu đoàn Trưởng Tiểu Đoàn II. Còn tôi, Đại Đội C, là Sinh Viên học hành đã dỡ, lại còn có một tính xấu là hay nghịch ngợm. Cho nên, tôi đã bị Lý Tiên Sinh, tức là người Niên trưởng đáng kính Lý Văn Mẹo, lúc bấy giờ là vị sĩ quan cán bộ Đại Đội Trưởng, đã cho Võ Đông Sơ tức SVSQ Nguyễn Văn Đông thay tôi, thủ kho Đại Đội. Giữa tôi và Khiêm cũng chỉ giao tiếp thật bình thường như nhiều người bạn khác cùng Khóa. Khiêm là một con người nghiêm khắc, sống rất nguyên tắc, đâu ra đó và nhóm Không Quân K.21, sống tại “lâu đài tình ái” ở Nha Trang đã đặt tên cho nó: Má Khiêm. Khiêm và tôi gần như dị biệt về tính tình và quan niệm sống. Thế mà đã hơn 10 năm qua, hai chúng tôi lại trở thành hai người bạn thật thân. Thân đến độ cả hai có thể chia sẻ những chuyện thầm kín mà không chút dè dặt. Thân tình này khởi đầu từ ngày Khiêm từ Việt Nam trở về Mỹ và ghé qua Nam Cali, sau đám Tang của Mẹ tại Long Xuyên.

Là phi công trực thăng trong thời chinh chiến, Khiêm đã mấy lần bị thương.

Lần bị thương sau cùng, lại là lần mang một dấu ấn rất lớn trong cuộc đời... Bởi vì, đám cưới được tổ chức vào ngày 8 tháng 1 năm 1970 tại Sài Gòn, nhưng Khiêm



lại đang nằm tại bệnh viện ở Đà Nẵng. Thành ra, đám cưới này chỉ có Nàng dâu, mà không có Chú rể tham dự. Một hậu quả khác nữa là vết thương ấy đã liên tục kéo dài sự đau đớn cho đến tận ngày Khiêm nhắm mắt. Cách nay chừng 5 hay 6 năm gì đó, Khiêm đã phải chịu giải phẫu để xếp lại ông xương. Tuy nhiên, cũng chỉ hồi phục khoảng 80% và Khiêm vẫn chưa đi được bình thường.

Hồi Tháng Tư đen, tôi vào tù, suốt trong 10 năm chịu đựng đủ kiểu nhục hình từ những lũ người, mà trên gương của họ lúc nào cũng lộ ra một vẻ hung hãn kỳ cục, dường như không thể vắt được một giọt tình cảm nào. Còn Khiêm và gia đình thì đến được Hoa kỳ, cùng với giòng người Nam Việt Nam đầu tiên bỏ xứ, đã định cư tại tiểu bang Ohio do một người bạn Mỹ sponsor. Bấy giờ, Khiêm chỉ mới có một nàng Công chúa xinh xắn, vừa tròn 3 tuổi đời. Ngày 1 tháng 8 năm 1967. Khiêm được hãng Nestle nhận vào làm việc, dĩ nhiên chỉ là assembler, đó là “công danh” đầu tiên trên xứ Mỹ. Bằng khả năng và tinh thần trách nhiệm, dần theo thời gian Khiêm đã trở thành một người cần thiết của hãng. Khiêm đã đứng vững cho đến tận về hưu, nghĩa là Khiêm chỉ làm cho một hãng duy nhất. Những ngày chủ nhật, nếu muốn đi làm, thì hãng xem đó như là bonus (trả lương gấp 3 lần). Khiêm kể cho tôi nghe một vài chuyện phức tạp lúc ban đầu, khi phải trực diện với những thái độ gàn như kỳ thị của những người gốc Phi châu. Bị xúc phạm, Khiêm đã phản ứng, bất chấp hậu quả, liền xử dụng món “giang hồ” để cảnh

cáo và dẫn mặt. Với chút đỉnh võ Đại Hàn được học hồi còn là SVSQ, cộng với sức mạnh xuất phát từ tinh thần tự ái Dân tộc. Khiêm đã dạy lũ này bài học làm người tử tế, hãy sống hòa hợp để cùng nhau lo chuyện áo cơm, lo tương lai cho đàn con... Kể từ khi đó, chẳng ai đụng chạm đến Khiêm nữa. Đến năm 2003, được khám phá bị ung thư phổi, Khiêm liền báo hung tin này cho tôi. Một thoáng bàng hoàng và tự hỏi sao cái tốt cùng bất hạnh ấy lại đến với người bạn của tôi, một người chẳng hề biết thương dù một điều thuốc để làm dáng và càng không phải là người nghiện rượu! Khiêm phải chịu đến 4 lần xạ trị với thêm vài lần chữa trị bằng phương pháp radiation. Đặc biệt vào năm 2006, tức là lần họp Khóa 21 tại Nam Cali, trong lúc đang thời kỳ xạ trị, Khiêm đã xin Bác sĩ cho hoãn một tuần, để đưa vợ con về tham dự với bè bạn từ khắp nơi đổ về. Khiêm nghỉ hưu vào năm 2007, cũng kể từ đó, Khiêm liên miên sống trong sự hành hạ do chứng bệnh nan y. Bệnh tình càng lúc càng trầm trọng, sự dày vò thân xác càng khủng khiếp hơn! Ung thư phá nát phổi của Khiêm, rồi lan truyền lên đầu và lở loét toàn thân.

Khi đã về hưu, chúng tôi thường xuyên điện thoại cho nhau. Như một thông lệ, ngày 3 lần nói chuyện, sáng lúc 6:15, là giờ tôi đi làm, trưa 13:00 là giờ cơm trưa và chiều lúc 17:00, trên đường lái xe về nhà. Cứ thế kéo dài đến tận những ngày gần cuối cuộc đời của Khiêm. Đôi lần, Khiêm gọi mà chỉ nói được một câu ngắn gọn: tao đang còn sống nghe Hùng! rồi cúp. Tôi hiểu được những lúc như thế, bạn của tôi đang rất mệt, nhưng cố gắng để giữ liên lạc với tôi vì biết tôi nóng lòng theo dõi về bệnh tình. Trong khoảng thời gian kéo dài chừng 15 ngày trước khi già từ, Khiêm không gọi cho tôi nữa, hơn ai hết, tôi hiểu cái gì đang đón chờ người bạn của tôi, dù tôi cảm thấy rùng mình và không hề muốn nghĩ đến. Còn trước đó chừng một tháng, nghĩa là lúc mà hơi thở của Khiêm giống như chỉ mảnh treo chuông. Thế mà Khiêm đã gửi qua \$60.00 đóng niên liễm cho Khóa năm 2010, mà Khiêm chỉ hiện hữu trong năm này vốn vẹn chỉ có 15 ngày! Tôi bảo Khiêm đừng nên quá quan tâm khi mà sức khoẻ đang thật suy giảm. Thế nhưng, Khiêm hoàn toàn bác

bỏ ý kiến của tôi và nói rằng: Hãy để cho tao làm tròn bổn phận trước khi tử thần đến đón!

Khiêm thân, tao tin rằng mày hiện đang bay bổng đầu đó, một nơi thật cao và thật bình yên, dù thân xác của mày đã biến thành tro bụi và sẽ được đưa về Quê Hương của chúng ta, đúng như nguyện vọng của mày! Mày đã vĩnh biệt Gia đình, bè bạn và cuộc sống tạm bợ nơi trần thế. Ở tuổi ấy, xem như mày đã hưởng được chữ Thọ, mà có người còn đi dòm cho là đã có “bonus” từ Thượng đế. Chỉ đau khổ cho những người còn sống, nhất là Chị Khiêm, ba đứa con và ba đứa cháu nội ngoại của mày và bạn bè! Vợ mày hiểu rõ tâm tư của mày, nên đã nhờ tao gửi Huy hiệu Võ Bì qua để Chị ấy gắn vào bình đựng Tro Cốt của mày.

Tao đã làm xong và những thứ Chị yêu cầu, cũng đã đến đúng lúc, nghĩa là vào ngày Tang lễ. Chỉ vì nợ cơm áo gạo tiền còn là gánh nặng, khiến tao chẳng thực hiện được một chuyến đến thăm mày, nhất là vào những ngày cuối cùng. Mày rất mong tao qua Ohio để vợ chồng mày đưa bọn tao đi thăm Niagara Fall, mà mày cho rằng rất là hùng vĩ.

Tao ân hận lắm và xin được nói lời xin lỗi mày. Hãy yên nghỉ nghe Khiêm! Nguyện cầu Hương Linh của mày Siêu Thăng Tịnh Độ.

Đồng Duy Hùng C.21.



Khóc BẠN:

-ra đi năm 2009

Vĩnh biệt ngàn thu bốn đứa bây!
Bản tin chính xác chẳng gì sai:
“Khiêm, Hoàng, Khương, Trí vừa bỏ khóa,
Bỏ cả gia đình, bỏ trời mây...”

Một lần mất nước tỷ lần đau!
Đau vậy chưa vừa? Còn mất nhau!
Ai không chua xót sầu ly biệt?!
Cả khóa rung rung, sông núi sầu!

Nhớ thuở chia tay ngày xuống núi
Khóa này đâu phải khóa tầm thường
Bốn vùng chiến thuật hiên ngang lắm
Cả bốn thằng bây cũng can cường

Bao phen khiến giặc phải kinh hồn
Khóa mình không thẹn với non sông
Phương chi chừ viết lời gió nổi
Cuồn cuộn ý xưa của Tiên Rồng.

Bỗng đâu đời ngập tràn tang tóc
Đất nước làm than cuộc bể dâu
Dân tộc oan khiên nhiều tử nhục
Từ thuở đời đời tựa chiêm bao

Cứu nước chưa xong đành bỏ cuộc
Trần gian người trước, kẻ theo sau
Thôi! bên đó các anh yên nghỉ!
Cho kẻ còn đây bết nghẹn ngào...

Hoài Quốc - 2009

-ra đi năm 2010!

VĂN nằm chờ, ai ngờ VŨ đi trước
Mây đi rồi, ai tiếp bước theo sau?
Bồng lai tiên cảnh, địa ngục chốn nào
Đố ai thoát, sẽ một lần đến đó
Ra đi rồi có cần đọc kinh gõ mõ?
Để hương linh về nơi cõi hư vô?
Sống bao năm, xây sự nghiệp cơ đồ
Thấy đã đủ hay là còn luyến tiếc?
Đi lần này là vẫy tay vĩnh biệt
Đi lần này là biển biệt ngàn năm
Chúc mày về chốn xa xăm
Tiêu diêu nước nhược non bồng thành thoi...

Lính Cà - 06/2010



VUI BUỒI VỚI

K21VB/TQLC



“Tôi không viết mà chỉ kể lại cho con tôi nghe về chú Thân chú Duật và các chú K21/TQLC đã sống và chiến đấu như thế nào để các con tôi biết rõ hơn về bố chúng. Vì đàn em khí phách thì không có thằng anh hèn. Một điều nữa, nếu bây giờ các chú có lười thì các “thím” ấy dễ thông cảm hơn”.

Tô Văn Cấp K19/VB/TQLC.

Nhân dịp đại hội K20 kỷ niệm 46 năm hội ngộ được tổ chức tại Nam CA, tôi được mấy anh em K20/TQLC ngỏ ý mời, trong đó có Lê Văn Thời, một đồng đội ĐĐ.5/TQLC từ 1966 đến nay chưa gặp lại nên tôi nhận lời của Thời. Thật cảm động nhớ lại Thời “thời” 43 năm trước kéo theo hình ảnh những K20/TQLC khác nên tôi kể lại những kỷ niệm

buồn vui với họ bằng mấy chữ vắn tắt như: K16: Sợ; K17: Thương; K18: Nhớ; K19: Chán; K20: Nê.

Tôi chưa dám phổ biến bài viết mà mới chỉ gửi cho một vài “nạn nhân” K20 bị tôi tặng hít đất, nhưng câu chuyện đã chạy lên diễn đàn Võ Bị khiến tôi phải vội nhờ Doanh-Doanh bà-bà lấy xuống để tránh có sự hiểu lầm khi tôi viết quá vắn tắt: **K20: NÊ.**

K20: Nê. Có nghĩa là cá nhân Tô Văn Cấp tôi nê K20/TQLC nói riêng và nê K20 nói chung chứ tôi không mượn danh khóa hay không “gưỡn” để lôi kéo ai vào “Nê K20” chung với tôi cả, và sau đó tôi nhờ Đa Hiệu số 88 phổ biến dùm để những vị chưa đọc hoặc ai đọc chưa rõ thì đừng hiểu lầm ý tôi, vì hôm nay tôi lại viết kỷ niệm vui buồn với K21. **K21: NÊ.**

Có người thấy tôi cứ viết “lãng nhãng” những câu chuyện “Vui-Buồn” với các cấp chỉ huy và đồng đội, anh em xưa bèn nửa đùa nửa thật nói:

- “Hồi này ông chịu khó nâng bi dữ ta”!.

Vâng, đúng thế, ngày xưa tôi bóp thì nay nâng, có hơi khác với ai đó “xưa nâng nay bóp”, lúc dậu đồ, ngã ngựa thì bóp thả cửa, không sợ bị đá. Nhưng bảo tôi nâng bi mấy ông K20&21/TQLC này thì... không biết nay họ có còn “chút gì để nhớ để để yêu” chẳng? Những bút **BIC** ngày xưa ấy chắc nay mực đã cạn mà bi cũng mòn, cố gắng nâng bút bi của họ mà viết thì chỉ tổ rách giấy! Mà giấy rách thì cố giữ lấy cái “nê” nên tôi chỉ kể chuyện vui buồn với K21/TQLC mà không hề có ý nâng bi.

Tôi chỉ kể lại những gì họ sẵn có, những việc họ đã làm, đã tạo thêm danh cho binh chủng, tôi viết thật về họ để cho con cháu tôi đọc rồi chúng sẽ nhìn bố già thuở xưa có những người anh người em, đồng đội đáng kính như thế. Họ còn sống và sáng suốt đây, bóc bậy thì họ biết, họ khinh ngòi viết của tôi, “một sự bất tín, vạn sự chẳng tin”. Tôi không biết viết vắn để “hư cấu”, chỉ kể truyện xưa mà bị kê cái tủ đứng made in “Nói Phét” vào mồm thì buồn biết mấy!

Bắt đầu nhé:

PHẠM HỮU THỊNH & NGUYỄN VĂN NHƯỢNG:

Cuối năm 1966, Binh Chủng TQLC đón nhận 20 tân thiếu úy K21 trường VBQGVN để điền vào chỗ trống vì các trung đội trưởng rủ nhau thuyên chuyển về Quân Khu 5 nhiều quá! Quả thật đang thiếu các thiếu úy trgđt thì đón các “ông” về, như “có tin vui giữa giờ tuyệt vọng”, còn các “ông 21” thì cứ cười hy vọng tương lai tươi sáng với màu áo sớng biển cái mũ beret xanh. Hy vọng chưa kịp vươn lên thì Phạm Hữu Thịnh ĐĐ.2 bị thăng cấp quan sáu... tám, còn lại một Nguyễn Văn Nhượng hiền lành chất phát luôn chu toàn nhiệm vụ để hy vọng.

Nhượng về Đại Đội 3 của Đ/u Trần Văn Thương, còn tôi là ĐĐ.1 nên ít có dịp tiếp xúc, mãi cho tới tháng 5/1969, Thương về Viễn Thám thì Th/Tá Tiểu Đoàn Trưởng Nguyễn Xuân Phúc bắt tôi sang coi ĐĐ.3, nhường ĐĐ.1 lại cho Lâm Tài Thạnh. Tôi hỏi anh Phúc:

- Sao anh không đưa cho Nhượng coi đại đội 3? Hãn Tr/úy thâm niên đến thâm-xì rồi!

- Chú mày lên làm tư lệnh đi.

Tuy anh Phúc chỉ ngắn gọn có 7 chữ thôi nhưng tôi hiểu ý ông, vì tôi đã từng là trung đội trưởng, đại đội trưởng của Ông, từng bị Ông nhìn với nửa con mắt rồi sau đó Ông đưa tay dắt tôi lên. Trong lòng thì khác nhưng ngoài chôn công đường thì đừng có rờn mặt với Robert Lửa, “thương em anh để trong lòng, việc quan anh cứ phép công anh làm”. Ông niên trưởng tiểu đoàn trưởng nói như thế thì dù tôi dạ đến đâu tôi cũng phải hiểu còn nhiều tảng đá lớn như tảng đá ở Định Quán chắn lối Nhượng tiến lên! Dù được tiểu đoàn trưởng đề nghị làm đại đội trưởng, mới chỉ là ĐĐT thôi nhá, nhưng hồ sơ của các ông chuẩn ĐĐT vẫn phải chờ quyết định tối... cao của TMT và Tư lệnh sau khi xem giò xem cẳng!!!! (5 chấm than).

Năm chấm than một lúc để dành cho tôi và cho Nhượng, anh em chưa ở với nhau được bao lâu thì chuyển hành quân đầu tiên của tôi với ĐĐ.3 là tôi bị loại khỏi vòng chiến tại Chương Thiện ngày 19/6/69. Không tin dị đoan nhưng cái Đại Đội 3/ĐĐ.2 này khá vất vả, đi đâu đụng đó, đi trước

đụng trước đi hậu đụng sau! Vì thế sau khi tôi bị thương, TĐ.2 cho thành lập đại đội mới với tên là ĐĐ.5, còn ĐĐ.3 chuyển qua TĐ.7/TQLC khi ấy đang thành lập, Nhượng sang TĐ7 và sau đó một thời gian thì Nhượng hy sinh tại chiến trường Cầm-Bú-Chia.

Vạn sự khởi đầu... gian nan, K21 về Trâu Điền 2 mạng, mới chỉ sàng qua sàng lại, chưa bắt được cái chức ĐĐT thì cả hai đã đền nợ nước! Nếu tính chung cho cả K21/TQLC thì đã có tới 50% quân số trả nợ nước hết cả vốn lẫn lời nên cuộc đời binh nghiệp của K21/TQLC chắc không khá, lại đi theo vết xe bò, bò mà lên của đàn anh khóa lẻ như 17 & 19/TQLC chẳng?

Trường mẹ đã trang bị cho tất cả các con một căn bản quân sự đồng đều, một tinh thần “Danh Dự và Trách Nhiệm”, còn khi ra ngoài chiến trường, hơn thua huy chương, lon lá thì tùy thuộc phần lớn vào không gian và thời gian. K21 ra trường vào lúc TQLC mới có 6 tiểu đoàn, một không gian nhỏ bé nhưng lại đúng thời điểm những trận đánh to nên lên lon chậm và chết nhanh là điều không khó. Thật là thiệt thòi nếu so với các đồng môn ở các đơn vị khác.

“Vi anh là lính áo rằn, ra đi nào biết mấy trắng mới về”
(Cố Trâu điền trưởng LHM).

Ngoài những K21 áo rằn đã mãi mãi không về thì 50% còn lại đã lên tới đâu? Vốn vẹn cho tới ngày cuối cùng 30/4/75 mới chỉ có ba “ông” được móc cái lon quan tư đó là Trần Quang Duật, Doãn Thiện Niệm và Lê Huy Lâm và dĩ nhiên vẫn ba ông này cộng với Trương Phi Bùi Bồn mới là bốn ông tiểu đoàn phó!

Nói ra những điều thiệt thòi này của K21/TQLC chẳng phải tôi “vạch... áo cho người xem lưng”, vì chính tôi là người “cố đấm ăn xôi” xin ở lại với TQLC cũng phải phục sự hy sinh và chịu đựng của các “ông 21”, không vì lon lá mà xa rời đồng đội, áo rằn ri có rách vì đạn thì vẫn giữ lấy lễ, thua (thiệt) thì thua vẫn cố giữ lấy... cái nón xanh. Đó là điều mà tôi Nê K21/TQLC chứ tôi không lạm bàn chuyện đánh đấm của K21 trên chiến trường Cầm-Bú-Chia, Hạ Lào Lam Sơn 719, Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, địa đầu giới tuyến tái chiếm

Cổ Thành v.v... Nếu các đàn anh K20/TQLC hành quân một năm 12 tháng từ Bến Hải đến Cà Mau thì K21/TQLC chỉ đi có 12 tháng trong một năm từ Cà Mau ra Bến Hải.

Nghe đánh đấm mãi cũng chán, “nổ” mãi cũng ù tai nhưc đầu, dân bóp cò mình biết rõ nhau quá rồi, vậy thì nay xin ôn lại chuyện “vui buồn” với các “ông”, ông nào vui thì cứ cười, ông nào buồn thì cứ gãi, gãi chỗ nào thì tùy, phần tôi cứ nói thật, nội quy SVSQ đã cấm ăn gian nói dối. Vậy thì K21/TQLC nghe K19/TQLC hỏi tội. Hai ông Nguyễn Kim Thân và Trần Quang Duật TĐ.2 Trâu Điền trình diện trước.

NGUYỄN KIM THÂN:

Gốc TĐ.1 sau khi bị thương thì được về tiểu đoàn Yểm Trợ Thủy Bộ tại Thị Nghè mà tiểu đoàn trưởng là quan tư Nguyễn Xuân Phúc. Hằng ngày Thân lè-phè với vespa Spring đi làm việc, lại thêm cái tội độc thân, vui tính, đẹp zai và “nói zai” nên người đẹp theo dài dài. Nhưng địa bàn “phè phỡn” đó đâu phải của những người như Nguyễn Xuân Phúc, Nguyễn Kim Thân nên khi Tr/Tá Ngô Văn Định TĐT/TĐ.2 bị thương vào tháng 4/1969 thì anh Phúc về năm TĐ.2, Kim Thân cũng bỏ lại sau lưng cả xế lẫn ghé mà theo đàn anh ra tác chiến tiếp tục bóp... cò.

Thấy “thằng em” trưởng Ban Ba có vespa đẹp, đàn anh đại đội trưởng đẹp xe jeep xin quá giang vespa cho dễ dè, nào ngờ đó là một sai lầm chết người chôn tình trường, mọi nụ cười duyên dòn về chàng tuổi trẻ đẹp zai Nguyễn Kim Thân còn anh già râu dề tôi chỉ nhận được những cái bủu môi, những cái môi dưới thừa ra thật dài, tôi “buồn” với Kim Thân ở chỗ đó.

Buồn tình nên nhân cuộc hành quân tại Chương Thiện ngày 19/6/69 tôi ôm cô B40 khiến banh càng, gậy vạ lây cho anh cố vấn đi bên cạnh bị mất cánh tay, mấy đệ tử bay đầu! May nhờ Thân tận tình gọi trực thăng tải thương nên tôi sống. Khi vào bệnh viện thăm tôi, Thân trách:

- Ông anh lạng quạng ôm bà 40 làm chi cho rắc rối, khi nghe anh bị thương, Ông Robert nổi cáu la tôi, hỏi tôi gọi

trực thăng rời chửi thề: “C., mưu sự tại nhân, thành sự do thăng VC”.

Thân! Anh hiểu ý ông Robert trao cho anh coi cánh B thay vì Hợp hay Doan, nhưng nợ đời từ bên TĐ.5 chưa trả hết nên mộng không thành và anh đành nợ chú ơn cứu mạng, ngày vừa đặt chân lên đất Mỹ, chú lại viện trợ... nên anh nợ chú chồng chất, vậy mà ngày “cô ấy” mất anh lại... quên mất!

Nhắc đến cô ấy, anh nhớ một kỷ niệm riêng tư giữa anh em mình, nay nói nhỏ riêng cho chú nghe thôi nhé, kéo viết ra, mấy anh “ù lý” đọc được lại ty nạnh với chú.

Cô ấy thật đảm đang, tài sắc vẹn toàn và hiền nữa, vậy mà buổi chiều hôm ấy, trên lầu trại Lê Hằng Minh, Thủ Đức. chú đã không dấu kín được chuyện gì đó khiến Nguyệt giận, vát xuống đất 3 cây viết chì mờ xanh đỏ vàng mà chú đang gài trên cánh tay trái! Ban Ba mà mất viết chì mờ thì lấy gì vẽ bản đồ? Cái ghen của phụ nữ thuở ấy thật dễ thương, bây giờ thì khác đầy nhá, lưỡi lam ngọt như mía lùi, bấm nút trôi ra biển Đông là tiêu đời anh hùng lạng-quạng.

Cám cái cảnh “gà trống nuôi con” mãi, mà anh còn một cô em vợ độc thân xinh như mộng, dẫu cho có nghèo (theo dị đoan) thì anh vẫn toan cùng chú chèo chung một thuyền, thăng mũi thăng lái, nhưng mưu sự do anh thành sự do ông Thiên, duyên các em không thành, vì không ai thay thế được hình ảnh Nguyệt trong tim em! Thành hay không chúng ta vẫn là anh em.

TRẦN QUANG DUẬT:

Ngày Ông này về Trâu Điền làm phó cho Trần Văn Hợp thì tôi đã rời xa chiến trường vậy mà vẫn không thoát, vẫn bị ông ấy chiếu tướng. Có lẽ là một quân nhân đúng tiêu chuẩn nên trông thấy tôi để râu khiến ông ấy ghét, kiếm cách ra lệnh bắt tôi phải cạo.

Mới hơn hai mươi tuổi đầu mà nhi nhô để râu ắt là có nhiều bất lợi, nhưng khổ nổi gương mặt tôi đẹp trai như tấm bia trên thềm bắn, không có râu trông nó đôi lăm, đôi thì dễ gây xúi quẩy. Chuyện đúng sai tùy người đối diện nhưng

riêng tôi đã hai ba lần gặp nạn. Khi đóng quân tại đài phát thanh Phan Đình Phùng, vừa cạo râu xong để đón người yêu, người yêu chưa đến thì lính cướp cò súng! Trưa hè nằm võng bên trong rừng Tân Uyên, không có chuyện gì làm bèn lấy gương soi, lấy dao cạo râu, mới được một bên thì B1 Thông tắm sông bị chết đuối! Kể từ đó nhất định để râu, dầu cho cấp trên hay người đẹp ghét cũng coi như “ne... pas”. Vậy mà!

Vậy mà Trần Quang Duật bảo tôi cạo là cạo ngay, thế mới đau! Số là khi tôi làm trưởng ban hành quân Phòng Ba tại Hương Điền năm 1973, sĩ quan các đơn vị về BTL/HQ học bổ túc tham mưu, trong đó có Trần Quang Duật, một bữa Duật nhìn tôi rồi nói:

- Mặt ông anh có nhiều âm (ám) khí lắm, sẽ có ảnh hưởng không tốt đến cháu Yến ở nhà, anh nói chị cho cháu mặc toàn quần áo lụa màu mỡ gà và nhất là anh phải cạo râu ngay.

Vốn biết anh ruột của Duật là đệ tử chân truyền của cụ Diển, một chiêm tinh gia nổi tiếng, Duật là “đệ tử” của anh H., cứ theo tam đoạn luận thì Duật là đệ tử của cụ Diển nên tôi tin và chấp hành nghiêm chỉnh, cạo râu ngay mà lòng thì lo âu. Sau giờ làm việc, tôi đi thơ thẩn ra chợ Hương Điền nằm sát bờ Phá Tam Giang, lạng quạng làm sao không biết mà đụng đầu vào mái tôn sạp chợ khiến bị té trán! Vài bữa sau gặp lại, Duật hỏi tôi về vết sẹo trên trán, tôi thực tình kể hết đầu đuôi, Duật cười:

_ Xong rồi, vết cắt trên trán của anh đã giải hạn cho cháu.

Mừng quá tôi cảm ơn Duật. Niềm tin tùy từng cá nhân và hoàn cảnh, có những ông ba trợn, coi trời đất không ra chi, nhưng khi ngồi trên thuyền vượt biên gặp sóng, gió, hải tặc, thì cầu khẩn van xin cả Chúa lẫn Phật, cả Mẹ Maria và Quan Thế Âm Bồ Tát, trong trường hợp này tôi tin điều Duật nói. Nhưng đời có thói quen “qua sông đấm b... vào sóng”, tôi lại để râu và lúc đó nghĩ theo chiều hướng khác, tên Duật này ghê thật, dùng mưu bắt mình cạo râu. Đúng sai chưa rõ nhưng có một sự thật là cấp chỉ huy nào “ám-ớ” thì mệ với “thầy tướng” này lắm.

Khi thấy Trần Văn Hợp xin Duật về làm trưởng ban ba TĐ.2, tôi nói với Hợp:

- “Ông nội” này đánh dấm cũng được, nhưng quậy lắm đấy, bài bạc, mày nên lưu ý.

- Dĩ độc trị độc.

Khi TĐ.2 đóng tại bờ biển Mỹ Thủy, Hợp đón tôi lên lai rai sau ngày phát lương, thấy Duật đu đưa trên võng ra chiều túi rỗng thành thoi, tôi hỏi:

- Bác thằng Bần hôm nay không bận gì sao?

Duật tụt xuống võng kéo tay tôi ra chỗ vắng:

- Anh Hợp bắt em soạn một văn thư cấm đánh bài rồi lại còn bắt em ký và phổ biến thay vì việc này là của ban 5, có đội nón sắt em cũng đành để nguyên tháng lương trong túi mà nằm võng đu đưa thoi.

“Tủ lạnh” Trần Văn Hợp là thế, hấn gọi Duật lên trình diện Tư Lệnh, Duật hỏi lý do, Hợp nói không biết. Sau khi trình diện Tư Lệnh về với cặp lon kim tuyến thiếu tá trên vai, lúc đó Duật mới biết Hợp đã đề nghị đặc cách thăng cấp mặt trận cho mình, Duật tâm sự:

- Chỉ phải viết một văn thư cấm đánh bài thoi mà anh Hợp đã thay đổi cuộc đời của em, từ môi trường không thích... hợp, về với anh Hợp là phải bỏ hẳn bài bạc, không dám quậy, chỉ còn biết điều quân, cấp bậc mới có được cũng từ đó...

Tôi hiểu ý Duật muốn nói lời cảm ơn Hợp qua tôi, nhưng tôi thấy không cần thiết lập lại với Hợp, tôi hiểu khả năng và tính nết của người bạn này nên tôi ngắt lời Duật:

- “Tướng giỏi thì không có thuộc cấp tồi”.

Khi ra tù, Duật và tôi sống cùng phường “Ný Tự Chợ” Q1 nên khi buồn thì anh em lại mở “bàn son quân cờ” chiếu nhau chơi. Duật có trường dạy Anh Văn, thấy tôi làm “dân biểu” nên thương tình cho một chân đứng lớp! Vốn liếng không đong đầy lá mít, đứng lớp chùi... bảng thi được chứ giảng bài thì chịu thua.

Ngày vào tù Long Giao rồi chuyển qua Suối Máu, Hợp, tôi, Duật, Doãn Thiện Niệm, Lê Xuân Sơn chung cùng tổ, nằm cùng chiếu, ăn cùng “mâm” nên tôi mới nhận rõ chân

tướng “thể gian hơn áo hơn quần, giả sử lột trần ai cũng như ai”, trong tù coi như bị lột hết mũ áo cân đai, vàng thau không lộn được nữa, lúc đó cái khí phách của K21/TQLC nói riêng và K21 nói chung đã làm tôi NẾ. Duật đã đánh một antena, nhưng vì đánh lộn -lâm người- khiến tôi và Hợp can muốn chết, còn Doãn Thiện Niệm và Lê Xuân Sơn là một cặp bài trùng, bất hợp tác lao động, “lười chảy thây”, thẳng quản giáo mắng thề.

Nhân tiện nhắc đến Lê Xuân Sơn xin có đôi dòng về bạn trẻ này, vì viết về K21/TQLC nên không dám dài dòng cũng như không kể được kỷ niệm với các K21 khác, thí dụ như Lê Quý Trán hoặc Đồng Duy Hùng, người lùn trong tù mượn có đá banh “đá banh” ông quyền của cai tù và Đồng cũng đòi “thăm sức khỏe” của một ông anh mắt nét khác khiến tôi phải “I can you”.

Lê Xuân Sơn chung tổ chung chiếu với tôi từ ngày đầu ra Yên Bái rồi về trại 8 Hoàng Liên Sơn nhiều năm sau đó, hột muối cắn đôi và hột đường thì... cũng cắn đôi luôn, Sơn dạy tôi chữ nho thì tôi may vá cho Sơn, lên rừng tôi chặt cây Sơn chặt dây để bó, thằng Thu-Đạm vớt chiếu của Sơn để tranh chỗ nằm thì tôi tóm cổ thằng Thu vớt nó ra sân. Rồi Sơn đi nằm bệnh xá, chúng tôi xa nhau từ đấy. Nghe tin Sơn ở San Diego và có hứa đến thăm tôi nhưng vẫn bật tin. Tôi chỉ biết Sơn trong tù, dù ai nhìn Sơn thế nào tôi không biết, nhưng với tôi, mãi mãi Lê Xuân Sơn chỉ là thằng em với thể xác yếu đuối. Sơn ơi, cửa nhà anh lúc nào cũng mở.

DOÃN THIỆN NIỆM.

Niệm là một cấp chỉ huy lý tưởng cả về thể chất lẫn khả năng. Khi Niệm về làm đại đội trưởng Thủy Xa, đồn trú trong căn cứ Sóng Thần thì mỗi buổi chiều BCH căn cứ và Thủy Xa đấu bóng chuyền, Niệm cao giò đập bóng xé lưới còn tôi đưa mặt đỡ banh. Đang quyết ăn thua đủ thì QC 202 vào báo cho tôi biết có “Công Công” xuống thăm, ông ấy đang đứng chơi ngoài công, quan sát Thủy Xa, Niệm chân chù chưa biết tính sao thì tôi nực gà quay ra nói:

- Chiều thứ Bảy ông đi chơi, xuống không báo trước, QC báo cho tôi làm chi?

Và tôi với Niệm tiếp tục đập nhau, tuần sau, Chỉ Huy Phó bị triệu về cung trình diện Công Công rồi sang gặp ông Năm Diễn nhận 15 ngày “phép” vì lý do lái xe không có tài xế! Anh em đi sáu tháng hành quân nhận được 4 ngày phép tính cả ngày đi và về thật khó khăn, nay tôi nhận 15 ngày “phép” sao dễ dàng quá, 30 điểm âm trong danh sách thăng thưởng, kiểm đâu ra mấy ngành Dương Liễu để bù vào! Khôi hài!

Sáng 19/3/1975 Doãn Thiện Niệm báo cho tôi biết là Niệm phải ra trình diện hành quân ngoài Hương Điền lập tức. Là một quân nhân kỷ luật, Niệm lên đường ngay, còn tôi, cũng nhận được lệnh như Niệm nhưng tôi báo cho CHT biết là 2 ngày nữa tôi mới ra. Ngày 21/3 vừa bước chân vào TTHQ Non Nước, lại đụng ông và ông nói sẽ đưa tôi ra tòa án Quân Sự! Rất tiếc là ngày 27/3/1975 trong khi cả LĐ.147 bị bắt tại “pháp trường cát Thuận An”, trong đó có những K21 thì Công Công đã đi cu-zờ (cruise) ngoài biển Đông, còn tôi thì mãi tới 7 giờ sáng ngày 29/3/75 mới bơi biển ra tàu cùng đồng đội! Thật khôi hài!

Xin lỗi các bạn, không phải tôi mượn gió bẻ măng, mượn danh Doãn Thiện Niệm để nhắc đến tên ông mà là tôi muốn nói về phong cách làm việc chững chạc và kỷ luật của Doãn Thiện Niệm. Thôi, quên chuyện khôi hài đi để nghe chuyện K21 đánh ăng-ten, sướng hơn.

Trong tất cả các trại tù VC nhốt quân cán chính VNCH thường có 3 thành phần: đa số thâm lặng, thiểu số chó săn và thành phần đi bắt chó. Bùi Bồn là tay sát cẩu nổi tiếng.

BÙI BỒN.

Đồng môn nào muốn biết “sát cẩu” như thế nào thì kiểm Bùi Bồn mà hỏi, tôi không cùng chung trại mà nói thì hóa ra nói mò. Nhưng “ở một nơi dễ tìm thấy thiên đàng” thì “trương phi” Bùi Bồn thường làm dập mặt những tên lão toét. Một anh lang Tây âm ớ phét lác lộn ngôn “tao cởi áo lính thì tao vẫn là BS, còn mi, khi cởi áo lính thì...”. Quan

đốc này chưa nói hết câu thì lỗ mũi ăn trầu cái đầu quần băng, cho chừa cái thói hàm hồ.

Đám đá thì thế nhưng còn chuyện “đánh đám” thì sao? Hẳn các bạn đã đọc bài viết của một đàn em nói về tinh thần trách nhiệm và gương chiến đấu của niên trưởng Bùi Bồn, TĐP/TĐ.1/TQLC trong những giờ phút mạng sống “chỉ mảnh treo chuông”, giờ thứ 25 trên đường đoạn chiến từ Biên Hòa về căn cứ ST và ngay cả sau khi Tổng Tư Lệnh DVM bắt anh em ta buông súng thì TĐP Bùi Bồn vẫn kiên gan đứng trước mặt địch quân trong doanh trại Phạm Khắc Dật, Tiểu Đoàn 1/TQLC tại Rừng Cẩm để lo cho thuộc cấp ra về an toàn.

Vài hàng như trên đã quá đủ để biết thế nào là Bùi Bồn/TQLC và Bùi Bồn trong trại tù CS, tôi không thể viết gì thêm được nữa mà xin nói về “ông” trốn-làm, trốn trại Mai Văn Tấn.

MAI VĂN TẤN.

Không phải ông thầy Mai Văn Tấn, huấn luyện viên của trường VBQGVN mà là Tấn K21VB/TQLC. Cũng như các đồng môn khác với chỉ số chuyên nghiệp là bốp... cò. Sau hơn 2 năm lợi từ Bến Hải xuống đến Cà Mau, khi bị trọng thương thì về làm trưởng ban ba lữ đoàn. Có Mai Văn Tấn làm trưởng ban ba lữ đoàn thì cấp chỉ huy an tâm, vì MVT vẽ bản đồ xuất sắc. Chuyện đó cũng bình thường thôi, chuyện đáng nhắc là Tấn có một cuộc sống tù tội gian nan khổ ải nhất chỉ vì cái tội “cứng cổ”, dám đứng đầu gió để bãi công, gây nên biến động tại trại Nam Hà.

Mai Văn Tấn không nói, nhưng những bạn cùng trại tù với Tấn khi biết tôi là TQLC nên họ đem kể lại những cử chỉ đẹp này của TQLC Tấn cho tôi nghe, một trong những người đó là Châu Đức Thảo K19. Thảo thì thảo với giọng sông Hương núi Ngự:

- Mai Văn Tấn hả! Hận khiếp lắm, cứng cổ, cại tay đôi vọi cận bộ, lại còn trốn trại nữa...

Với thâm niên gần mười năm khổ sai, tôi nghe thẳng bạn cùng khóa khoe về khí phách của một thẳng em TQLC trong

tù như thế cũng mát lòng, nhưng cũng đau cho cái giá MVT phải trả, biệt danh “Tấn-Lé” là hậu quả của trốn trại. Tôi không đủ bản lĩnh như Tấn.

Những chuyện đó qua rồi, ngày nay ở hải ngoại, nhất là trong Bình Chung TQLC thì Tấn lại được biết đến nhiều qua các bài viết. Buông tay súng thì vò cây bút, trên Web/TQLC đang có hàng chục bài của Tấn, như “Chuyện Dài Đồi Lính, Biến Động Nam Hà, Nhớ Mãi Một Chuyến Đi” v.v... bài nào cũng đầy tình người, nhiều đọc giả. Tôi không có khả năng khen mà chỉ biết đọc không sót một bài, một bài không sót một dòng, nhất là bài viết “*Câu Chuyện Hy Hữu*”.

NGUYỄN QUANG ĐAN.

Nếu phải chọn một trong những người đẹp zai, học giỏi của K21/TQLC thì Nguyễn Quang Đan được cao phiếu hơn cả, bỏ qua chuyện đánh giặc đi, anh nào thì cũng kẻ tám lạng người nửa cân, chuyện đáng nói của Đan là việc “gần mặt trời mà chẳng cây danh mặt trời”, lúc nào và ở đâu thì NQĐ vẫn biết tôn ti trật tự, lầy lẽ làm đầu, tiên học lễ, hậu học võ. Dẫu cho tương lai Đan có làm đến tổng bộ trưởng vương tướng gì đi nữa thì anh em vẫn là anh em. Nhưng, coi chừng...

- “Đừng có hù tôi, ông đòi đá tôi thì tôi chụp chân ông rồi đá lại ráng chịu”.

Có đúng thế không chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt Nguyễn Quang Đan?

K21 học “bốc” và Karate’ hơi kỹ nhưng tại sao lại có một chàng hiền lành thế, miệng lúc nào cũng cười tươi, hết lòng giúp đỡ mọi người, đó là Nguyễn Trung Việt.

NGUYỄN TRUNG VIỆT.

Trong thời gian TQLC Trần Xuân Bằng làm đại diện khóa 19, mọi vấn đề có liên quan tới hình ảnh in ấn bản tin đều có dấu tay của ông thầy com-biu-tơ Nguyễn Trung Việt, dù cho Việt bận rộn trăm công nghìn việc. Thấy người dễ tính là tôi “lợi dụng” ngay, bất cứ gặp nhau ở đâu, câu đầu tiên tôi nói với Việt:

- Bữa nào anh đến nhờ Việt chỉ cho anh cách xử dụng

ordinateur nhà.

- Sẵn sàng, bất cứ lúc nào cũng được, nhưng nhớ phân trước để em sắp xếp...

“Sắp xếp” có nghĩa là Việt sẽ ken-sò những việc khác để giúp tôi. Giữa tôi và Việt tuy cùng TQLC nhưng chưa cùng đơn vị, chưa có ân oán giang hồ mà sao nở đối xử đẹp với nhau như thế. Tuy không đẹp trai nhưng cũng không thể chai mặt làm mất thì giờ vàng bạc của Việt, tôi chỉ hỏi mà chưa dám đến khiến chú em chán quá bèn email có ý trách móc tôi rằng:

- Anh viết cho em một bài: “Anh cứ hẹn mà anh không thềm đến nhé”.

Ừ thì viết, không viết theo ngôn ngữ của một chú “nghe con” mách-bu với ông SG rằng là anh là tên vô... chỉ viết những chuyện lãng nhãng! Chuyện của K20, K21, K22VB/TQLC v.v... nhất định không lãng nhãng mà là những điều họ đã có, đang có, vậy thì anh viết đây:

- Gia đình con trai Nguyễn Trung Việt bị kẹt tại Phi nhiều năm, nay được định cư tại Canada, cảm thông hoàn cảnh khó khăn của Việt, các bạn đồng khóa của bố đã giúp đỡ cháu một khoản tiền kha khá, Nguyễn Trung Việt nhận ngay với lời cảm ơn các bạn như sau:

- Tôi sẽ dành 1/2 số tiền này gửi về các gia đình K21 còn khó khăn hơn ở VN, còn 1/2 sẽ dùng vào đại hội khóa 2010.

Giữa cái xã hội “thằng & ông”, trông đâu cũng thấy bạc cắc, tình nghĩa như trên chắc không nhiều lắm đâu.

CHÚC K21 CÓ MỘT ĐẠI HỘI 2010 THẬT VUI VÀ ẤM LÒNG NHƯ ĐÃ TỪNG VUI VÀ ẤM TRONG QUÁ KHỨ VỚI NHAU./.

Tô Văn Cấp K19/VB/TQLC.

Thơ **ÔNG QUẬN HẢI**

BÀI THƠ KINH CẦU

*Vô lượng thọ cho giống hữu tình,
Trang nghiêm, đấng giác, cõi thanh bình.
Thăm rìng Bảo Thụ, trời Không Tịch,
Chọn đất bờ kia biển Từ Sinh.
Ơn Phật, nhuyển quyên tìm đất Phật,
Ơn kinh, tâm ý nguyện lời kinh.
Quang Minh Bảo Sát, đời vô tận,
Cực Lạc, con cầu Phật chứng minh.*

-0-0-0-0-0-

ĐÁO BỈ NGẠN

*Quên đời, dứt bỏ mọi ưu phiền,
Kinh dịch dẫm pho tạ Phật tiền.
Mở lối Xuân qua, gom nắng thấp,
Mượn đường gió thổi, đón trăng lên.
Vui trong rỗng lặng câu kinh niệm,
Hẹn giữa thình không tiếng gió nguyên.
Theo nắng Xuân về may áo mới
Qua đò Tịnh Độ đảo Bờ Bên.*

(NVH, ĐĐE/K21/VBĐL)

TẾT XA NHÀ



Mười tám năm rời xa cố hương
Lòng luôn nghĩ đến thấy mà thương
Ao vườn, ruộng lúa bên bờ trúc
Bên luống muôn hoa khóm hải đường
Nơi đây viễn xứ xuân buồn lắm
Tuyết trắng phủ đầy ngập nhớ thương
Ai về nhắn với dân tộc Việt
Lòng này luôn mãi với quê hương

Polar Bear

LC họa bài thơ TẾT của PB

Xuân tới đêm buồn thấp nén hương
Trông về cố quốc thấy mà thương
Người giàu tham những ngồi đếm bạc
Kẻ khó ăn xin đứng chật đường
Quá khứ ngày xưa ôi nhớ lắm
Hiện tại bây giờ thật quá thương
Cầu mong Quốc tổ phù dân Việt
Khử loài quỷ đỏ cứu Quê Hương

Lính Cà

KHOA 21

VÀ

SƯ ĐOÀN 21BB



*Sư đoàn 21 bộ binh chiến công vang lừng
Những cuộc hành quân Dân Chí quét tan tàn hung
Một lòng vì nước khó khăn ta vẫn coi thường
Thành tích Sư đoàn mỗi ngày một thêm sáng trưng
Đại Ngãi giặc tan thân, Khai Quang giặc chém vè
Bạc Liêu giặc nhiều phen khủng khiếp
Đất Kiên Long là mồ chôn Cộng quân*

Dù bao nhiêu năm qua, bản Hùng ca Sư Đoàn 21 BB hành khúc trên vẫn còn vang vọng.

Hình ảnh đơn vị, chiến hữu, chiến trường khói lửa vẫn sống mãnh liệt khiến tôi phải ghi ra đây vài kỷ niệm của khóa 21/TVBQGVN với Sư Đoàn Sét Miền Tây này, để nhớ thời trai trẻ đã SỐNG và CHIẾN ĐẤU dưới QUÂN KỶ SĐ21BB, một Sư đoàn nổi tiếng nhất Vùng 4 Quân Khu 4 VNCH.

Quân đoàn 4 QK4 gồm phần lãnh thổ cực Nam nước Việt, có 3 Sư Đoàn 7, 9 và 21BB.

Sư Đoàn 21 có 3 Trung Đoàn 31, 32, 33 chịu trách nhiệm phần đất từ Cần Thơ tới Cà Mau. Ngày 26 tháng 11 năm 1966 sau 2 năm thụ huấn, khoá 21 trường VBQG/Đà Lạt tốt nghiệp Thiếu úy ra trường phục vụ khắp các Quân binh chủng VNCH trừ Hải quân.

Sau 1 tháng nghỉ phép, các tân Thiếu úy lần lượt về trình diện Phòng 1/SĐ21BB tại Bạc Liêu gặp niên trưởng K17 Phùng Quang. Lúc đó ai trình diện trước thì về TrĐ. 33 được coi là may mắn vì Hậu cứ ở Sóc Trăng, kế tiếp TrĐ. 32 ở Cà Mau và cuối cùng TrĐ. 31 hiểm địa Chương Thiện!

Có sự trùng hợp là khóa 21 về Sư Đoàn 21 có 21 người, năm tháng trôi qua khiến không nhớ rõ danh sách này xin kể về TrĐ.33 có Nguyễn Công Bình (A), Trần Văn Khiết (D) Đặng Quang Phước (F), Nguyễn Quang Thuật (F), Nguyễn Văn Nho (G), Phạm Văn Cảnh(C), Nguyễn Hồng Thành (A), Trần Thanh Phúc, Thông Minh Phước (?), Văn Tích Sơn... Trung đoàn 32 và 31 có Trần Duy Biên, Dương Phước Tài, Huỳnh Minh Hoàng, Nguyễn Minh Hiền, Lý Văn Lực, Nguyễn Rô Be... Trương Đăng Sĩ về Trung Đoàn 33 năm 1974...

Cho tới ngày 30/4/75 danh sách này hiện diện tại SĐ21 thấy chỉ còn 4 người là Trần Duy Biên tại BCH/TrĐ. 32, Th/t Trương Đăng Sĩ Tiểu Đoàn Trưởng 1/33, Th/t Trần Văn Khiết Trung đoàn Phó 33 và Th/t Nguyễn Hồng Thành Trung Đoàn Phó 32...

Và trong hơn 7 năm ở SĐ tác chiến, K21 có 2 tử sĩ Huỳnh Minh Hoàng bị pháo kích tử thương tại Bạc Liêu 1967 và Nguyễn Văn Nho Tiểu đoàn Phó 3/33 cho Nguyễn Công Bình tử trận trong chiến dịch U Minh năm 1971. Ngoài ra Trịnh Hùng cưa tay bị loại khỏi vòng chiến đấu...

Khóa 21 khi về Trung đoàn 33 thì đã có niên trưởng K19, K20 nắm giữ chức TĐP, ĐĐT như N.T. Du, Phạm Kim Khôi K19, Nguyễn Bá Kỳ, Thái Lê Trương, Lê Nguyễn Thiện Truyền, Huỳnh Túy Viên K20... và sau vài năm, đa số các niên trưởng rút đi nơi khác và K21 tiến lên nhanh chóng. Trước tiên là Nguyễn Hồng Thành từ ĐĐ Trinh sát Trung đoàn 33 về TĐ4/33 làm ĐĐT, TĐP, lên Đại úy tại mặt trận và ngay sau đó làm TĐT 2/33 thay cho Huỳnh Túy Viên K20 vào tháng 10 năm 1970.

Nguyễn Công Bình cũng từ Trinh sát 33 về TĐ1/33 rồi TĐP 3/33. Trong chiến dịch U Minh 1971 thiếu tá Nguyễn Văn Sĩ TĐT 3/33 rút trực thăng tử thương, Bình thay thế làm Tiểu Đoàn Trưởng và Nguyễn Văn Nho (G) làm TĐ Phó cho Bình và tử trận sau đó ít lâu...

Trong khi đó, ở 2 trung đoàn còn lại 31 và 32 của SĐ21, K21 cũng lần lượt tiến lên giữ chức vụ: Tiểu Đoàn Trưởng có Nguyễn rô Be, Nguyễn minh Hiền trong các năm 1971, 72... Riêng Trần Văn Khiết, là SQ/B3 của TrĐ. 33, sau khi được đi học khóa Leadership ở Mỹ, Khiết ra Tiểu đoàn làm TĐP và ở mặt trận An Lộc, Khiết nắm TĐ sau đó lên Thiếu tá bắt kịp với các bạn cũng khóa lên trước...

Trong suốt thời gian từ ngày ra trường về Sư đoàn đến ngày 30/4/75, K21 với SĐ21 đã tham dự hầu hết các cuộc hành quân Dân Chí trong vùng trách nhiệm từ Cần Thơ đến Cà Mau, lùng và diệt địch khắp các mặt khu trong vùng sinh lầy, tịch thu nhiều vũ khí tài liệu và tù binh, vang danh là SĐ Sét Miền Tây khiến các Tiểu đoàn địa phương VC như Tây Đô, U Minh và sau này là chủ lực Bắc Việt xâm nhập khiếp vía. Khóa 21 nổi lên với các Tiểu đoàn trưởng trẻ tuổi được binh sĩ và thượng cấp nể trọng thương mến. Trung đoàn 31 với Nguyễn rô Be, Trung đoàn 32 với Nguyễn Minh Hiền, Trung đoàn 33 với Nguyễn Công Bình, Trần văn Khiết, Nguyễn Hồng Thành... Năm 1972 Thiếu tá Nguyễn Minh Hiền chuyển qua binh chủng Thiết giáp sau đó về trường Võ Bị Đà Lạt làm trưởng khoa Chiến thuật...

Ngoài các cuộc Hành quân Dân Chí kể trên, Khoá 21 còn tham dự giải toả thành thị trong Tết Mậu Thân và các chiến dịch lớn khác như Chiến dịch U Minh Bùng Sáng 1970, Bình Long An Lộc 1972 và những ngày cuối cùng đến 30/4/75 .

1- CHIẾN DỊCH U MINH:

Cuối mùa mưa năm 1970, SĐ21 mở chiến dịch U MINH BÙNG SÁNG cả 3 Trung đoàn thành 3 Chiến Đoàn rầm rộ

nhảy vào U Minh Thượng là vùng rừng tràm giáp giới 2 tỉnh Rạch Giá và Cà Mau.

a) Chiến đoàn 33 thành lập căn cứ Rạng Đông tại Kinh 9, trên bờ kinh Cán Gáo, sau này là Quận Hiếu Lễ.

b) Chiến đoàn 31 thành lập căn cứ Toàn Thắng ở Tân Bằng bên dòng sông Trèm Trèm

c) Chiến đoàn 32 thành lập căn cứ Hòa Bình bên rạch Cây Khô gần bờ biển RG...



Cả 3 căn cứ Hỏa Lực hình thành tam giác hỗ trợ yểm trợ bằng Pháo 105 và 155 ly. Đây là cuộc Hành quân lớn có Hải Lực Không Quân, tàu chiến Mỹ yểm trợ lại có Lực lượng Tổng trừ bị tăng cường nhằm ngăn chặn quân CS Bắc Việt xâm nhập theo Vùng biển Rạch Giá và nhằm chiếm lại U Minh là BCH của QK9 VC.

Năm đó, U Minh là nơi hội ngộ của các khóa VB, nhất là K21 bấy giờ có nhiều vị TĐoàn trưởng, Không quân với các phi đoàn trực thăng đổ quân như Nguyễn Văn Đông, Hồ Tấn Đạt, Hỏa Long Lê Linh Lay, Chinook Nguyễn Côn tiếp tế đạn dược v.v... KQ gan dạ, chịu chơi không từ một yêu cầu yểm trợ nào khi biết bạn cùng khóa đang cần hay đang gặp nguy khốn dưới mặt đất. Nhiều đêm đưng giặc chờ sáng, Rồng Lửa Lay như vị cứu tinh bay đến soi sáng vùng trời, vang rền những tràng đại liên ngăn sức tiến quân của quân thù, cho đơn vị bạn cũng là cùng khóa phía dưới củng cố lực lượng, tìm sinh lộ...

Hơn một năm chiến dịch, SĐ 21 đã hoàn toàn chiếm lại U Minh, chính TT Nguyễn văn Thiệu đã hiện diện trong

chuyển khai thông thủy trình từ quận Thới Bình Cà Mau đến Kinh thứ 9 và khánh thành long trọng quận lỵ Hiếu Lễ nơi đây. Sau đó, Nguyễn Công Bình và Nguyễn Hồng Thành được TT Thiệu gán lon Thiếu tá trong lễ mừng chiến thắng Chiến dịch U Minh tổ chức tại Cà Mau vào ngày Quốc Khánh 1 tháng 11/1971.

Chiến dịch này tổn rất nhiều sinh mạng SQ cũng như BS. Trung đoàn 33 mất 2 Tiểu Đoàn Trưởng là Nguyễn Văn Sĩ và Cao Ngọc Sơn, 1 Tiểu Đoàn Phó là Nguyễn Văn Nho G/21. Nho là bạn học trường Phan Thanh Giản Cần Thơ cùng với Huỳnh Trung Trọng, Trần Ngọc Linh, Trương Đăng Sĩ, Nguyễn công Bình, Nguyễn Hồng Thành đều là dân Cần Thơ và cùng đi khóa 21. Nho là Tiểu đoàn Phó cho Bình. Trong chiến trường U Minh, Bình thoát chết vì trực thăng rớt, còn Nho nhảy xuống Kinh 7 Tân Phú cách căn cứ Rạng Đông khoảng 10 km về hướng Đông Nam, Nho đung giặc suốt ngày, đêm canh thức bên bờ kinh, nhưng bất ngờ tờ mờ sáng hôm sau, giặc Cộng tràn lên đột kích, trên máy Không lực hôm đó Thành còn nghe tiếng Nho báo về trong tiếng đạn nổ, sau đó là im lặng, Nho đã tử trận, xác đưa về Cần Thơ và đám tang có Bình về tham dự.

Nhắc đến Bình là nhắc đến người bạn thân thương, suốt những năm dài ở SĐ21, Bình Thành Khiết là 3 người bạn cùng Trung Đoàn cùng sống chết trên chiến trường cũng như bên ly rượu, anh em gọi Bình là anh Năm, một phần vì lớn tuổi hơn, một phần vì tính tình phóng khoáng, thành thật với bạn bè, ai cũng quý mến. Bình lại có số đào hoa, biết bao mỹ nhân đến rồi đi, để lại cho anh Năm nhiều chứng tích...

2- MẶT TRẬN BÌNH LONG AN LỘC:

Sau chiến dịch U Minh, khóa 21 và SĐ21 có dịp thử sức ở chiến trường Bình Long, An lộc. Năm 1972 chiến trận nổ ra dữ dội khắp 4 quân khu, lúc đầu SĐ21 được lệnh ra miền Trung, tăng cường mặt trận Quảng Trị do Tướng Hoàng Xuân Lãm xin, nhưng sau đó trong phiên họp quan trọng tại BTM ngày 6 tháng 4/72 các tướng lãnh nhận định rằng An

Lộc là cửa ngõ quan trọng dẫn vào Thủ đô Saigon, cần phải chặn đứng cuồng vọng của Bắc Việt, và SĐ21 thiện chiến được tăng cường cho QK3 cùng Trung đoàn 15 SĐ9 do Trung tá Hồ Ngọc Cẩn chỉ huy. Tại chiến trường này, ngoài SĐ5 của Tướng Lê Văn Hưng có mặt tại An Lộc, quân bạn còn có Lữ đoàn 1 Dù, Liên đoàn 81 Biệt Cách Dù, Chiến đoàn 52 gồm 2 tiểu đoàn của SĐ18, SĐ21 và Trung đoàn 15 như vừa nói trên. Thiết Đoàn 9 từ Vùng 4 cũng tăng cường lên nữa.

Quân CSBV với 3 SĐ 5, 7, và 9 từ phía Bắc chiếm Lộc Ninh thuộc tỉnh Bình Long đang tràn xuống uy hiếp An lộc âm mưu lấy nơi này làm bàn đạp tiến về Thủ đô Saigon...

SĐ21 biệt phái cho QĐ3, đang từ vùng xình lầy chuyển sang vùng rừng núi và đang từ du kích chiến chuyển sang trận địa chiến, SĐ21 được không vận lên Biên Hòa vào đầu tháng 4/1972 rồi đến Lai Khê, nơi đây gặp 2 bạn SĐ5 là Nguyễn Văn Hải đang nắm Tiểu đoàn và Đồng Duy Hùng làm TĐoàn Phó cho Hải... Sau đó từ Lai Khê SĐ21 tấn công lên phía Bắc theo trục quốc lộ 13 mở đường qua Bầu Bàng, Chơn Thành, Suối Tàu Ô, lập căn cứ Hỏa Lực Tân Khai để yểm trợ pháo binh cho các cánh quân tiếp tục tiến về An Lộc... 3 Tiểu đoàn trưởng Bình, Thành, Khiết của Trung đoàn 33 có dịp đối đầu với quân và chiến xa T54 của quân Bắc Việt với 3 Sư đoàn 5,7, 9 chính quy VC. Tại đồi Chà Là nam An Lộc khoảng 10 km Trung đoàn 33/SĐ21 đã bắt tay với Trung đoàn 15 SĐ9 của Trung Tá Hồ Ngọc Cẩn, sau đó Trung đoàn 15 tiến thêm về hướng Bắc khoảng 1 km nữa thì bố trí phòng thủ cho đến ngày về vì quân số hao hụt quá nửa. Trong 3 tiểu đoàn của Trung đoàn 15 có Nguyễn Văn Hiệp A21 làm Tiểu đoàn trưởng, cùng khóa gặp nhau trong khói lửa chiến trường mà sự sống chết trong gang tấc thật là kỳ diệu và nhớ mãi... Nguyễn Văn Hiệp, cũng như Nguyễn Công Bình sau này, khi Trung tá Cẩn lên Đại tá về coi tỉnh Chương Thiện thì kéo Hiệp và Bình làm Quận trưởng cho ông. Bình làm Quận trưởng Long Mỹ là một quận đông dân trù phú, còn Hiệp về quận Kiên Long giáp vùng U Minh

Thượng là 1 quận biệt lập nguy hiểm cả thủy lẫn bộ, ngày 29 tháng 4 năm 1975, tình hình mọi nơi nguy ngập, đồn bót bị tấn công bao vây, Quận Hiệp kéo lính đi giải tỏa, bị trọng thương, tản về Bệnh viện và sau đó trốn tập trung cải tạo, cải dạng thường dân, được vài năm thì bị chỉ điểm, bị bắt tại Saigon và bị nhốt tù... năm 1980. Nguyễn Hồng Thành từ Bắc chuyển trại vào Nam và gặp Hiệp tại Trại tù Z30A Xuân Lộc.

Có thể nói tại đồi Chà Là trên QL 13 cách An Lộc khoảng 10 km là nơi hội ngộ đông nhất của các vị Tiểu đoàn trưởng khóa 21, ngoài Thành, Bình, Khiết cùng Trung đoàn 33 chiếm giữ cao điểm này, còn có Nguyễn Văn Hiệp Tr. Đoàn 15, Nguyễn Rô Be Tr. đoàn 31 và phía Nam không xa là Nguyễn Văn Hải SĐ 5. Đếm được 6 vị Tiểu đoàn trưởng chỉ huy hơn 3000 quân cho 1 chiến trường không phải là 1 kỷ lục đáng tự hào đáng ghi vào quân sử của khóa 21 sao?

Tại đồi Chà Là này, có 1 tháp nước cao nên dễ làm điểm ngắm cho pháo địch, nên chúng nã hàng ngàn quả đạn vào cũng như bộ đội tấn công hàng ngày mong chiếm giữ, tuy nhiên trung đoàn 33 đã đẩy lui giữ vững cao điểm này. Chính nơi đây, Trung tá Trung đoàn trưởng Nguyễn Viết Cẩn đã hy sinh, một mảnh đạn nhỏ đã trúng động mạch cổ làm Ông tử thương khi ở trong hầm chỉ huy, xác ông vài ngày sau trực thăng mới vào được tản ra Lai Khê nơi vợ ông đang mang thai đứa con đầu lòng mỗi mòn chờ đợi...

Xin nói thêm, Trung tá Nguyễn Viết Cẩn là cựu Tiểu đoàn trưởng TĐ11 Nhảy Dù, là em ruột Trung tướng Nguyễn Viết Thanh Tư lệnh QĐ4/QK4. Sau vụ bắn quân cảnh Mỹ tại nhà hàng Tour d'Ivor (do Niên trưởng Nuôi K20 bắn chứ không phải ông?) ông im lặng nhận thay cho đàn em và cuối năm 1971 ông về coi Trung đoàn 33 SĐ 21 BB. Ông là vị chỉ huy có tài, hiền hậu dễ mến, sau khi ông mất một tuần, Bà sanh đứa con trai đặt tên là Nguyễn Bình Long để ghi nhớ nơi ông chiến đấu và hy sinh cho đất nước.

Trung đoàn 33 khi Trung tá Cần mắt, Th/tá Nguyễn Mai Xuân thay thế, và Th/tá Nguyễn hồng Thành TĐT 2/33 được đưa lên làm Trung đoàn Phó tại mặt trận này.

Tại chiến trường An Lộc khóa 21 đã cùng SĐ 21 chiến đấu anh dũng góp phần cùng các đơn vị bạn đẩy lui các Sư Đoàn BV về bên kia biên giới Miên. Ngày 7 tháng 7 năm 1972 là ngày hoàn toàn giải tỏa An Lộc, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và đoàn tùy tùng đã đáp trực thăng vào thành phố An Lộc để nạt bắt tay tướng Hưng và khen ngợi binh sĩ... Sau đó, SĐ 21 được bốc ra Lai Khê và trở về Vùng 4 sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ biệt phái bảo vệ đất nước...



Ngày trở về dân chúng hân hoan đón mừng, khắp các thành phố miền Tây đoàn xe đi qua đều có treo cờ và biểu ngữ chào mừng, thành phố Cần thơ như một ngày hội lớn...

Trước đó có tin đồn, ai tham dự mặt trận An Lộc sẽ thăng một cấp, nếu chuyện đó có thật và được thi hành thì có lẽ khóa 21 sẽ lập kỷ lục về lon trung tá, nhưng tiếc thay chuyện đó không xảy ra, mọi người chỉ được huy chương thôi, Thành nhận an ủi “Đệ Ngũ đảng BQHC kèm ADBT ngành dương liễu” được Tướng Nguyễn Văn Là gắn trong buổi lễ tại Cần thơ ngày 1/1/73.

3- SĐ 21 BB NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG...

Trong những ngày tháng cuối cùng, đất nước lâm nguy, liên tiếp rút bỏ Vùng 1 và Vùng 2 cho VC, binh lính và dân chúng hoang mang tìm đường vào Nam trong hỗn loạn và tức tưởi, Vùng 3 là đầu não của VNCH căng thẳng về chính trị và Quân sự đang tìm phương cách chống đỡ vì biết đồng minh Mỹ đã phải tay tháo chạy mặc cho quân CS Bắc Việt từ các nơi đang tiến về Sài Gòn.



Trong khi đó, tình hình miền Tây, Vùng 4 khá yên tĩnh, chưa có 1 quận lỵ hay đồn bót nào vào tay giặc. Từ đầu tháng 4, nhận biết tình hình căng thẳng, SĐ 21 được rút về bảo vệ thành phố Cần Thơ nơi có BTL Vùng 4 QK 4, SĐ được tăng cường thêm Trung đoàn 11 của SĐ7BB và thành lập thêm Trung đoàn 63 do các đơn vị ĐPQ đôn lên. Th/tá Trương Phúc K20 Trung đoàn phó Trung Đoàn 32 qua coi trung đoàn này và Th/t Nguyễn Hồng Thành K21 từ TrĐoàn 31 qua thay thế Trương Phúc. Ngày 8 tháng 4 giặc Cộng với SĐ4 Hậu Giang mở cuộc tấn công vào Cần Thơ, vượt sông tại khoảng thị trấn Ba Se, Cầu Nhiễm đột nhập vào vòng đai Alfa nơi có Trung đoàn 32 SĐ21 trấn giữ, mà VC gọi là Đường Vòng Cung, thì chúng bị pháo binh rồi không quân dội bom, Trung đoàn 32 và các đơn vị ĐPQ đẩy lui. Đêm 12

tháng 4/75 VC dùng 2 khẩu pháo 105 do chúng chiếm được, đặt bên kia sông Hậu thuộc quận Bình Minh tỉnh Vĩnh Long, pháo bừa bãi vào khu dân cư cầu Cái Khế, Cầu Thơ sát BTL QĐ4 làm hơn trăm người chết và mấy trăm nhà bị cháy... Như vậy, trong những ngày đầu tháng 4, VC âm mưu xử dụng sư đoàn 4 Hậu Giang, các Trung đoàn chủ lực miền, đặc công, pháo... đánh vào Cầu Thơ nơi đặt BTL/QĐ 4 nhưng thất bại, nhờ SĐ 21 và lực lượng dân quân các cấp hết sức cảnh giác và đồng lòng tử thủ bảo vệ phần đất cuối cùng của đất nước. Và cho đến ngày 30 tháng 4 mặc cho các nơi khác hỗn loạn, thành phố Cầu Thơ thủ đô Miền Tây vẫn yên tĩnh, SĐ21 vẫn ở yên tại những vị trí phòng thủ chờ giặc. Trung đoàn 32 với Nguyễn Hồng Thành trung đoàn phó đóng tại vòng đai Alfa bao bọc thành phố Cầu Thơ, Trần Văn Khiết Trung Đoàn phó 33, đóng tại Ô Môn đang xử lý Trung Đoàn, và Trần Ngọc Điệp K20, Trung đoàn phó 31 đóng quân tại quận Bình Minh trên QL4. SĐ21 vẫn còn đầy đủ 3 trung đoàn sẵn sàng chờ giặc và chiến đấu. Cuối cùng, 11 giờ rưỡi trưa 30 tháng 4, lệnh buông súng đầu hàng ban ra, làm bàng hoàng các cấp. Chiều hôm đó, thành phố Cầu Thơ bỏ ngõ, SĐ 21 tan hàng ở các vị trí nói trên mà không nổ 1 viên đạn, không thấy 1 tên việt cộng nào vào để bàn giao, VC vào thành phố lơ thơ ngơ ngác vì không ngờ được một món quà quá lớn biểu không như vậy...

Binh nghiệp khoá 21 ở SĐ21 kết thúc theo vận nước, vài ngày sau lại hội ngộ tại Quân Lao Cầu Thơ theo lệnh tập trung của Ủy Ban Quân quản VC... Tất cả các SQ cấp Tướng, Tá của Quân Đoàn 4 và SĐ21 không chạy hay chưa chạy kịp ra nước ngoài đều trình diện vào đây... Người ta thấy có tướng Trần Bá Di, Hoàng Văn Lạc, Khôi (Thiết giáp) và tướng Mạch Văn Trường TL SĐ21... Riêng khóa 21, thấy có 5 tên. Trần Văn Khiết sau khi cùng Trung đoàn tan hàng tại quận lỵ Ô Môn, Cầu Thơ, chạy về Sài Gòn nghe ngóng, rồi quyết định trở xuống Cầu Thơ nhập bầy vào quân lao nơi có mấy thằng bạn cùng khóa cùng SĐ vô trước như Trương

Đặng Sĩ, Nguyễn Hồng Thành, Quận Nguyễn Công Bình và Nguyễn Rô Be...

Năm tù đầu tiên ở Quân lao Cần Thơ gọi là học tập cải tạo rất... “vui”, thượng cấp thuộc cấp cùng sống chung trong những dãy nhà tiền chế, cùng ăn, cùng “học”, cùng làm, cùng tin tưởng thời gian cải tạo phết lác của CS... Bình và Thành sống chung 1 đội, 1 lán có dịp gần nhau, nên suốt ngày sau khi tập dịch, thì ra đánh bi da! Ngôi nhà thờ giữa trại bị biến thành nhà văn hóa có đặt 2 bàn bida nên được 2 tên này mánh mung giữ cơ, lơ chơi suốt... Thăm nuôi thì lúc đầu hàng ngày, sau hạn chế mỗi tuần rồi mỗi tháng 1 lần, cho đến 1 ngày cuối tháng 6/1976 chính xác là ngày 23 tháng 6/76 buổi chiều đó, trại “biên chế”, một số tù chuyển đi nơi khác đa số còn lại hoán chuyển sắp xếp lại thành các đội, và tối hôm đó, đoàn xe nhà binh vào trại đưa số tù này đến Trà Nóc nửa đường Ô Môn Cần Thơ, xuống tàu sắt mà trước kia quân Bắc Việt ngụy trang làm tàu đánh cá, đưa ra Bắc. Chuyến hải hành trong khoang tàu chật hẹp hàng trăm tù nhân là sĩ quan VNCH bại trận nằm ngòì trong cái nóng bức muốn ngạt thở, thật không gì thê thảm hơn, nó báo hiệu những khổ nạn đang đón chờ trên đất Bắc mà “người anh em” khôn nạn VC đang chực chờ trả thù khi đám tù binh vì lệnh thượng cấp mà buông súng, bước lên bờ...



.....
*Những ngày tháng nơi quê người,
nhớ bạn, nhớ SD21BB.*

SAN FRANCISCO MAR 15, 2010.

**LÍNH CÀ
NGUYỄN HỒNG THÀNH A/21.**



Lon Thiếu Tướng của Khóa 21

Nói về cái lon Thiếu Tướng của Châu Châu để Kang Cu cùng Anh Em khác được tường.

Trong kỳ ĐH 2006 ở nhà trường lão Hậu Phạm. Anh em lâu ngày không được gặp nhau nên vui hơn Tết. Cái vui đã tạo thành một cái chợ đầy đủ mọi âm thanh nhất là những lời chào hỏi, mừng rỡ qua tiếng ĐM nổ ran hơn pháo Tết, thêm vào đó, đủ thứ truyện thời xa xưa thời ở trường, thời xuống núi được mỗi thặng tuôn ra như thác đổ cộng thêm những tiếng dzô sau mỗi lần cạn ly. Không gian như muốn vỡ tung qua các tiếng dzô này.

Bất thành linh, Thích Không Chi nghe được tiếng nói của Đại úy nhảy Dù Bảo cùng TL/Cái Dzôn:

ĐM uống rượu mà không có Em nào tiếp rượu thì buồn quá. Sau câu ĐM đó, TKC nghe một tiếng trả lời nhẹ nhàng, trong trẻo của Châu Châu:

“Mấy quan cứ uống thoải mái, em sẽ tiếp và serve mấy quan đến nơi đến chốn. Thế là từng chai beer được Châu Châu mang đến từng quan. Mấy quan uống và uống trong tiếng ĐM nổ ran trời cho đến lúc rượu nào uống mà không say thì TKC nghe tiếng nói của Đ/U Dù Bảo:

“ĐM mà y Châu Châu, Em serve rượu mấy quan thật chu đáo, Qua nhân danh Đ/U Dù phong cho Em đặc cách lên Thiếu Tướng. Lời nói của Bảo được Anh Em hưởng ứng 100% qua tiếng nhất trí của VC.

Kể từ đêm ấy Châu Châu được mang lon Thiếu Tướng. Lon Thiếu Tướng của Châu Châu cũng đã thâm niên nên kỳ ĐH 2010 này, có lẽ Thiếu Tướng Châu Châu sẽ được lên Trung Tướng. Dù là lon Tướng được phong trong lúc các quan say xin nhưng TKC vẫn thấy có giá trị hơn lon tướng Nhà Đòn của chủ nhân đài SAIGON TV hoặc lon trung tá nhà Đòn Bác Sĩ/TQLC kiêm ca sĩ Trung Chính (bạn thân của TQLC Bồng Em).

TKC

Lời ru của Mẹ

Nhạc và Lời: Lê Văn Dương

Thương tiếc vô vàn

Đôi lời con dâng Mẹ, Mẹ như bầu trời

cao bao la lòng biển lớn tình sông suối ngọt ngào

Khi nằm trong thai Mẹ Nghe nhạc lòng thiên

thu Con đắm mê nhịp thở Trong u môn mơ hồ

Ôi! Mẹ đi chẳng ở Tử sinh chia đôi miền Âm

dương dành cách trở Mơ chi chuyện đoàn viên!

Ôi! chiều nhìn mây trôi Theo cơn gió bổi hổi Dưới

vàng trắng vàng vạc Nhớ lời ru à ơi...

Phương trời con phiêu bạt Lệ con còn bao nhiêu! Khi lời ru của

Mẹ mãi ngân trong sương chiều

BÓNG NGƯỜI XƯA

Khi ta rời Thái Cực
Em đợi Cung Diệu Trì
Mẹ cha chừ khó nhọc
Đôi từng bước ta đi
Trong si mê, nơi Hạ giới!
Trong ngọt ngào, mộng yêu đương!
Có những lúc, quyết chí tới,
Lắm thăng trầm, giấc miên trường...!
Tìm ta, ta chẳng biết,
Em về miền hoang xưa
Tác dụng ngũ hành trong đảo điên
Âm Dương Cơ Tạo tỏ uy quyền.
Người ơi! Nào cũ về quy hội,
Xa cách lâu tòi mấy vạn niên
Đắm mình trong Hậu Thiên vui thú...
Lòng ta say hoa cỏ vô tình.
Có chí ở cõi Phù Sinh,
Xiêm y, Khanh tướng, loạn tình Thế nhân.
Thế nhân nhiều rộn rịp,
Thế nhân hướng cuộc chơi,
Riêng lòng ta lắm dịp...
Lặng lẽ tựa dòng khơi!
Ta đắm chìm ký ức,
Không chỗ đi chỗ về
Tối tăm trong ngò vục,
Ôi! Ngu đốt não nề!
Ta ghét ngư sông luân hồi vùi dập,
Biển vô minh tràn ngập khói đam mê.
Nghe đâu vắng vắng câu thề?!
Từ bên Nguyên Thủy vọng về Tiên Thiên?
Hồn ta chấn động,
Lòng ta đảo điên.

Tình ta cuồng vọng,
Nhạc Thượng Nguyên lỏng lẻo chín tầng cao,
Cung Thái Hư, rất ngọt ngào,
Hương trầm phảng phất khúc Đào Nguyên xưa.
Xe Vô vi đưa ta về bến cũ
Giá Luân Xa rục rở đáng Thần Tiên,
Tơ Chiếu minh nổi kỳ duyên,
Kìa! Người yêu cũ bến thuyền đợi Ta!!!
Gặp lại nhau Tân Na đạo họ,
Ngôn ngữ nào tỏ rõ ý uyên nguyên.
Xa nhau mấy vạn ức niên,
Trần luân bao kiếp, truân chuyên bao đời.
Non nước từ đây đã vẹn lời,
Giã từ Thần Khuyết cố nhân ơi!
Lên tận Côn Lôn nhìn tự tại,
Xuống tới Thủy Cung chuyển hóa đời.
Thường Chuyển tương giao Nhâm-Độc lại,
Soi Hồn ai định Thần Tân thôi.
Vô vi pháp niệm trường Như Ý,
Mở cửa Thiên đàng bóng nguyệt soi.
Từ Hậu Thiên dần bước,
Vượt qua Cửu Trùng Thiên
Chờ Ta... niềm ao ước!!!
Xoa tóc bên mạn thuyền.
Đôi ta về Bạch Ngọc,
Như Ngọc Nữ, Tiên Đổng
Gió trần gian hiu hắt,
Nhìn vũ trụ mênh mông...
Trần gian là chốn bụi hồng
Trở về nguyên thủy, một lòng thẳng hoa.

CSVSQ NGUYỄN VĂN ĐÔNG C/21

TỔNG LÊ CHÂN



Trong khoảng thời gian liên tiếp 3 ngày từ 22 đến 24/3/74, Cộng Quân dùng đủ loại đại pháo 130 ly, hỏa tiễn 122 ly, súng cối 82 ly v.v... nã hơn 1,000 quả đạn vào tiền đồn Tổng Lê Chân nhỏ bé, nơi có khoảng 300 chiến sĩ TĐ 92 BĐQ đang bị vây hãm. Tuy phi cơ được gọi đến oanh kích và thả trái sáng yểm trợ, nhưng hỏa lực phòng không vô cùng dữ dội của Sư Đoàn Phòng Không 377 địch với các loại hỏa tiễn tầm nhiệt SA-7, đại bác 57 ly, 37 ly và thượng liên đã đan một màn lưới lửa dày đặc quanh Tổng Lê Chân khiến mọi hoạt động của phi cơ đều vô hiệu.

Bên trong trại, các chiến sĩ Mũ Nâu chỉ còn cách co mình chịu pháo. Nhiều công sự phòng thủ cũng như vị trí chiến đấu bị hư hại vì cơn mưa pháo. Tuy nhiên, Trung Tá Lê Văn Ngôn, vị Tiểu Đoàn Trưởng, tuy mới có 25 tuổi nhưng đầy đặn kinh nghiệm chiến trường vẫn bình tĩnh đôn đốc và ra lệnh cho binh sĩ trực thuộc chuẩn bị phản công sau mỗi đợt pháo kích.

Quả nhiên, liên tiếp trong 2 đêm 21 và 22/3/74, sau khi “tiền pháo”, khoảng một trung đoàn bộ binh địch “hậu xung” dữ dội cả bốn phía định san bằng tiền đồn nhỏ bé bị vây hãm đã lâu ngày. Nhưng TĐ 92 BĐQ bắn trả dữ dội, tuy đạn được khan hiếm nhưng họ tác xạ rất chính xác, đẩy lui nhiều đợt tấn công biển người. Có lúc vì Cộng Quân quá đông, các chiến sĩ Mũ Nâu bắn không xuể nên một số đã lọt vào lớp hàng rào phòng thủ. Nhiều trận cận chiến bằng lựu đạn diễn ra ác liệt. Quân trú phòng được lợi thế vì trú ẩn trong các hầm hố kiên cố nên đã gây thiệt hại nặng cho địch quân. Cuối cùng, trước tinh thần chiến đấu dũng mãnh và can trường của TĐ 92 BĐQ, địch đành ôm hận rút lui để lại nhiều xác đồng bọn và đủ loại vũ khí.

Những Đợt Cường Tập Liên Tiếp

Ròng rã trong các đêm 24, 25 và 26/3/74, Cộng quân sau khi bổ xung đầy đủ đã liên tiếp mở những đợt xung phong biển người ồ ạt quyết san bằng Tổng Lê Chân. Tuy đã gần kiệt sức, các chiến sĩ Mũ Nâu vẫn cắn răng chờ địch trong những giao thông hào đổ nát vì đạn pháo kích. Trung tá Ngộn và các cấp chỉ huy cũng sát cánh trong các công sự phòng thủ với thuộc cấp, ra lệnh phải tiết kiệm từng viên đạn, chỉ được bắn khi thật “chắc ăn”. Giá của mỗi viên đạn phải là một quân thù. Rồi hàng hàng lớp lớp Cộng Quân tràn tới giữa tiếng hò la man dại “hàng sống, chống chết”! Đúng lúc này, các chiến sĩ BĐQ mới cắn răng xiết chặt cò súng. Địch đã xâm nhập hàng rào kẽm gai phòng thủ ngoài cùng, nhưng lập tức bị khựng lại vì gặp phải bức tường lửa từ trong bắn ra rất chính xác. Xác địch chồng chất trên trận địa hay vát vương trên hàng rào kẽm gai. Nhưng địch quá đông, nhất định “dứt điểm” nên chúng vẫn liều lĩnh xung phong. Chẳng bao lâu, chúng tràn tới hàng rào thứ hai. Lúc này một loạt mìn “Claymore” nổ tung khiến nhiều xác giặc tan thành mảnh vụn. Tiếng súng nổ, tiếng la hét cùng với mùi thịt, mùi máu, mùi thuốc súng tạo nên một khung cảnh khủng khiếp. Nhiều chiến sĩ BĐQ quá mệt mỏi và căng thẳng gần như

ngắt xiú vì những trận tấn công liên tiếp đêm này qua đêm khác nhưng vẫn không rời tay súng.

Trận Đánh Sau Cùng Của TĐ 92 BĐQ

Ngày 11/4/74, sau khi tái điều nghiên, bổ xung lực lượng, Cộng quân mở những cuộc tấn công ác liệt quyết đạt được chiến thắng bằng mọi giá. Trong ngày chúng pháo kích mù mịt không dưới 1,000 quả đạn vào căn cứ đã tan nát trong các cuộc tấn công trước. TĐ 92 BĐQ lúc này đã kiệt lực, hết đạn, một số lớn binh sĩ lại bị thương nên không còn sức chống trả những đợt tấn công mãnh liệt của đối phương. Nhưng dù tình thế đã đến lúc tuyệt vọng nhưng Trung Tá Ngôn vẫn không ra lệnh rời bỏ căn cứ khi chưa có lệnh của thượng cấp. Trước những loạt đạn pháo kích chính xác và các đợt tấn công biến người, vị TĐT anh hùng biết chắc không thể nào phòng thủ được nữa nên khẩn cấp yêu cầu thượng cấp cho lệnh di tản trước khi căn cứ bị địch quân tràn ngập. Trung Tướng Thuần, Tư Lệnh QĐ III – không rõ có tham khảo ý kiến của Bộ TTM hay Phủ Tổng Thống hay không – ra lệnh cho Trung Tá Ngôn phải “tử thủ bằng mọi giá”!

Nhưng TĐ 92 BĐQ sau hơn một năm trời bị vây hãm, bị pháo kích và tấn công liên miên bởi một lực lượng địch quân đầy đủ vũ khí và đông hơn nhiều lần, lại thiếu đạn dược, lương thực, quân số hao hụt không được bổ xung nên đã chẳng còn giá nào để trả! Các chiến sĩ Mũ Nâu không còn nhiều chọn lựa: ở lại căn cứ chắc chắn sẽ bị chết hay bị bắt hết vì không còn cách nào ngăn chặn địch quân hoặc đầu hàng để tìm con đường sống. Nhưng theo truyền thống hào hùng của binh chủng Mũ Nâu, dù trong lúc thập tử nhất sinh cũng vẫn không hàng địch. Trung Tá Ngôn đã đưa ra một quyết định vô cùng táo bạo: dùng toàn lực phá vòng vây, rời bỏ căn cứ, tuy có thể bị chết hết nhưng may ra sẽ đưa đơn vị tới một nơi an toàn.

Biệt Động Quân: Sát!

Nhìn chung, Tổng Lê Chân chỉ là một tiền đồn nơi đèo heo hút gió gần biên giới Việt – Miên không được nhiều

người biết đến. TĐ 92 BĐQ lại là một đơn vị tương đối trẻ trung mới được thành lập từ năm 1970. Vị TĐT, Trung Tá Lê Văn Ngôn, con Cọp đầu đàn của TĐ 92 BĐQ cũng là một sĩ quan rất trẻ mới 25 tuổi, xuất thân khóa 21 Võ Bị Đà Lạt. Trận đánh tại Tổng Lê Chân cũng không phải là một cuộc đụng độ lớn. Cuối cùng, Tổng Lê Chân lại rơi vào tay địch.

Như vậy, về mặt quân sự, rõ ràng trận đánh tại Tổng Lê Chân cũng chỉ “tầm thường” như những trận đánh cùng tầm cỡ khác, kết thúc bằng việc quân trú phòng phải di tản. Tuy nhiên, về phương diện tinh thần chiến đấu và sức chịu đựng phi thường của các chiến sĩ Mũ Nâu, Tổng Lê Chân đã vượt xa những trận đánh lớn nhỏ khác trong quân sử với nhiều điểm rất đặc biệt. Đây là cuộc bao vây lâu dài nhất trong quân sử, một trận đánh trong chiến cuộc Việt Nam mà lực lượng đôi bên chênh lệch nhất và sau cùng, một cuộc lui binh thần tình nhất do một vị TĐT trẻ tuổi nhất, can trường nhất chỉ huy.

(Trích trong Đặc San Biệt Động Quân).





Trăng gầy

I. Các bạn đọc sẽ có bạn thất mắc:

Trăng làm sao lại gầy? Thưa các bạn...

... Cho đến bây giờ, khi xa vùng lửa đạn, xa trại giam đã nhiều năm, tôi vẫn còn bị mảnh trăng ấy cứ lẻo đẻo đi theo và vẫn nhớ như in một mảnh trăng èo uột, xanh mét, có khi vàng quệch, chênh chếch, lúc nào cũng như mìa mai, điều cốt những đau khổ của thể nhân.

Và lúc nào cũng vậy, nhìn kỹ chung quanh, y như có những làn mây nhờ nhờ lạnh lẽo như một mảnh khăn tang, quấn hờ hững...

Còn nữa, bạn đã “bị” nghe tiếng con chim vạc kêu sương bao giờ chưa? Tôi lại vẫn bực mình vì không thể là một nhà văn để kể hết cho bạn nghe âm thanh não ruột, như những hợp âm của một bản trường ca gồm những khổ đau bất hạnh ấy...

Rồi tiếng kêu than ấy, lại rơi vào những đêm có mảnh trăng gầy thì ôi thôi, sao nó thê lương quá thể đi thôi...

Chưa hết, nó lại diễn ra vào những đêm hành quân, vào những đêm trong những trại giam Việt Bắc, sao nó làm “rung rinh con tim nhân thế” lắm bạn ạ.

Áy đây, tôi không biết viết truyện dài, cũng không biết viết truyện ngắn, thế mà hình như tôi đã giới thiệu đến bạn hai cái khung của một câu chuyện rồi đây: Đó là không gian và thời gian...

Còn nhân vật ư? Tôi phải khoe với các bạn rằng. Tôi có một kho tàng nhân vật, một kho tàng chứa đầy nước mắt với những tình tiết éo le. Không cần phải hư cấu, mà hư cấu ư? Đó là một công việc rất khó khăn mà chỉ có những bộ óc vĩ đại mới có thể nặn ra được! Những nhân vật và những chuyện có dính dáng đến họ, tôi đã thu gom được trong những tháng ngày lửa đạn hào hùng, trong những ngày “nhà” com tù nhục nhã. Cần giới thiệu họ với các bạn lúc nào, tôi cứ việc “moi” họ ra thôi, y như một bà nội trợ lấy thực phẩm đông lạnh trong freezer ra ấy mà!

Khốn nỗi, có thực phẩm nhưng pha chế làm sao để thành thức ăn, đó mới là chuyện khó, và viết văn cũng vậy, cũng như làm búp vậy, biết pha chế mới thành nhà văn giỏi được.

Còn tôi, tôi lại không có cái sở trường ấy. Nhưng trong cuộc sống, tôi có một ưu điểm duy nhất là biết mình nên ngừng ở chỗ nào, nên ngừng ở lúc nào. Tôi phải ngừng dồng dài với các bạn đây...

Tôi phải giới thiệu nhân vật chính chứ? Mà bạn ạ, đã có nhân vật chính, phải thể hiện một lô các nhân vật phụ, càng nhiều nhân vật phụ, càng làm cho câu chuyện thêm rôm rả, thêm có nhiều tình tiết. Càng éo le bao nhiêu càng hấp dẫn bấy nhiêu! Kẹt một nỗi, tôi vốn là kẻ háo danh, nên sau nhân vật chính, nhân vật phụ lại là... Tôi... Và tôi bắt đầu kể về anh...

Cũng xin một lần này thôi, tôi không nêu tên anh ra đây được, dù rằng chuyện tôi kể, xin lấy danh dự một “nhà văn” hạng xoàng mà thể với các bạn rằng, chuyện tôi viết không phịa bất cứ một chi tiết nào cả, ngoài việc tôi sửa tên anh, đơn giản chỉ vì tôi muốn để anh yên, muốn bạn bè thân nhân của anh đừng vì một vài chi tiết tôi nêu ra, lại đặt một vài dấu hỏi về anh. Và vì mới đây thôi, mới tháng trước thôi, tôi gặp lại một người...

II. NGƯỜI ẤY.

Hồi xưa, lúc còn ở Việt Nam, tôi có một thói quen gần như lạ lùng: Mỗi khi gặp một điều gì không được như ý, bị vợ mắng, bị con cái nói hỗn, bị “ sếp “ đi, tôi thường tìm cách về một miền quê nào đó để tìm lại người bạn tri kỷ, đó là mảnh trăng gầy.

Ôi ông trăng nghèo, xin ông tha tội cho tôi, thật tình, tôi không phải có thành kiến với người như thế đâu, nhưng mỗi lần nhìn con mắt xanh xao vàng vọt của ông, nhìn cuộc sống lam lũ khó khăn của người dân quê, nhìn tình cảm cho và nhận chất phác của người quanh năm suốt tháng chân lấm tay bùn, tôi mới thấy, những toan tính, bon chen của tôi là phù phiếm, rồi tự nhủ với chính tôi là tôi còn sượng chân , còn may mắn hơn ổi vạn người. Sự so sánh ấy giúp tôi lấy lại quân bằng và tôi lại trở về thành phố, lại như một con thiêu thân lao vào những việc... Phù du.

Trong những tháng ngày trận mạc, những đêm bên chiến hào, sau một ngày mệt lả quần thảo với kẻ thù, tôi thường ngồi hút thuốc nhìn trăng, với thói quen nhà binh là chụm cả bàn tay lại, che ánh sáng của đóm lửa rồi thả khói, những làn khói thuốc như những mảng sương mờ, che lạt ánh trăng, làm nhòa những giọt nước mắt khóc thương những đồng đội mà chỉ mới tối hôm qua thôi, mới sáng nay thôi, ngay lúc chiều đây thôi, còn ngồi ăn chung với mình, còn ngồi tán gẫu với mình, còn đây áp những dự định trong những lần về phép sắp đến...

“...Ông thày ạ, em sẽ nghe lời ông thày, em sẽ thổ lộ tình cảm của em với con nhỏ đó, có chết chóc gì mà phải sợ chứ ông thày nhỉ?”

... “Kỳ lãnh lương này, tiền anh em đóng góp “cứu nguy” cho em. tiền Đại đội cho, em sẽ tìm bằng được con vợ em, em sẽ trang trải những hụi sống, hụi chết cho nó, em sẽ nói với vợ em, trên cuộc đời bèo bọt này chẳng có gì là quan trọng cả, chẳng có gì vĩnh cửu cả ngoài tình yêu đôi lứa. Rồi em sẽ mang nó về trại gia binh, chúng em sẽ làm lại từ đầu. Nó gần sanh rồi, trốn chui, trốn lủi cũng tội...”

Ánh trắng trong những làn đống quân dã ngoại, giúp cho người lính gác quan sát phía trước, nhưng cũng mang cho người thức những cảm giác xa vắng, lạnh giá trong tâm hồn. Bên cạnh sự lạnh lẽo ấy có những lời thì thầm ấy của Năm Gà Mỏ, của Thịnh Seo, với những dự định như thế, bị trôi tuột đi theo những đường nhắm bắn của súng thù, những giọt nước của con cô, vợ đại...

Qua bên Mỹ, tôi vẫn thấy trắng gầy, tôi tìm nó dễ nhất trong cái hậu viên của người bạn thân...

...Buổi chiều hôm ấy, đang ngồi ngắm mấy cây bôn-sai mấy chậu tiểu cảnh, thì Niệm chạy vào, nói hốt hoảng:

- Đang có người khách mà bạn không thể ngờ được! Loạn tìm đến thăm bà xã tao, mà có ra mặt không?

Tôi qươ vợ mấy tờ báo và ly cà phê đến cuối vườn, nơi có cây bưởi đang đâm hoa và những tàn lá thấp:

Bỗng tôi rụng rời khi con vợ của Niệm tòm tớp:

- Chị Loạn ra ngoài này xem mấy hòn non bộ của anh Niệm này.

Niệm cứu nguy cho tôi:

- Chị Loạn ngồi trên ghế này đi!

Tôi thu mình ngồi im, khoảng cách từ chỗ ba người ngồi đến chỗ tôi nấp, đủ để tôi nghe rất rõ tiếng nói chuyện của họ. Tiếng của Loạn vẫn như ngày nào, trầm trầm, tắc nghẹn như có thoát ra khỏi “cục nắc” trong cuống họng.

Bỗng tôi giật mình:

...Anh có tin tức gì của anh Hoàn không? Em có viết thư về Việt Nam, chị Ninh bảo gia đình anh sang bên này từ năm Chín-mươi cơ.

Tiếng Niệm:

- Tôi có đăng trên mấy tờ báo kiếm nó nhưng không thấy ai trả lời, cũng chẳng có ai biết nó bây giờ ở đâu. Không biết có qua được đây chưa, hay đang cuốc đất trồng khoai ở một vùng kinh tế mới nào đó...

Bỗng tôi đại hản đi, khi nghe tiếng Loạn thảng thốt:

- Hoa bưởi, hoa bưởi, nhà anh chị có cây bưởi đang đâm hoa phải không? Em mê mùi hoa bưởi lắm.

Các bạn có bao giờ trốn khách, lại bị khách bắt gặp chưa?

Tôi vừa xấu hổ vừa tê tái. Loan ôm mặt, mặt nàng tái xanh, Loan khóc:

- Anh Hoàn, sao anh cứ trốn em mãi như thế này...

III. HOA BƯỞI.

Mỗi tuần, nếu việc khám xét chiều thứ Bảy diễn ra suôn sẻ nếu không bị mấy bố giáo sư bên Văn hóa vụ cấm túc, chúng tôi được ra phố từ sáng cho tới chiều tối mới phải về... Chuông!

Đà Lạt rộng cho những khóa đàn anh của tôi, nhưng hẹp với đám sinh viên năm thứ nhất như tôi. Vì bạn đi một vòng, mỗi chân, vào quán cà phê, lại đi vòng vòng. Bởi lẽ đó cho nên không có sinh viên nào không có những mẹ nuôi, chị nuôi, em nuôi. Chị và mẹ nuôi thì hiếm, chứ em nuôi thì nhiều vô kể. Xin các bạn đừng hiểu nhầm tôi và những đồng môn của tôi. chúng tôi không có cái dã tâm “mượn” các gia đình ấy làm chỗ nghỉ chân đâu đấy!

Chiều thứ bảy ấy, anh đến phòng tôi:

- Ngày mai Hoàn có đi phố với tôi không? Đến nhà mẹ nuôi anh chơi, thấy tuần nào chú cứ lang thang, lếch thếch cũng tội.

Mẹ nuôi tất phải có con. Con của mẹ nuôi là em nuôi của mình... Anh giới thiệu tôi với bà mẹ xong, thì ông bố cầm quyển sách đi vào:

Ông không nhìn tôi, oang oang:

- Lần trước, giá cậu không “hớ” con xe với bác, cậu đâu có thua?

Anh giới thiệu tôi:

- Cháu mới suu tầm được một kỳ vương trong trường, đem ra đây hầu cò bác.

Nghe những tiếng cười trong veo ngoài vườn, tôi mới té ngựa: Hóa ra bố đàn anh này, chẳng tốt lành gì, dẫn độ mình ra đây để cầm chân “Con kỳ đà già” này, cho bố ấy tự do “hành hiệp” đây!

Ông bố kéo xềnh xệch tôi đến cái bàn bên cạnh cửa sổ có những cành lựu, có hoa đỏ như máu, có những nhánh nhỏ xòe ngay trên một bàn cờ tướng có quân cờ đã xếp sẵn.

- Hậu sanh khả úy! Cho chú em chọn xanh hay đỏ rồi cho chú đi trước luôn.

Tôi đưa tay:

- Kính lão đắc thọ! Xin mời bác...

“Thằng cha này, già rồi còn háo thắng” mới đi một vài nước, tôi đã có cái cảm nhận ngay như vậy... “Phải dẫn mặt đối phương mới được...”

Bỗng tôi ngẩng đầu lên, qua những chùm hoa lưu đồ thẫm, một khuôn mặt xanh xao, đôi mắt đẹp, thẫm thẫm như một đại dương, óng ánh những tia phản chiếu của một vùng đông, toả ra những màng mỏng, y như màng nhện, lóng lánh như có chất nhựa đang cuốn hút, thu bắt lấy tôi.

Lòng háo thắng cũng còn biết can gián tôi: “Chớ có đại chiếu tướng những ông bố có con gái đẹp”.

Tôi tính “nhả” cho ông ăn con tốt, nhưng từ lúc tập đánh cờ tướng, tôi còn nằm lòng lời dặn dò của ông Ba hót tóc, thầy dạy cờ của tôi: “Phàm những người làm quan, khi đánh cờ, tập cho mình một thói quen tốt, là đừng bao giờ thí tốt cả... Tội lắm!” Thôi, “nhả” cho ông ấy ăn con pháo vậy!

Rồi ngẩng đầu lên, vẫn thấy đôi mắt ấy...

Cho đến ván thứ năm, thứ sáu, vai tôi đau nhừ. Tôi đang thâm trách ông đàn anh lấu cá dùng tôi làm vật tế thần, thì có tiếng trong veo:

- Mời bố và anh ra dùng cơm.

Bàn này thì tôi phải thắng! Ông bố âm ức đứng dậy trước:

- Cậu này còn nhỏ mà đánh cờ sắc nước lắm, lại biết kẻ trên người dưới.

Cô chị hích vào anh, còn cô em thì chìa tay về phía tôi:

- Em là Loan, nghe anh Huấn nói nhiều về anh, nay mới gặp!

Tôi nhìn kỹ Loan. Bỗng dung tôi nghĩ đến một bức tượng mỹ nhân ở trong những viện bảo tàng. Tôi bỗng có cảm tưởng toàn thân, nhất là đôi mắt kia, giống như một lòng giếng sâu mù mịt, có vật gì như đang chông chênh, đang tắt lạnh, đang hun hút lao xuống vực sâu...

Sau bữa ăn, mẹ nàng “giải phóng” cho chúng tôi:

- Thôi cho các cô cậu đi chơi. Con Loan mặc thêm áo vào kéo lạnh.

Sau ngày hôm ấy, tôi và anh phân công, cứ mỗi tuần một đứa phải “trực chiến” với ông già để một đứa tự do tán gẫu với cả hai chị em. Tôi biết anh và chị Hạnh đã yêu nhau, và cả hai như muốn gán ghép cho tôi với Loan.

Chị Hạnh bảo tôi:

- Em nó đang bệnh, phải nghỉ học, nó rất buồn, cậu Hoàn phải năng ghé nhà chơi với nó...

Một hôm, vào dịp một khóa đại niên trường ra trường, ngày vui cho họ nhưng cũng là một ngày vui cho những khóa đàn em vì chúng tôi thả giàn trốn phở... Tôi đang đánh cờ với bố nàng, anh vào đứng bên, quan sát một hồi, anh nói khích:

- Bác cho phép cháu nói, bàn này, phải vào tay cháu, bác thua là cái chắc.

Tôi được tha ngay, đứng dậy, thấy đôi mắt hấp háy của anh tôi mới biết Loan đang chờ tôi ngoài vườn. Tôi thấy nàng đang lui cui lượm những bông bưởi rơi vãi, hai vai nàng nhô cao, chiếc áo cánh màu xanh nhạt làm gò má nàng cao hơn, mét hơn:

- Anh Hoàn ơi, anh thích hoa bưởi không?

- Thích chứ! Hoa bưởi vừa đẹp vừa xinh chứ, anh thích lắm, mẹ anh thường hay ướp hoa với bột sắn. .

- Thế nhưng - nàng nghẹn ngào - Sao người ta lại hay ví cây bưởi, nhất là hoa của nó như một hàm ý của sự tan vỡ là làm sao hở anh?

Tôi chưa biết trả lời nàng ra sao thì bỗng nghe nàng nói:

- Sao anh cứ nhìn em như thế, sao anh không hôn em đi!

Lúc ấy tôi chưa biết yêu, lại chỉ đọc những sách truyện về tình cảm của những người yêu nhau, chỉ thấy người con trai chủ động trong việc này. Lời nói của nàng như có đường, như có keo...

...Cho đến giờ này, khi ngồi đây viết lại những ký ức xa lắc xa lơ đó, tôi vẫn nhớ như in bầu trời chiều chạng vạng của Đà Lạt ngày hôm ấy, sương chiều tỏa ngập khu vườn như muốn che chắn cho chúng tôi ôm chặt lấy nhau, cho nhau những nụ hôn đắm đuối!...

Tôi dùng chữ đấm đui như thế có đúng không nhỉ? Vì với nàng chắc chắn là nụ hôn đầu. Còn với tôi, thật xấu hổ, bạn đừng cười. Nó chóng vánh đến độ tôi không có thời gian để xem cảm giác ấy nó có giống như trong sách báo ca tụng hay không? Không biết có phải là tình yêu không? Bằng chứng cho đến giờ này, nếu tôi là nhà văn có tài, tôi cũng không thể nhớ cái dư vị ấy để kể cho bạn nghe nó ra sao nữa.

Bông Loan đẩy tôi ra, lấy tay ngắt một nụ hoa bưởi:

- Em bệnh phổi, anh hôn em, anh có sợ lây không?

Tôi bỗng rùng mình nhưng cùng một lúc, tôi lại xấu hổ vì sự thiếu dũng cảm của một người con trai. Tôi khẳng khái:

- Anh đã chọn binh nghiệp làm nghề, anh sợ chi chết với chóc? Vả lại, anh cũng muốn chia sẻ với Loan căn bệnh trầm kha em đang phải mang vác.

Sương chiều lại sà xuống, chúng tôi lại ôm lấy nhau...

Một mảnh trăng gầy vắt chéo trên ngọn thông già giống như một vành môi héo hắt.

Đó là nụ hôn cuối cùng của chúng tôi. Tôi và Loan xa nhau do lỗi của tôi, những lỗi lầm không đáng có nhưng rất dễ xảy ra ở tuổi trẻ...

IV. HỘI NGỘ.

Tướng Phan Trọng Chinh lấy một ngón tay, nâng gọng kính trắng, dùng que chỉ bảng, chỉ vào bản đồ hành quân có màu xanh xanh của một nhánh sông Vàm Cỏ với một bên là địa giới của tỉnh Hậu Nghĩa và bên kia là mặt khu Ba Thu với những vòng tròn màu đỏ có kèm theo những mũi tên cong cong:

- Tiểu đoàn 2, sau khi chiếm xong mục tiêu 23, 25, 27, sẽ làm thành một tuyến án ngữ cho một tiểu đoàn Cọp Biển đánh từ phía Tây bắc đánh xuống. Sau khi bắt tay được với đơn vị bạn nói trên, thâm quyền hai bên gặp nhau để “lót ổ”...

“Lót ổ”, có nghĩa là dừng lại để đóng quân, có nghĩa là được nghỉ một đêm.

Tôi vừa tính ngả lưng xuống võng thì anh hiệu trưởng viên đưa cho tôi cái combiné:

- Có thẩm quyền bên Cọp Biển muốn gặp thẩm quyền.

Tôi nhận ra ngay tiếng của anh, dù rằng từ ngày ra trường chúng tôi không gặp nhau chỉ nghe loáng thoáng chuyện của anh: Chị Hạnh chết trong một tai nạn xe hơi tại đèo Ngoạn Mục, và anh đã lấy Loan. Tôi chỉ biết có thế thôi...

Tôi cùng vài người lính cận vệ và một sĩ quan tham mưu, băng ngang một cánh rừng nhỏ, đến bộ chỉ huy Tiểu đoàn của anh.

Anh kia rồi, tôi thấy sống lưng dài như lưng hổ của anh đang cúi xuống. Lại gần, tôi thấy anh đang cúi húi bên cạnh viên sĩ quan trợ y để băng bó cho một tù binh. Tôi thầm nghĩ: “Anh vẫn đôn hậu như ngày xưa”. Viên sĩ quan Ban 3 của tôi cười ré lên:

- Trúng ngay “Bộ chỉ huy”! Như thế này, mai mốt về Bắc, làm sao lấy vợ hờ chú mày?

Bỗng nhiên, tôi như có linh cảm kiêu nói đùa ấy, hình như có xúc phạm đến ai... Tôi lừ mắt nhìn viên sĩ quan, rồi cúi xuống vỗ vỗ vào đầu người tù binh bị thương đang khóc nức nở:

- Càng khỏe chú em ạ, lấy vợ lấy chồng, lấy gông đeo cổ chứ bỏ béo cái con mẹ gì!

Chúng tôi kéo nhau ra góc rừng, anh già hẳn đi, mặt tái mét. Sau cái ôm thật chặt, thật ấm áp của những người lính gặp lại nhau trên mặt trận là những ngỡ ngàng... Ai sẽ nói trước những điều khó nói với nhau đây nhỉ?

Một hồi lâu, tôi mạnh dạn:

- Bọn địch chưa dám giở trò gì đêm nay đâu, anh em mình đóng quân, lấy con lộ đó kia làm giới hạn, hai bộ chỉ huy mình dựa lưng vào nhau, tối nay mình tâm sự chơi...

Tối hôm ấy, anh qua bên tôi nhưng tôi lại vào đề trước:

- Chị Loan có khỏe không anh?

Anh khoác tay:

- Việc ngày xưa, chú có giận anh không?

- Sao lại giận anh cơ chứ? Em và Loan xa nhau ngay khi còn ở trong trường cơ mà? - Tôi nói tinh bơ - Mà thật ra giữa em với Loan nào đã có gì đâu!

Tôi muốn xoay câu chuyện đi một hướng khác:

- Anh chị được mấy cháu rồi?

Anh quay mặt đi chỗ khác:

- Chị mới sanh.

Rồi anh cười:

- Ngày hôm qua, thôi nôi thằng bé mà mình về không được!

Đôi mắt anh thẫn thờ như đang nhìn vào cái gì đó ở xa, xa tí. Tôi bỗng giật mình dưới làn lông mày chữ mác, có ánh sáng kỳ bí y như ánh mắt của Loan ở Đà Lạt ngày ấy. Hai con mắt thăm thẳm như hai lòng giếng sâu mù mịt... Có một cái gì chông chênh đang như tắt lạng, đang như hun hút rồi...

Cho đến khi viết lại những hồi ức này, tôi vẫn còn rùng mình khi nhớ ra khuôn mặt nhăn nhúm đêm hôm ấy của anh. Anh nói như gió thoảng:

- Minh tuy là một Tiểu đoàn trưởng nổi tiếng nhưng đã là thương phế binh, một người đàn ông tội lỗi rồi! Cậu có biết không?

Tôi cười:

- Không bị bệnh lậu, không là con trai. Không bị thương đâu phải là lính hả anh?

Anh nắm lấy tay tôi:

- Mình ra ngoài cho thoáng, tiếng máy truyền tin trong này ồn ào quá.

Anh đứng tựa lưng vào một thân cây thốt nốt giọng bi ai:

- Khi Hạnh hấp hối có dặn lại mình: Con Loan bệnh hoạn, tính nết đa sầu đa cảm, anh thương em, nên thương lấy Loan. Được hai năm đầu hạnh phúc, nào ngờ...

Cho đến bây giờ viết lại những xúc cảm của buổi tối hôm ấy, tôi vẫn còn thảng thốt, tôi nhớ như in từng câu nói, mà hình như cố gắng lắm anh mới nói ra khỏi thanh quản được:

- Chú có nhớ anh cán binh hồi chiều không, những vết thương ghê tởm ấy đã cướp mất cái hạnh phúc rất thường nhưng rất cần thiết trong cuộc sống lứa đôi đây, Hai năm sau ngày lấy Loan, mình bị thương y như vậy...

Tôi nghe xong, vừa đau đớn, vừa ngạc nhiên:

- Anh “bị” như thế, sao anh nói chị mới sanh?

Anh cười chua chát:

- Mình rất sợ những lần về phép, trực diện với những khát khao của nàng, mình thấy thương nàng hết sức. Còn “việc kia” phải thông cảm cho Loan, nàng cũng là đàn bà, có những đòi hỏi thường tình của đàn bà.

Các bạn cứ thấy tôi hay nhắc đến trăng, tôi vốn là đứa thiếu tự tin. Khi gặp những cảm xúc đột ngột, tôi thường cố trấn tĩnh bằng cách tìm một cái gì to rộng, bao la như thể những cái đó, có thể che chở được cho tôi.

Tôi ngẩng đầu lên bầu trời xa hút tìm trăng, không có. Tìm một vài vì sao, cũng không có. Xa xa về hướng núi Bà, những trái hỏa châu, như những chiếc đèn lồng đang bị gió thổi đu đưa, cái thấp cái cao, tỏa ra những tia sáng vàng vọt đứt quãng, lấp loá, rung rung như những giọt nước mắt

Có người lính truyền tin chạy ra nói với anh:

- Thừa Trung tá, bên Trung tá có một thẩm quyền muốn nói chuyện với Trung tá.

Anh vỗ vỗ vai tôi:

- Thôi, còn sống còn gặp lại.

Tôi nắm lấy tay anh bụi ngùi:

- Vâng, còn sống còn gặp. Cho em gửi lời thăm chị...

V. TRĂNG LẠI GÂY

Hình như có ông trời thì phải, lại có thể ông ấy muốn tôi viết về anh nên đã cho tôi và anh gặp lại nhau vào thời điểm khổ nhục nhất của những kẻ bại trận: Tôi và anh ở chung trong một trại tù ở tận Việt Bắc.

Đó là trại 3, liên trại 4 ở Hoàng Liên Sơn. Tôi và anh lại ở chung Đội 4, đội chia ra thành nhiều tổ, anh ở tổ cửa xẻ, tôi ở tổ rau xanh.

Người ta bảo: Nhất thổ nhì mộc. Thế nhưng, tổ mộc của anh, nhân nhả hơn tổ của tôi nhiều. Sau khi đóng bàn ghé cho trại, thì công việc chính là đóng mấy chiếc hòm, tủ cho riêng các cán bộ có chức phận...

Bây giờ “hòa bình” đã lập lại, cũng phải vun vén, tư túi như ai mới được chứ? Đó là lý do tổ của anh được những cán bộ trong trại ưu ái... Ngoài phần ăn, mỗi người còn được thêm một bát cơm trắng, vì thế anh thường “chi viện” cho tôi

những củ khoai, củ sắn. Anh thường làm tôi yên tâm: “Chú cứ cầm lấy ăn đi, anh ăn như thế đủ lắm rồi”. Tôi cũng biết, với một người có cân lượng như anh, ăn uống như thế này thật là thiếu thốn, nhưng cố từ chối không được. Và lại, tôi cũng bị đói quá nên cũng phải nhận.

Có tên Phó trại, sắp về phép nhờ tổ mộc đóng cho anh ta một chiếc tủ nhỏ đựng quần áo, đóng xong hẳn cho cả tổ mộc một chỗ xôi. Anh được một năm.

Năm xôi phần của anh ấy, đã gây cho tôi và anh một chuỗi những phiền toái và nhục nhã...

... Tôi chui vào một bụi cây, mới mở gói lá chuối ra, thì một tên cảnh vệ ập tới:

- Cả tuần nay trại ăn sắn! Xôi đâu mà anh có?

Tôi đâu có thể nói là của anh cho tôi. Do dự một chút, tôi nói:

- Tôi đổi một chút tư trang của tôi cho dân trong bản...

Tôi bị trói thúc ké và bị dẫn về trại ngay lập tức...

Khi tên cán bộ dẫn giải tôi đi ngang tổ mộc... Anh lắc đầu. Tôi vừa nheo mắt, cũng vừa lắc đầu như một ám hiệu cho anh biết tôi đã nhận hết, anh đừng khai báo gì cả...

... Tôi nằm trong hang biệt giam, hai chân bị cùm, hai tay bị còng, trong một tư thế nửa nằm nửa ngồi, cứ thế suốt một ngày, đến bữa ăn, tên cảnh vệ tháo còng, cùm cho tôi ăn, ăn xong, khóa tiếp...

Sáng hôm sau, tôi thấy Nguyễn Trọng Nhi, một Thiếu tá Nhảy dù khiêng linh kính những cây, gỗ vào hang. Anh không nhìn tôi, lúi húi lắp ráp một cái cùm khác bên cạnh chỗ tôi nằm...

(Cùm là hai cây gỗ, đặt song song với nhau trên hai cây trụ, cũng bằng gỗ, được khoét hai lỗ tròn vừa bằng cổ chân. Phạm nhân ngồi xuống, đưa hai chân lên, hai cổ chân vào hai cái lỗ ấy, tên cảnh vệ chỉ việc đóng thanh gỗ phía trên lại, cài chốt. Sau đó mới còng hai tay, tùy theo tội nặng nhẹ mà hai tay bị cùm đằng sau hay đằng trước)

Tôi tự nghĩ:

- Ước gì có “Con nhận” nào sắp bị vào đây, biết kể chuyện chường, thì đỡ cho mình quá!

Nguyễn Trọng Nhi lúi húi làm, thỉnh thoảng chờ cho tên cảnh vệ quay đi chỗ khác, anh quay nhìn tôi, hình như anh muốn với tôi điều gì thì phải.

Chờ cho tên cảnh vệ ra ngoài làm gì đó. Anh nói nhỏ:

- Chỗ cửa thằng Huấn đấy!

Nói xong, anh vội thu dọn đồ nghề, vờ lấy thanh gỗ gần chỗ tôi nằm rồi khẽ đập vào vai tôi rồi theo tên cảnh vệ đi ra...

Chỉ một lát sau, lại tiếng tên cảnh vệ:

- Vào đây, sướng không muốn, “nại” quan hệ “nôi” thôi.

“Yên vị” tôi hỏi anh:

- Anh bị chuyện gì vậy?

Anh nói:

- Còn chuyện gì nữa! Cậu ngu lắm, nhận gì thì nhận, sao lại nhận là mua bán đổi chác với dân bản? Tội ấy to lắm! Cậu có biết chúng nó giam cậu bao lâu không?

- Thì bắt quá, vài tuần là cùng chứ gì?

- Vài tuần, sức khỏe như thế này, chịu sao nổi vài tuần, nó độc quyết định rồi đây. Một tháng!

Tôi rùng mình, một tháng trời, với tư thế nửa nằm nửa ngồi như thế này...

- Tớ đành phải nhận đã cho cậu cái năm xôi đó, thế là hai đưa mình cưa đôi!

Tôi nói như hét:

- Tôi làm tôi chịu, mắc mớ gì anh mà anh nhận, tôi còn khỏe mạnh còn anh bị thương như thế, làm sao chịu nổi cực hình này?

Tôi ngừng liền, rồi liếc nhìn chiếc chậu sành để bên cạnh, cái chậu ấy, tôi chỉ cần nghiêng mình là có thể đi tiểu được (vì ban ngày chỉ bị cùm tay phía trước). Còn anh, vết thương tai ác kia thì làm sao đây?

Tôi bỗng nhớ đến mỗi lần vào khu nhà tắm công cộng (Nói là cái nhà cho nó oai, chứ gồm nhiều ống nứa, nối lại với nhau, dẫn nước suối từ lưng chừng núi xuống. Thế là túm nhau lại tắm). Trại toàn là nam tù nhân nên ai ai cũng trần truồng, chỉ có anh là luôn mặc một chiếc quần đùi.

Một hôm, trong lúc sinh hoạt, tên cán bộ văn xã ra lệnh:

- ... Còn về sinh hoạt nội quy, từ nay tằm tấp, mọi người phải mặc quần “nót” vào, các anh quen thói sa đọa, sao cứ tông nông như thế! Trông chướng lắm...

Tan hàng, Hùng Sùi cười hô hô:

- Từ nay tằm lại phải mặc quần “nót”! Tư trang đi học đủ cho một tháng, quần “nót” mục mẹ hết rồi! A, ha! Nhưng lại đỡ cho những “Hoạn quan” biết mấy?

Tôi thấy mặt anh tái ngắt, anh cúi ngay đầu xuống. Một cảm giác vừa tê tái, vừa nóng giận cực độ bùng lên, tôi kéo Hùng Sùi ra gốc đá, nắm lấy cổ áo anh ta. Tôi ghé sát vào mặt Hùng, gần từng tiếng:

- Anh nói ai là hoạn quan?

- Tôi có nói anh đâu mà anh động lòng? Muốn đánh nhau hả? Anh nhìn lại cái thân cò ma của anh, chịu nổi mấy cú đấm của tôi?

Hùng Sùi đẩy mạnh một cái, rồi dứ dứ nắm tay to tướng vào trước mặt tôi, tôi nhỏ một bãi nước bọt:

- Anh cực kỳ vô liêm sỉ, người ta bị thương là do đạn thù, chính ra anh phải xót thương họ mới phải, sao nỡ ăn nói như thế?

Hùng Sùi trân trân nhìn tôi, tôi chờ sự phản ứng của anh ta, chắc tôi sẽ lãnh đòn rồi, thằng cha này tính nóng như lửa! Nhưng kia! Gương mặt Hùng chuyển sang màu tái tím, đôi mắt rung rung:

- Tớ bậy thật, tớ không thể ngờ tại sao mình lại hàm hồ đến thế.

Rồi Hùng vỗ liên tiếp vào miệng:

- Cái miệng ăn mắm ăn muối, khốn nạn, khốn nạn.

Trở lại cái “phòng giam”, nỗi lo lắng về việc vệ sinh của anh đã được anh giải quyết rất khốn khổ. Thường cho dù ăn ngô, ăn sắn, hay ăn cơm, mỗi bữa, một tù nhân được một bát rau luộc với muối. Anh chỉ vớt ăn cái, còn bỏ nước. Khi nào anh khát lắm, tôi thấy anh chỉ nhấp một chút nước cho đỡ khô miệng...

Một hôm, ăn “cơm” chiều xong, tên cảnh vệ nói:

- Hôm nay, theo lệnh trên, nhân ngày lễ lớn, các anh khỏi phải cùm, phải còng, có thể ra ngoài nơi giam giữ, nhưng không được đi ra khỏi hàng rào...

Tôi với anh ngồi trước cửa hang, hai tay cứ liên tục xoa bóp những chỗ phồng trên hai ống chân, bỗng tôi thấy anh nhẩy xuống đất cầm cục đá, ném lên trời, nơi có một ông trắng gầy đét đang ngồi lắt lẻo trên ngọn xoan già:

- Cậu có biết tại sao tớ cứ bị cái mặt mệt này, nó ám ảnh tớ mãi như thế này không?

Trong se se lạnh, giọng của anh trầm hẳn xuống:

... “Đất nước hai đầu phình ra, mầu mỡ, đến quê mình thì tự nhiên thắt lại, khe khát, nghiệt ngã nên nghèo lắm... Giống như chỗ bản thì lắm vi trùng! Nghèo đói quá, khổ hận quá, sinh ra tôn giáo và Cộng sản và ở đây, Cộng sản lây lan như một bệnh dịch. Các thanh niên bỏ trốn ra bung. Còn mình thì được gia đình cho ra Huế học. “Học trò trường Quảng ra thi, thấy cô gái Huế chân đi chẳng đùng”... Và mình gặp Bằng Lăng, chúng mình yêu nhau, thề non hẹn biển...”

Cho đến một đêm (Anh lại lấy cục đá ném lên trời) cũng đêm trắng như thế này, nàng đến mình. Giọng nàng sũng nước mắt:

- Anh có yêu em không?

- Sao em lại hỏi anh câu đó? Em không biết lòng anh đối với em như thế nào sao Lăng?

Lăng ôm ghì lấy mình van lơn:

- Không, anh phải trả lời cho em mới được!

Mình quả quyết:

- Anh yêu em, yêu, như chưa từng yêu ai trên cõi đời này cả!

- Anh có thể bỏ tất cả, trốn theo em được không?

- Việc gì phải trốn, anh có thể về nói với gia đình, trâu cau hỏi cưới đảng hoàng

- Em muốn anh đi với em vào bung, theo Cách mạng, anh thấy không, tổ quốc đang...

Cho đến giờ phút này, mình còn nhớ như in khuôn mặt đắm lệ của nàng khi mình từ chối, mình không còn nhớ mình

nói điều gì, chỉ còn nhớ chiếc bóng của nàng chạy ra cửa, vừa chạy vừa gạt nước mắt...

Nhưng bi kịch này, không nằm yên ở cuộc chia tay ấy...

Nàng vừa bước ra khỏi ngoại thành thì bị bắt, rồi bị giam tại nhà lao Mang Cá. Mình biết tin ấy khi nghe bạn bè trong lớp xì xào, họ nhìn mình với con mắt nửa nghi ngờ, nửa sợ hãi.

Lúc ấy, Huế đang oằn mình trở lạnh, những cơn mưa phùn làm trời đất tê tái, thâm xít. Mình đi thăm nàng với một túi gồm áo lạnh và những đồ vật dụng cá nhân.

Người cảnh sát dẫn nàng ra, áo lam, khuôn mặt tái xanh. Mình lao tới chộp lấy tay nàng

- Sao ra cơ khổ này hả em?

Và cho đến bây giờ, tôi còn nhớ như in đôi mắt bốc lửa của nàng nhìn tôi ngày hôm ấy. Nàng hất mạnh tay mình ra, rồi dần từng tiếng:

- Tôi không thể ngờ trên thế gian này lại có người ti tiện như anh, chỉ mình anh là biết tôi đi! Ai chỉ điếm ư? Thì chỉ có anh là biết...

Ánh trăng bị một đám mây to che khuất lại đang từ từ hiện ra, sáng đến nỗi tôi có thể trông thấy mờ mờ những mái nhà sàn nhấp nhô trong màn sương mờ đục dưới bản... Sáng đến độ, tôi có thể nhìn thấy những nét méo mó trên gương mặt khắc khổ của anh...

Tôi nhìn anh ái ngại. Bây giờ thì tôi mới biết cái gì thăm thẳm như từ vực sâu, luôn lấp ló trên cặp lông mày, lúc nào cũng như muốn toát ra những khổ ải ở anh...

Như phần mở đầu, tôi có mô tả qua, tiếng vạc sành kêu sương trong những đêm cô tịch như đêm này (Ồ! Không phải chúng kêu đâu, hình như chúng gọi nhau thì phải, con trống gọi con mái, một giọng khàn đục tha thiết gửi nhớ thương đến một con mái chờ trông. Có khi là con mái rất xa lạ, hoặc con mái trễ cuộc hẹn hò? Vì không giống như những loài chim khác, vạc không biết lối đi về ban đêm bởi thính giác, thị giác chúng rất tồi... Chúng chỉ biết ra rả gọi nhau để truyền tải nỗi nhớ nhung và lòng khao khát mà thôi).

Lại có một chi tiết, không khéo, tôi lại mang tiếng là đơm đặt: Hai ngày sau tên cảnh vệ sùng sục đi vào hang, hấn mở cùm còng cho anh rồi ném về phía anh một gói giấy báo:

- Anh thay đồ gấp, đi gấp cấp trên.

... “Chỉ vì một năm xôi thôi, lại chưa được ăn vào miệng sao nhiều rắc rối thế này?” Tôi cứ loay hoay trong những câu đại loại như thế... Nhưng chỉ một lát sau anh về, vẻ mặt anh chứng tỏ anh xúc động rất mạnh. Nhưng tôi càng ngỡ ngàng hơn, khi nghe anh nói:

- Thượng tá quân báo Hồ Hải Bằng Lãng đến thăm Trung tá tù nhân Huỳnh Văn Huấn...

Bạn đọc đến đây, chắc sẽ nghĩ đến những trách móc, những chì chiết của những việc làm ngày xưa cũ, rồi thế nào cũng đến cái màn an ủi nhau, “động viên” nhau học tập tốt, cải tạo tốt phải không? Bạn lầm rồi, y như hôm ấy anh và tôi đã lầm...

Những đợt thăm nuôi này, kế tiếp đợt thăm nuôi khác, anh không hề nhận được một chút quà thăm nuôi hay thư từ gì của Loan nữa... Bạn cũng không bao giờ tưởng tượng nổi, nỗi tủi thân của những người tù, khi nhìn thấy những người không được thăm nuôi đâu nhỉ? Trong khi chúng tôi đang rói rít với những tấm áo ấm, nòng nân tình cảm gia đình... Thì họ, trong đó có anh, lẳng lặng tránh ra những hang đá vắng để lau những giọt nước mắt...

Biết những nỗi tủi thân ấy, mỗi lần nhận được quà, tôi đem thẳng đến lán của anh, hai anh em mở ra ăn, chia nhau những vật dụng như muốn san sẻ đồng đều cho nhau những hạnh phúc cùng cả những bất hạnh (Nhưng cho đến bây giờ, tôi mới biết những cử chỉ ấy của tôi chỉ làm khuấy thêm nỗi xót xa, nỗi tủi phận trong anh mà thôi).

Vợ tôi lại lặn lội ra thăm tôi lần nữa, mới gặp nhau, mắt nàng long lên:

- Lần sau, anh đừng nói em đến thăm con mẹ Loan nữa nghe, nó lấy chồng rồi, lại lấy cán gộc mới chết chứ...

Đàn bà đến là buồn cười, trong những cử chỉ, giọng nói về một người đàn bà trắc nết nào đó, y như có lấp ló niềm kiêu hãnh về lòng đoan chính của họ...

Tôi chia đôi bánh thuốc Lào, rồi chạy nhanh xuống anh. Tôi quyết định cứ huých toẹt ra cho rồi, đằng nào anh chẳng biết - Tôi nghĩ như vậy! (Bạn ạ! Tại sao tôi lại viết chi tiết bánh thuốc Lào ở đây. lại đi kèm với cái tin xui xẻo ấy của anh? Bạn không biết đấy thôi! Tôi làm một thí dụ này nhé: Ở bên Mỹ no cơm ấm cật này, nếu tôi đang bị mất job, lại mất chiếc xe. Có một ông bụt Mỹ nào đó đến cho tôi một cái xe đời mới nhất, tôi không mừng bằng ở Việt Bắc, trong cái giá lạnh của gió mùa đông bắc và cái hiu hắt giá băng của nỗi nhớ nhà, bạn cho tôi mấy “bi” thuốc Lào!).

Nhìn bánh thuốc Lào, mắt anh sáng lên:

- Đủ rồi, thế là đủ rồi, đủ say cho quên cuộc đời chó đẻ này rồi Hoàn ạ... Cậu muốn kể cho mình về Loan phải không? Mình nghe hết rồi...

Cái tin một bà vợ nào đó, vất bỏ lại đằng sau nỗi nhục nhằn của người chồng đang ở trong tù, để đi tìm một cuộc sống khác ổn định, vẫn là câu chuyện đầu tiên khi các bà không bỏ chồng kể cho chồng nghe, như một lời nhắn: “Em đã được vinh hạnh anh chia cho cái vinh hoa ngày trước. Em sẽ cùng anh uống chung chén đắng sau này...”

Một tháng sau, anh chết!

Tôi sẽ không kể việc anh chết thâm thâm và lạ lùng như thế nào, dễ hiểu thôi! Tôi mà kể ra, có thể có người nào đó, biết đó là anh, vì chưa từng có cái chết nào trong tù lại thảm khốc và hãi hùng đến như vậy...

Tôi chỉ xin bạn theo bóng tôi đến một mòm đá sau lán...

... Trong khi các bạn tù đang nhón nháo về tin anh chết. Tôi lẳng lặng ra mòm đá mà tôi với anh từng ngồi. Lại hai hình ảnh và âm thanh với những ám ảnh như truyền kiếp cứ quán lấy tôi: Trăng gầy và tiếng vạc kêu sương! Hẹn âm ấy, như con ác phụ Kim Loan đã bám suốt đời anh... Trăng gầy, hôm nay vàng vọt, mây chung quanh như một giải băng tang lạnh lẽo. Bỗng nhiên có một cơn gió xoáy ập đến, gió xoáy vào những góc cây, những hốc đá... Mặc dù trời nhờ nhờ tối, tôi cũng biết cơn xoáy ấy đang mang theo đất cát và những chiếc lá khô cùng những tiếng gió rít bay vút lên không trung thăm thẳm...

Tôi khóc, tiếng gió rít mang theo tiếng thì thầm trong tiếng nấc của tôi:

- Xin anh yên nghĩ, những ngày đã qua của anh, chẳng có gì anh phải hối tiếc cả! Anh sống làm chi cho thêm khổ, xin anh đi bình an...

Tôi gục đầu, lại có tiếng vạc sành khắc khoải...

VI. VAI GẦY.

Tôi đang đối mặt với Loan...

Như tôi kể cho bạn ở trên. Xin bạn hãy thông cảm cho sự tức giận của tôi mà tha thứ cho ý nghĩ này của tôi lúc ấy: Giá tôi có thể nhào tới, tát vào cái khuôn mặt kia một vài cái, tôi cũng có thể làm.

... Tôi gằn từng tiếng:

- Còn tôi, không cần dò hỏi về chị, tôi cũng biết chị đi theo diện HO của người chồng bạc phước đã chết trong trại cải tạo. Còn xót xa hơn, sau đó chị còn bảo lãnh cho thằng Việt cộng ấy sang đây với chị nữa kia...

Loan gục đầu khóc rồi nàng hất mạnh lọn tóc dài ra đằng sau, cười chua chát. Nàng mở bóp, lấy ra một phong bì đã cũ nát, trong đó có bức hình đen trắng:

... Bằng Lăng, người con gái Huế kiều mị năm nào, trong bộ quân phục đang đứng bên anh, bộ đồ tù còn nhăn nếp mới... Tôi lật mặt sau:

“...Thưa chị Loan: Báo tin cho chị tôi đã tìm thấy người yêu cũ của tôi rồi. Tôi đang tìm cách bảo lãnh anh ra. Chúng tôi sẽ nối lại cuộc đời đã bị dang dở ngày xưa... Mong chị sớm quên anh.

Và một dòng tái bút: Từ nay chị khỏi phải thăm nuôi anh nữa, tôi sẽ làm công việc ấy thay cho chị...

Các bạn thấy kinh hãi chưa, đàn bà, lại là đàn bà Việt Cộng, họ trả thù nhau tàn khốc như vậy đó!

Tôi nhìn Loan, nàng đang gục đầu, hai vai gầy nhô cao, rung lên theo tiếng nấc.

Lê Xuân Sơn

Tôi sẽ về...



Tại sao không về Việt Nam?
(có nhiều người tò mò hỏi)
Tôi xin trả lời
Hãy nghe tôi nói
Tôi không bao giờ về Việt Nam
Vì không muốn làm
một chứng nhân bất lực
trước những đau khổ nhục nhằn
của người xấu số dân oan

Tôi không về Việt Nam
Vì khi mà tôi hèn nhát không dám
nhỏ nước miếng vào mặt những tên Cộng Sản
Thì tôi cũng không thể
Đứng im lặng, cúi đầu...

Tôi không về Việt Nam
Để khỏi bị hiểu lầm
là một tên già mất nết
Đi tìm thú vui xác thịt
trên thân hình đứa trẻ nít
mà tuổi chỉ bằng đứa cháu của mình
Tôi cũng không về du lịch
Để chỉ nhìn thấy
Những hào nhoáng bên ngoài
Mà không thấy bên trong
Của một chế độ thối nát
và đầy dẫy bất công

Cũng có người bảo
Rồi tôi sẽ rất hối tiếc
Cho đến khi chết
Cũng không thấy lại Việt Nam
Xin cảm ơn bạn
Tôi bằng lòng với đời sống lưu vong
Cho đến lúc trút hơi thở cuối cùng
Tôi không cần lòng thương hại
Tôi thà là không bao giờ được thấy lại
Quê hương
Còn hơn là đầu hàng

Tôi sẽ về Việt Nam
(nhưng mà chưa phải hôm nay)
Để nhìn quê hương đổi mới
Khi ánh sáng đã xua đuổi bóng tối
Khi tự do, dân chủ đã ngự trị khắp nơi
Những trẻ thơ lại cất tiếng hát
Những mẹ già lại nở nụ cười
Đường đi ngập đầy bóng mát
Ruộng đồng sẽ mãi tốt tươi...

Ngày tôi về
Là ngày quê hương mở hội
Là ngày dân tộc an vui
Tôi sẽ đi xem người ta treo xác
Bọn lãnh tụ “ưu việt”
Tôi cũng đi dự những phiên tòa
Nơi người ta xử những tên chó săn khốn kiếp
Một thời đã gieo sợ hãi khủng khiếp
Cho những người dân hiền lành
Tôi sẽ reo mừng, ca hát
Chân dẫm trên lá cờ đỏ rách nát
Tôi sẽ cùng mọi người tay nắm tay
Ngước mắt nhìn
Lá cờ vàng lại ngạo nghễ tung bay...

Nguyễn N. Liên

Ghi chú:

Bài thơ này đã đăng trong Đặc San Chu Văn An năm 2009 của Hội Bưởi-CVA Nam California. Xin đăng lại trên Diễn Đàn để cho các bạn chưa có dịp đọc.

MỤC LỤC

Giới thiệu Khóa 21	01
Tâm thư Khóa 21 - <i>Mai Văn Tấn</i>	03
Hồi ký tù: Nắng xuân - <i>Trần Như Xuyên</i>	06
Hẹn (thơ) - <i>Hoài Quốc LVD</i>	18
Dưới bóng vạn lý - <i>Nguyễn Thái Dũng</i>	20
Con thẳng hải tặc - <i>Đỗ Quốc Anh Thư</i>	42
Đen tối - <i>Mai Văn Tấn</i>	57
Tản mạn: Soi bóng - <i>Trần Như Xuyên</i>	93
DC tạp chuyện - <i>Trần Quang Duật</i>	100
Nhớ trường & nhớ chiến trường xưa - <i>Nguyễn Hồng Thành</i>	124
Cảnh đổi đời của tôi - <i>Đổng Duy Hùng</i>	127
Khóa 21 với Không Quân - <i>Nguyễn Thái Dũng</i>	133
Chuyện kể của một thẳng cùi - <i>Trần Ngọc Linh</i>	149
Con Rồng cháu Tiên (thơ) - <i>Hoài Quốc LVD</i>	154
Người bạn cùng phòng - <i>Nguyễn Văn Đông</i>	155
Hoài niệm một ca khúc - <i>Hoài Quốc LVD</i>	160
Ông thầy - <i>Trần Quang Duật</i>	167
Tự tình khúc (thơ) - <i>Nguyễn Văn Hảo</i>	172
Viết thay... - <i>Mai Văn Tấn</i>	174
Trận đánh Phụng Hoàng - <i>Trần Quang Duật</i>	184
Vàm Cỏ Đông (thơ) - <i>Trần Như Xuyên</i>	190
Viết cho Lê Hữu Khiêm... - <i>Đổng Duy Hùng</i>	192
Khóc bạn (2 bài thơ) - <i>Hoài Quốc & Linh Cà</i>	198
Vui buồn với Khóa 21 TQLC - <i>Tô Văn Cấp K19</i>	200
Hai bài thơ Ông Quận Hải - <i>Nguyễn Văn Hải</i>	213
Tết xa nhà (thơ & họa) - <i>Polar Bear & Linh Cà</i>	214
Khóa 21 và SĐ21BB - <i>Nguyễn Hồng Thành</i>	215
Lon Thiếu tướng - <i>Lê Quý Trán</i>	226
Lời ru của Mẹ (nhạc) - <i>LVD</i>	227
Bóng người xưa (thơ) - <i>Nguyễn Văn Đông</i>	228
Tổng Lê Chân với Lê Văn Ngôn - <i>Trích Đặc San BĐQ</i>	230
Trắng gày - <i>Lê Xuân Sơn</i>	234
Tôi sẽ về (thơ) - <i>Nguyễn N. Liên</i>	253
Mục lục	256
Phụ bản Hình Khóa 21	
Danh sách Yểm Trợ Đại Hội	